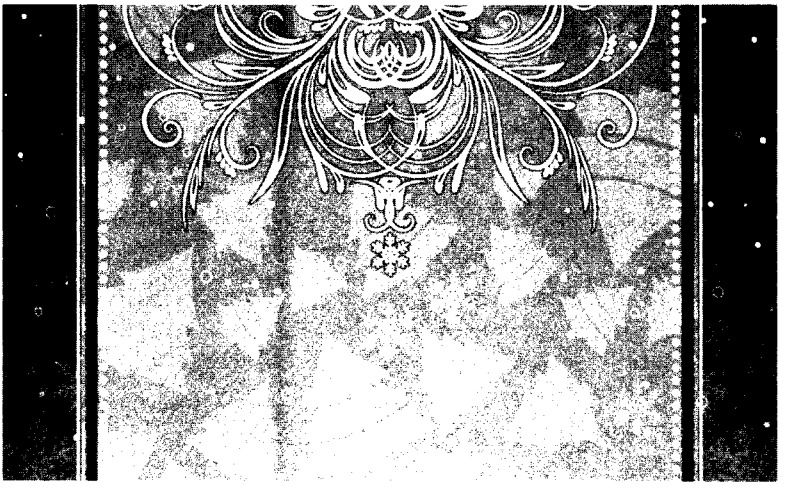

# LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

## Quyển 36

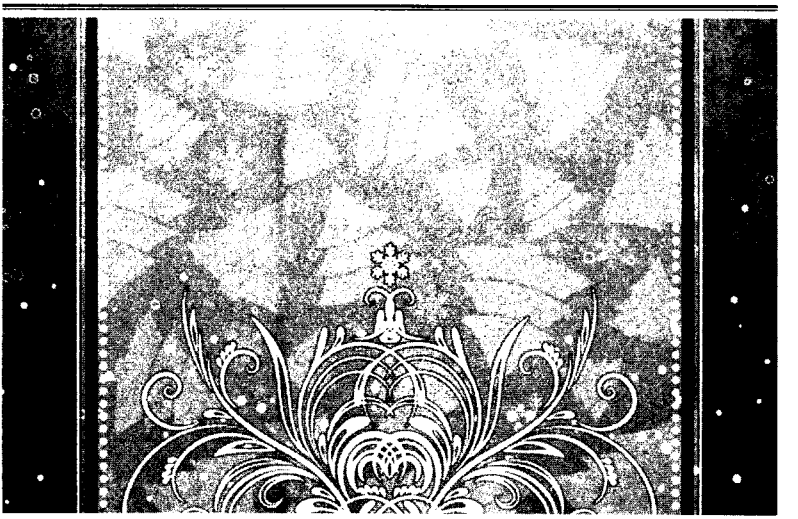

# Phẩm Thứ Ba
## (TIẾP THEO)

### Tập Tương Ưng
(Tiếp theo)

**KINH:**

**Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ tát có trí huệ thắng hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật? Vì sao Bồ tát trú được nơi bất thối chuyển địa, dẫn đến thanh tịnh Phật đạo?"**

**LUẬN:**

Ngài Xá Lợi Phất là bậc thượng thủ trong chúng, có trí huệ bậc nhất. Khi nghe Phật nói trí của Bồ tát thắng hơn trí huệ của hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, tuy ngài đã thông suốt nhưng vẫn muốn hỏi Phật để được Phật giải đáp rộng hơn, để người đời sau được rõ.

**Hỏi:** *Vì sao nói hàng Bồ tát thắng hơn hàng Thanh Văn, và trú nơi bất thối chuyển địa và thanh tịnh Phật đạo? Nếu chẳng có hàng Thanh Văn kham nhận Phật sự, thì làm sao Bồ tát có thể thanh tịnh được Phật đạo?*

**Đáp:** Ngài Xá Lợi Phất thường theo bên Phật chuyển pháp luân, đem lại lợi ích cho chúng sanh. Ngài vì lợi ích chúng sanh, muốn chúng sanh thành Phật đạo mà nêu lên các câu hỏi để Phật giải đáp, khiến chúng sanh được rõ hơn.

Lại nữa, ngài Xá Lợi Phất muốn chúng sanh biết rõ tâm

đại bi của Bồ tát, muốn chúng sanh biết rõ Bồ tát đem lại cho họ vô lượng lợi ích, nên mới hỏi Phật như trên.

Lại nữa, ngài Xá Lợi Phất nhờ ân đức của Phật mà phá được các tà kiến, vào được Phật đạo. Nay ngài muốn đền đáp ân đức của Phật, mà hỏi Phật như trên.

Lại nữa, xét cùng tột, ngài Xá Lợi Phất ở trong hàng Thanh Văn, chẳng sao hiểu rõ được các việc làm của Bồ tát, nên mới phải hỏi Phật như vậy. Vì sao? Vì pháp của Bồ tát thậm thâm vi diệu, mà ngài tự thấy mình chưa biết hết được, nên mới hỏi Phật như trên. Ví như nghe nói có người thấy được kho bảo vật mà mình chưa được thấy, nên phải hỏi vậy.

-o0o-

**KINH:**

**Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma-ha-tát, từ khi sơ phát tâm đã tu 6 pháp Ba-la-mật, đã an trú trong 3 giải thoát môn Không, Vô Tướng và Vô Tác, lại còn an trú trong bất thối chuyển địa, dẫn đến thanh tịnh Phật đạo, nên thắng hơn hết thảy các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật.**

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Cả ba sự việc này ở phẩm sau mới nói đến. Sao lại nói ở trước như vậy?*

**Đáp:** Vì ngài Xá Lợi Phất thưa hỏi nên Phật lược nói ra như vậy. Ở các phẩm sau Phật mới nói rộng thêm.

Lại nữa, ở phẩm này chỉ nói nhiều về 3 giải thoát môn Không, Vô Tướng, Vô Tác. Về sau sẽ nói rộng thêm về các công đức khác của các Bồ tát.

**Hỏi:** *Ba giải thoát môn là ba cửa dẫn vào Niết bàn. Nay vì sao lại nói Bồ tát trú trong ba giải thoát môn, nên thắng hơn hết thảy hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật?*

**Đáp:** Nếu chẳng tu các lực phương tiện, mà trú trong ba giải thoát môn, tức là thủ chứng Niết bàn. Trái lại, Bồ tát tu đầy đủ các lực phương tiện, nên tuy trú trong ba giải thoát môn, mà chỉ dùng các pháp môn này làm lực phương tiện để chuyển tâm chúng sanh mà thôi. Ví như người bắn tên giỏi, bắn liên tục các mũi tên lên không trung, dùng lực phương tiện của mũi tên sau để đẩy mũi tên trước, khiến các mũi tên trú trong hư không, chẳng rơi xuống mặt đất. Cũng vậy, Bồ tát dùng lực phương tiện ba giải thoát môn bắn mũi tên trí huệ khiến chẳng cho rơi xuống đất Niết bàn.

Bồ tát tuy biết Niết bàn an lạc, nhưng chẳng trú Niết bàn, vì Bồ tát thường cầu đại sự: Trên cầu Vô Thượng Bồ Đề, dưới cầu hóa độ chúng sanh. Bồ tát biết rõ thời gian, nhưng chẳng bị thời gian trói buộc. Bởi vậy, từ sơ địa dẫn đến Phật địa, Bồ tát mãi mãi lo hoằng pháp, độ sanh, chẳng bao giờ ngưng nghỉ. Bồ tát biết rõ các pháp vốn bất sanh, bất diệt nên lấy đó làm bất thối chuyển địa, rồi lại trú nơi bất thối chuyển địa mà giáo hóa chúng sanh, dẫn đến thanh tịnh Phật đạo.

Lại nữa, Bồ tát trú nơi ba Giải Thoát Môn, thông suốt cả bốn Đế... biết rõ hết thảy các pháp Thanh Văn và Bích Chi Phật, lại vượt qua 4 Đế vào Đệ Nhất Đế, là nơi trú xứ của hết thảy các pháp (nhất thiết pháp), bất sanh, bất diệt vậy.

Bồ tát trú nơi Đệ Nhất Đế, tận trừ các nghiệp thô ác ở thân, khẩu, ý, diệt hết thảy các lỗi lầm từ trước về các pháp nên trú trong thanh tịnh Phật đạo.

-o0o-

**KINH:**

**Ngài Xá Lợi Phất thưa "Bạch Thế Tôn! Bồ tát trú ở địa nào mà hay làm phước điền cho hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật?"**

**LUẬN:**

Ngài Xá Lợi Phất biết rằng, Bồ tát tuy chưa lậu tận, mà đã có đại công đức, đã có ruộng phước (phước điền) cho hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật. Do thâm tâm cung kính Bồ tát, mà ngài hỏi Phật như trên.

-o0o-

**KINH:**

**Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma-ha-tát, từ khi sơ phát tâm dẫn đến khi tọa đạo tràng thường hành 6 pháp Ba-la-mật. Trong khoảng chặng giữa ấy, thường làm phước điền cho hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật.**

**LUẬN:**

Phật khai thị cho Ngài Xá Lợi Phất rõ về nghĩa ruộng phước Bồ tát (Bồ tát phước điền). Tuy Bồ tát trú trong 3 giải thoát môn, đồng như Thanh Văn và Bích Chi Phật, nhưng Bồ tát dùng tâm đại bi làm việc lợi tha, còn Thanh Văn thì chẳng làm được như vậy.

Bồ tát phát đại tâm, tu 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến tu 18 Bất Cộng Pháp, đầy đủ hết thảy thật pháp nên thắng hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật.

-o0o-

**KINH:**

**Vì sao? Vì Bồ tát Ma-ha-tát, từ sơ phát tâm, đã có nhân duyên với thế gian, nên các thiện pháp thế gian mới phát sanh được.**

**LUẬN:**

Trước đây Phật đã nói về Bồ tát dùng nhân duyên lợi ích chúng sanh, để làm phước điền cho hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật. Nay Phật nói Bồ tát vì nhân duyên lợi ích chúng sanh, mà khiến cho các thiện pháp ở thế gian được phát sanh. Vì sao? Vì từ khi chưa thành Phật, Bồ tát đã phát đại tâm, độ chúng sanh trú vào trong 3 thừa đạo; còn nếu chưa trú được trong 3 thừa đạo, thì cũng trú trong 10 thiện đạo mãi cho đến khi viên thành đạo quả.

**Hỏi:** *Hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật cũng có nhiều phương tiện nhân duyên với thế gian, dẫn dắt chúng sanh vào các thiện pháp. Như vậy, vì sao chỉ nói đến Bồ tát làm phát sanh các thiện pháp ở thế gian?*

**Đáp:** Hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, nếu có thành tựu được các thiện pháp, thì cũng nhờ nơi Bồ tát. Nếu Bồ tát chẳng phát tâm làm các Phật sự thì ở thế gian chẳng có được Phật đạo, chẳng có Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo vậy.

Phật đạo là căn bản của Thanh Văn và Bích Chi Phật đạo. Thế nhưng ở nơi Thanh Văn đạo và Bích Chi Phật đạo còn quá ít thiện pháp so với Bồ tát đạo, nên chẳng có nêu ra ở đây.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Những pháp gì gọi là thiện pháp? Đó là 10 thiện đạo, 5 giới, 8 quan trai giới, 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 4 niệm xứ, 4 chánh cần, 5 căn, 5 lực, 7 giác chi, 8 Thánh đạo. Do nhân duyên có Bồ tát, mới có các thiện pháp ấy hiện ra ở thế gian. Lại cũng do nhân duyên có Bồ tát phát tâm tu 6 Ba-la-mật, mới có 10 lực, 4 vô úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi, Nhất thiết chủng trí ở thế gian. Hết thảy thiện pháp hiện ra ở thế gian đều do Bồ tát vận hành cả. Lại cũng do nhân duyên có Bồ tát, mới có những đại tộc Sát Đế Lợi, Bà-la-môn, cư sĩ, mới có các cõi Trời, từ cõi Trời Tứ Thiên Vương dẫn đến cõi Trời Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng. Hết thảy các thành quả đó đều do Bồ tát vận hành cả. Lại cũng do Bồ tát vận hành, mà ở thế gian có Tu-đà-hoàn, có Tư-đà-hàm, có A-na-hàm, có A-la-hán, có Bích Chi Phật, dẫn đến có Phật.**

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Nói do Bồ tát vận hành mà ở thế gian có các thiện pháp, thì còn hợp lý. Còn như nói các đại tộc Sát Đế Lợi, Bà-la-môn, cư sĩ, thì dù có Bồ tát hay không có Bồ tát, các đại tộc ấy vẫn có. Như vậy, vì sao nói do Bồ tát vận hành mới có?*

**Đáp:** Do nhân duyên có Bồ tát giáo hóa chúng sanh, mà trong thế gian mới có 10 thiện đạo, 5 giới, 8 quan trai giới... cũng do vậy, mà các đại tộc kia mới có vậy.

**Hỏi:** *Nếu không có Bồ tát thì thế gian vẫn có 10 thiện đạo, 5 giới, 8 quan trai giới,... vẫn có các đại tộc, sao lại nói là không?*

**Đáp:** Bồ tát thọ vô lượng, vô biên thân ở khắp vô lượng,

vô biên thế giới. Có vị do thọ nghiệp nhân duyên, mà sanh thân. Có vị thọ biến hóa thân để giáo hóa chúng sanh, dạy chúng sanh tu các thiện pháp, gồm các pháp xuất gia và các pháp tại gia.

Đối với hàng cư sĩ tại gia, Bồ tát hành các pháp thế gian, nhằm giúp họ duy trì được đạo đức thế gian.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói "do có Bồ tát, mới có các thiện pháp, mới có các đại tộc Sát Đế Lợi, Bà-la-môn, cư sĩ, ở trong thế gian".

**Hỏi:** *Bồ tát có tâm đại từ, đại bi, thường hành các pháp thanh tịnh. Như vậy, vì sao Bồ tát lại nói chuyện thế tục, lại hành pháp thế gian?*

**Đáp:**

Có 2 hạng Bồ tát. Đó là:

- Hạng Bồ tát hành đại từ bi, trực nhập Bồ tát đạo.

- Hạng Bồ tát bại hoại. Hạng Bồ tát này có tâm từ bi, nhưng chẳng có đầy đủ giải thoát, nên dù thấy chúng sanh đau khổ, mà chẳng làm được nhiều lợi ích cho chúng sanh.

Ngoài ra, còn có hạng Bồ tát tại gia. Hạng Bồ tát này tuy chưa có hạnh thanh tịnh, nhưng có tâm từ bi thương xót chúng sanh, lo việc trị nước, an dân, mà chẳng có tham cầu lợi lộc riêng cho mình. Hạng này có nhiều lúc cũng có làm nhiễu loạn chúng sanh, như dùng pháp luật trừng trị kẻ xấu, ác v.v... Thế nhưng, vì có công đem lại sự an bình, thịnh vượng cho đất nước, nên cũng được gọi là Bồ tát. Tuy nhiên vì chưa được thanh tịnh nên vẫn còn là Bồ tát bại hoại.

Lại nữa, có người do tu 2 thừa đạo, là đạo làm người (nhân thừa) và đạo làm Trời (thiên thừa), mà có thể thành

tựu được các thiện pháp. Đó cũng là do sự vận hành của Bồ tát mới có được. Vì sao? Vì nếu chẳng có Bồ tát dạy cho các thiện pháp, thì thế gian chẳng có được 2 thừa đạo vậy.

Bồ tát đem lại nhiều lợi ích cho thế gian, là ruộng phước của thế gian, khiến 2 thừa đạo được thành tựu ở thế gian vậy.

Tóm lại, Bồ tát có đại công đức, nên được thế gian cung kính cúng dường. Mặc dù Bồ tát còn lưu kiết sử nhưng do đã có tu vô lượng phước đức trải qua vô lượng kiếp, nên tiêu được các phẩm vật của tín thí cúng dường. Nếu chẳng như vậy, thì chẳng sao tiêu được các phẩm vật của tín thí cúng dường được; ví như người bệnh nặng chẳng có thể tiêu hóa được các thức ăn ngon vậy.

-o0o-

**KINH:**

**Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch Thế Tôn! Bồ tát đã thanh tịnh rồi, vì sao còn thọ phước thí nữa?**

**Phật dạy: "Này Xá Lợi Phất! Chẳng phải vậy. Tâm Bồ tát bản lai thanh tịnh".**

**LUẬN:**

Bồ tát, từ sơ phát tâm, đã vì chúng sanh, hành bố thí, cúng dường; xem đó là pháp tối thắng. Vì sao? Vì trải qua vô lượng kiếp, Bồ tát đã phát tâm đại bi, nguyện vì chúng sanh thọ các khổ, để đem lại lợi ích cho họ, khiến họ được giải thoát.

Lại nữa, Bồ tát muốn giữ gìn Phật pháp, muốn được đại trí huệ, muốn khiến thế gian tức Niết bàn... nên thường hành bố thí, cúng dường.

Bởi nhân duyên vậy, nên kinh nói "Tâm Bồ tát bản lai thanh tịnh". Do vô lượng phước duyên như vậy, mà Bồ tát tiêu được các phẩm vật cúng dường của hàng tín thí.

-o0o-

**KINH:**

**Phật dạy: "Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma-ha-tát là đại thí chủ, bố thí các thiện pháp, như 10 thiện đạo, 5 giới, 18 bất cộng pháp, ... dẫn đến hết thảy chủng trí. Hết thảy các thiện pháp đó Bồ tát đều bố thí cho chúng sanh.**

**LUẬN:**

Trước nói về do nhân duyên có Bồ tát mà có các thiện pháp ở thế gian. Nay nói Bồ tát là vị đại thí chủ, bố thí các thiện pháp cho chúng sanh. Như vậy là 2 vấn đề sai khác nhau.

-o0o-

**KINH:**

**Ngài Xá Lợi Phất thưa: "Bạch Thế Tôn! Bồ tát làm thế nào mà tu tập đúng theo Bát nhã Ba-la-mật, và làm thế nào để được tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật?**

**LUẬN:**

Trước đây đã nói Bồ tát tu Bát nhã Ba-la-mật trong 1 ngày cũng đã thắng hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật. Bởi vậy, nên Phật tán thán Bát nhã Ba-la-mật, và dạy rằng các công đức của Bồ tát đều từ Bát nhã Ba-la-mật sanh ra cả.

Ngài Xá Lợi Phất biết rõ Bát nhã Ba-la-mật rất khó tu,

rất khó được, rất khó thọ trì; ngài lại sợ người tu hành rất dễ bị lầm lạc, nên mới hỏi Phật "Bồ tát làm thế nào để tu tập đúng theo Bát nhã Ba-la-mật, và làm thế nào để tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật". Ngài vì chúng sanh, hỏi Phật như vậy để mong được Phật giải đáp rõ hơn.

-o0o-

**KINH:**

**Phật dạy: "Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma-ha-tát tu tập sắc không, mới cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng, phải tu tập thọ, tưởng, hành, thức không, mới cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.**

**Lại phải tu tập nhãn không, mới cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng; phải tu tập nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý không, mới cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.**

**Lại phải tu tập sắc không, mới cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng; phải tu tập thanh, hương, vị xúc, pháp không, mới cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.**

**Lại phải tu tập nhãn giới không, sắc giới không, nhãn thức giới không, dẫn đến ý thức giới không mới cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.**

**Lại phải tu tập khổ không, mới cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng; phải tu tập tập, diệt đạo không, mới cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.**

**Lại phải tu tập vô minh không, mới cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng; phải tu tập hành, thức, danh, sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão, tử không mới cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.**

**Lại phải tu tập hết thảy pháp, hoặc hữu vi, hoặc vô vi cũng đều không, mới cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.**

**LUẬN:**

5 ấm gồm: Sắc thọ, tưởng, hành và thức.

1. *Sắc ấm:*

Pháp có thể thấy được gọi là sắc pháp. Do các nhân duyên hòa hợp mà có, nên có đối, và được gọi là hữu đối sắc.

Pháp, tuy chẳng thấy được, nhưng do nhân duyên hòa hợp mà có, cũng được gọi là hữu đối sắc.

Pháp có thể thấy được gọi là sắc. Nếu trong 10 nhập, chỉ nhiếp có 1, thì vẫn còn ở trong nghiệp không tạo tác (vô tác nghiệp), nên được gọi là sắc chẳng thể thấy được (vô kiến sắc).

Hữu đối sắc nhiếp cả 10 nhập. Vô đối sắc chỉ là vô tác sắc.

Phân biệt giữa hữu lậu sắc và vô lậu sắc cũng là như vậy.

-o0o-

Trong kinh có nói đến 3 thứ sắc. Đó là:

- Pháp thấy được và có đối, gọi là hữu đối sắc.

- Pháp vô hình chẳng thấy được, nhưng có đối, cũng gọi là hữu đối sắc.

- Pháp vô hình chẳng thấy được, cũng chẳng có đối, thì gọi là vô đối sắc.

Bởi vậy, nên biết rằng chẳng phải chỉ các pháp do mắt thấy được mới gọi là sắc, mà 10 xứ trong và ngoài nhập với nhau, tức là 5 căn duyên 5 trần khởi sanh 5 thức, đều do sắc làm nhân cả. Dẫn đến vô tác sắc ở nơi tâm cũng gọi là sắc.

Trong kinh cũng có nói đến các phiền não hiển lộ ra nơi thân của chúng sanh, gọi là phiền não tướng. Do nhân duyên hòa hợp mà có, nên các tướng phiền não cũng được gọi là sắc tướng vậy.

-o0o-

Trong kinh lại phân biệt các nhóm gồm hai hoặc nhiều thứ sắc.

- Nhóm gồm hai thứ sắc, như: Nội sắc và ngoại sắc; sắc có thọ và sắc không thọ; sắc trói buộc và sắc không trói buộc; sắc sanh tội và sắc sanh phước; sắc tạo nghiệp và sắc không tạo nghiệp; sắc thấy được và sắc không thấy được; sắc có đối và sắc không có đối; sắc hữu lậu và sắc vô lậu v.v...

- Nhóm gồm ba thứ sắc, như: Sắc thiện, sắc bất thiện và sắc vô ký; sắc hữu học, sắc vô hưu học và sắc phi hữu học phi vô học... dẫn đến có kiến đế đoạn sanh sắc, tư duy đoạn sanh sắc và vô tâm đoạn sanh sắc v.v...

- Nhóm gồm bốn thứ sắc, như: Đất, nước, gió và lửa (4 Đại); nội sắc có thọ, nội sắc không thọ, ngoại sắc có thọ và ngoại sắc không có thọ v.v...

- Nhóm gồm năm thứ sắc, như: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt và thân (5 căn); sắc, thanh, hương, vị và xúc (5 trần); nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức và thân thức (5 thức ngoài) v.v...

- Nhóm gồm sáu thứ sắc, 7 thứ sắc, v.v... Như vậy có vô lượng nhóm gồm nhiều thứ sắc.

Lại có phân biệt hai thứ sắc là: Sắc động và sắc không động.

Sắc động như gió làm mặt nước dao động, làm cây cỏ lay

chuyển, như nam châm hút vụn sắt, như các loại trân châu, xa cừ, mã não, cứ đêm đến thường hay di chuyển v.v...

Lại có phân biệt hai thứ sắc là: Sắc thô và ảnh tượng sắc.

Sắc thô là sắc có thể thấy được, nghe được, ngửi được, nếm được, xúc chạm được. Ví như đất, đá v.v...

Ảnh tượng sắc do các nhân duyên bên ngoài hợp sanh, chẳng phải tự có thật như vậy. Ví như soi mặt vào trong dầu, thấy ảnh của mặt màu đen, đó chẳng phải là màu sắc của mặt. Lại ví như soi mặt vào lưỡi gươm dài để nằm ngang, thấy ảnh của mặt dẹp và rộng ngang hơn. Lại ví như soi mặt vào lưỡi gươm dựng thẳng đứng, thấy ảnh của mặt kéo dài theo chiều dọc. Lại ví như soi mặt vào một hạt kim cương nhiều mặt, thấy mặt có nhiều ảnh, màu sắc và hình dạng khác nhau. Lại ví như khi có gương đứng yên, có mặt người soi gương, có ánh sáng, có đầy đủ các duyên đó hòa hợp thì mới có ảnh của mặt hiện ra trong gương. Nếu chẳng có mặt, chẳng có ánh sáng hay nếu có mặt, có ánh sáng mà gương cứ quay tít mãi, thì chẳng có thể soi mặt trong gương được.

Lại cũng có thể do nghiệp nhân duyên của từng chúng sanh từ đời trước truyền lại, mà tạo ra nhiều ảnh tượng sắc vô cùng khác lạ, chẳng có thể nghĩ bàn được.

-o0o-

Như vậy có vô lượng sắc nên gọi là sắc chúng.

2. *Thọ ấm:*

Thọ ấm là do nhân duyên nội thân và ngoại cảnh duyên nhau mà khởi ra các niệm muốn thấy biết. Ví như do nhãn căn duyên ngoại sắc, khởi sanh nhãn thức. Do căn trần hòa

hợp mà khởi sanh tâm sở XÚC. Tâm sở xúc lại duyên sanh ra hết thảy các tâm sở khác. Đó là nguồn gốc sanh ra thọ ấm, tưởng ấm và hành ấm vậy.

**Hỏi:** *Ở ngay nơi nhãn thức đã có xúc và cũng đã có cả 3 ấm. Như vậy vì sao chỉ nói xúc là nhân duyên dẫn sanh ra 3 ấm đó?*

**Đáp:** Đây chỉ nói nhân duyên xúc dẫn sanh ra 3 ấm, không nói đến nhân duyên xúc sanh ra nhãn kiến. Vì sao? Vì nhãn thức liền sanh là liền diệt, chỉ trú trong một niệm, cùng với ý thức vi tế mà duyên khởi phân biệt. Bởi vậy nên không nói nhãn thức làm nhân duyên cho 3 ấm đồng sanh, mà chỉ nói có xúc mới sanh ra 3 ấm: Thọ, tưởng và hành.

Sắc pháp do nhân duyên hòa hợp sanh, thì các tâm và tâm sở pháp cũng đều là như vậy cả.

Phải có các căn, trần và thức hòa hợp duyên xúc mới sanh ra 3 ấm: Thọ, tưởng và hành. Như vậy có xúc mới có sanh, không có xúc thì không có sanh 3 ấm đó.

-o0o-

Riêng về thọ ấm, phân biệt nói như sau:

Từ một tướng thọ dẫn sanh ra các nhóm có hai thứ thọ hay nhiều thứ thọ.

- Nhóm gồm 2 thứ thọ như: Thân thọ và tâm thọ, nội thọ và ngoại thọ, thô thọ và tế thọ, viễn thọ và cận thọ, tịnh thọ và bất tịnh thọ v.v...

- Nhóm gồm 3 thứ thọ như: Thọ khổ, thọ lạc và thọ xả; thọ thiện, thọ bất thiện, và thọ vô ký; thọ học, thọ vô học và thọ phi học phi vô học... dẫn đến có kiến đế đoạn sanh thọ, tư

duy đoạn sanh thọ và vô tâm đoạn sanh thọ, thọ dục giới kế, thọ sắc giới kế và thọ vô sắc giới kế v.v...

- Nhóm gồm 4 thứ thọ như: Nội thân thọ, ngoại thân thọ, nội tâm thọ và ngoại tâm thọ... Lại có 4 chánh cần, 4 như ý túc v.v...

- Nhóm gồm 5 thứ thọ như: Thọ khổ, thọ lạc, thọ ưu, thọ hỷ và thọ xả v.v...

Người tu hành khi đã đoạn được các triền cái, là thấy được thọ tương ưng với đoạn khổ rồi vậy.

- Nhóm gồm 6 thứ thọ như: 6 thức tương ưng với 6 trần khởi sanh ra 6 thọ.

Lại nữa, do ý thức phân biệt dẫn sanh có 18 thứ thọ. Ví như nhãn thấy sắc, rồi tư duy phân biệt sanh các tâm, hoặc ưu, hoặc hỷ, hoặc xả. Đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý cũng là như vậy. Tổng cộng có 6x3 = 18 thứ thọ.

Nơi 18 thứ thọ nêu trên đây lại phân biệt có tịnh, có cấu. Lập thành: 18x2 = 36 thứ thọ.

Nếu xét trong cả 3 đời thì có: 36x3 = 108 thứ thọ.

-o0o-

Nếu rộng phân biệt hết thảy các nhân duyên sanh thọ thì có vô lượng tâm thọ nên gọi là thọ chúng.

3. *Tưởng ấm:*

Phật thuyết có 4 thứ tưởng. Đó là:

- Tiểu tưởng.

- Đại tưởng.

- Vô lượng tưởng.

- Vô sở hữu tưởng.

Nếu giác biết được các pháp nhỏ (tiểu pháp), như thiểu dục, thiểu tín v.v... mà duyên khởi sanh tưởng thì gọi là tiểu tưởng.

Lại nữa, tưởng buộc vào cõi Dục thì gọi là tiểu tưởng, tưởng buộc vào cõi Sắc thì gọi là Đại tưởng, tưởng buộc vào cõi Vô Sắc thì gọi là vô lượng tưởng, tưởng buộc vào Vô Sở Hữu Xứ thì gọi là vô sở hữu tưởng.

Lại nữa, tưởng tương ưng với phiền não thì gọi là tiểu tưởng, tưởng tương ưng với vô lậu cấu thì gọi là đại tưởng, tưởng được thật tướng các pháp thì gọi là vô sở hữu tưởng. Khi được vô lậu tưởng thì gọi là Niết bàn tưởng, là vô lậu pháp vậy.

Lại nữa, có 6 thứ tưởng là: Nhãn xúc tương ưng sanh tưởng, nhĩ xúc tương ưng sanh tưởng, tỷ xúc tương ưng sanh tưởng, thiệt thức tương ưng sanh tưởng, thân thức tương ưng sanh tưởng, ý thức tương ưng sanh tưởng.

-o0o-

Nếu rộng phân biệt hết thảy các nhân duyên sanh tưởng thì có vô lượng thứ tưởng, nên gọi tưởng chúng.

4. *Hành ấm:*

Phật dạy: "Hết thảy các pháp hữu vi đều nhiếp về hành ấm".

Hành ấm do thân, khẩu và ý tạo nên. Vì sao? Vì do có thân mới có hơi thở ra vào... hơi thở ra vào nhiếp về thân hành. Lại do vì có miệng (khẩu) mới có lời nói ra vào. Lời nói ra vào nhiếp về khẩu hành. Khẩu hành là do nhân duyên có giác, có quán, trước có giác quán rồi sau mới có lời nói ra vào... Lại vì có thọ, có tưởng, mới dẫn sanh ý hành. Tất cả

các tâm và tâm sở pháp đều nhiếp về ý hành cả. Vì sao? Vì do có chấp tướng tâm, mới có các thọ khổ, thọ lạc... mới có các phiền não v.v...

-o0o-

Ý hành do 2 chấp khởi sanh ra. Đó là: Kiến chấp và ái chấp.

Khi ái làm chủ thì gọi là thọ. Khi kiến làm chủ thì gọi là tưởng.

Bởi vậy nên thọ và tưởng đều nhiếp về ý hành cả.

-o0o-

Phật dạy: "Trong 12 nhân duyên có 3 hành. Đó là: Phước hành, tội hành và bất động hành".

Phước hành là hành nghiệp thiện ở cõi Dục, hay sanh các pháp vô ký, hoặc có báo sanh hoặc chẳng có báo sanh.

Tội hành là hành nghiệp bất thiện.

Bất động hành là các hành nghiệp ở cõi Sắc và cõi Vô Sắc.

Nếu rộng phân biệt hết thảy các nhân duyên sanh hành thì có vô lượng thứ hành.

5. *Thức ấm:*

Nói về thức ấm thì bên trong có 6 căn, bên ngoài có 6 trần duyên nhau, tạo thành 6 nghiệp dẫn sanh 6 thức.

Vì lực bên trong mạnh, nên thường chỉ nói đến các căn thức là: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức.

**Hỏi:** *Ý tức là thức. Như vậy vì sao còn nói đến ý thức nữa?*

**Đáp:** Ý có tướng sanh diệt. Do nhiều nhân duyên khởi sanh ra ý, sau đó ý mới duyên pháp trần khởi sanh ra ý thức.

**Hỏi:** *Ý trước đã diệt sao lại còn sanh ra ý sau?*

**Đáp:** Khi đề cập đến "ý" phải xét hai trường hợp sau đây:

- Niệm niệm sanh diệt.

- Tâm tương tục chuyên nhất.

Tâm tương tục chuyên nhất nầy được gọi là "ý căn". Nương theo ý căn đó mà có ý thức sanh ra.

"Ý" và "ý thức" rất khó giải, khó biết nên 96 tà kiến chấp của hàng ngoại đạo đều chẳng có nói đến ý thức nương theo ý căn mà sanh khởi. Ngoại đạo chỉ nói ý thức do thần sanh ra.

-o0o-

Trong 4 niệm xứ có nói rõ về 5 ấm. Nơi thân niệm xứ có sắc ấm, nơi thọ niệm xứ có thọ ấm, nơi tâm niệm xứ có thức ấm, nơi pháp niệm xứ có tưởng ấm và hành ấm.

**Hỏi:** *Chỉ có sắc ấm và thức ấm là tùy thời phân biệt, nên có tên gọi khác nhau. Từ đó mà đặt thêm các tên khác như: thọ, tưởng, hành. Lại cũng phân biệt có tịnh thức nhiếp về thiện pháp, bất tịnh thức nhiếp về phiền não, bất thiện pháp. Như vậy cần gì phải nói đủ cả 5 ấm?*

**Đáp:** Không thể nói như vậy được. Vì sao? Vì 5 ấm đều khác nhau. Mỗi ấm có công năng riêng khác, nên phải có tên gọi riêng khác vậy. Nếu chỉ có tâm mà chẳng có tâm sở thì chẳng có thể nói tâm tịnh hay tâm cấu được. Ví như nước trong ao đang trong suốt yên tịnh, mà có con voi say giẫm chân, khuấy bùn thì nước liền trở thành dơ bẩn. Sau đó nếu

lấy ngọc châu thanh thủy, bỏ vào trong nước đục tức thì nước trở lại trong như trước.

Như vậy, chẳng nên nói ngoài nước ra không có voi say, cũng không có ngọc châu thanh thủy. Cũng như vậy, tâm chỉ là một mà khi huân tập phiền não vào thì trở thành ô trược, khi huân tập từ bi hỷ xả vào thì trở thành thanh tịnh. Từ đó mới có phân biệt nói có từ bi, có hỷ xả, có phiền não, có kiết sử. Tuy nhiên tất cả chẳng phải ngoài tâm mà có được.

-o0o-

Ngoài ra, nếu tâm vốn là tịnh, thì chẳng thể có lúc trở thành cấu, và ngược lại, nếu tâm vốn cấu thì chẳng thể có lúc trở thành tịnh được. Phàm phu chỉ chấp vào các thô tướng của tâm hiển lộ ra bên ngoài, mà chẳng rõ được các tâm sở pháp tiềm ẩn ở bên trong. Hết thảy các tâm sở pháp đó đều do 5 ấm dẫn sanh ra cả. Bởi vậy nên phải biết đủ cả 5 ấm.

**Hỏi:** *Vì sao chỉ nói có 5 ấm mà thôi?*

**Đáp:** Pháp hữu vi vô lượng, nhưng Phật chỉ phân chia ra làm 5 ấm là đủ rồi, vì hết thảy các pháp hữu vi đều nhiếp trọn trong 5 ấm.

**Hỏi:** *Như vậy vì sao còn nói đến 12 nhập, 18 giới nữa.*

**Đáp:** Vì muốn thêm rõ nghĩa mà phải nói như vậy.

Do 6 căn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý) nhập với 6 trần (sắc, thanh, hương, vị lai xúc và pháp) nên gọi 6 căn là 6 nội nhập và 6 trần là 6 ngoại nhập. Cộng có 12 nhập.

Lại nữa, 6 căn, 6 trần là 6 cảnh giới bên trong, tức nội giới, duyên 6 trần bên ngoài, tức ngoại giới, khởi sanh ra 6

thức (nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức) là 6 cảnh giới ở giữa, tức trung giới. Cộng có 18 giới.

-o0o-

Phật là đấng Pháp Vương, vì lợi ích chúng sanh mà có khi nói hẹp, có khi nói rộng, có sai khác nhau.

- Có người ở nơi sắc pháp mà lại sanh tà kiến, lầm lẫn sắc pháp với các tâm sở pháp. Đối với hạng người này, Phật dạy về 5 ấm để họ trừ bỏ được tà kiến, Phật lại nói sắc pháp gồm có 10 xứ.

- Có người ở nơi tâm sở pháp mà sanh tà kiến về sắc pháp, do không rõ được sắc tâm. Đối với hạng người này, Phật dạy về các tâm sở pháp, lại nói 6 căn, 6 trần và 6 thức dung hợp thành 18 giới.

- Có người chẳng biết thế gian là khổ, chẳng biết các pháp là sanh diệt, chẳng biết tu đạo. Đối với hạng người này Phật dạy họ về 4 Diệu Đế: Nói thế gian là khổ, nói ái cùng hết thảy phiền não là nhân duyên sanh khổ, nói khi nhân duyên phiền não diệt thì khổ tự diệt, nói khi phiền não đã tận diệt thì được Đạo.

- Có người chấp vô ngã nên ở nơi các pháp khởi sanh tà kiến, chấp chẳng có nhân, chẳng có duyên. Đối với hạng người này Phật dạy về 12 nhân duyên.

- Có người chấp hết thảy các pháp là thường, khi diệt trở thành vi tế pháp, chẳng phải thành không. Đối với hạng người này, Phật dạy họ hết thảy pháp hữu vi đều là vô thường, do 5 ấm hòa hợp mà có, chẳng phải là thật có. Bởi vậy nên gọi là pháp hữu vi.

**Hỏi:** *Người tu phải quán 5 ấm theo thứ lớp như thế nào?*

**Đáp:** Người tu, trước hết phải quán thân là bất tịnh để rõ biết về vô thường, khổ, không và vô ngã. Vì sao? Vì người thế gian thường chấp thân là hơn hết. Bởi vậy phải quán nơi thân có vô lượng thứ khổ, như khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết... Phải quán ở thế gian vui ít, chỉ có trong chốc lát mà khổ thì vô lượng.

Do tâm của chúng sanh chấp tướng của cảnh giới 6 trần là thật có, nên mới khởi sanh vui, buồn, thương, ghét v.v... Mải miết tư duy, tầm cầu các lạc thú ở ngoại cảnh.

Do căn xúc trần khởi sanh thức, lại do thức phân biệt có khổ lạc nên mới sanh tâm đắm chấp các dục lạc ở thế gian. Đây chính là nhân duyên sanh khổ.

Lại vì nhiễm trước dục lạc mà khởi sanh ra ba độc tham, sân, si dẫn đến hành động tội lỗi.

-o0o-

Thân thức chủ động trong việc thọ dụng dục lạc, vì 5 dục nhiếp về sắc ấm. Sắc ấm là căn bản dẫn đầu trong 5 ấm.

Bởi vậy nên trước phải nói về sắc, tức là nói về sắc ấm thân, sau đó mới nói về thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm và thức ấm. Sau khi nói về 5 ấm xong rồi mới nói về 12 nhập, 18 giới v.v...

Tóm lại, hết thảy các pháp hữu vi đều do 5 ấm thứ lớp sanh ra.

**Hỏi:** *Phải tu như thế nào mới được giải thoát?*

**Đáp:** Nếu biết trở về với thiện căn, biết rõ hành và thức là chủ trong sự thọ khổ, thọ lạc, thì sẽ hưởng được thượng

diệu lạc. Vì sao? Vì khi quán thân bất tịnh, rõ biết vô thường, khổ không, vô ngã, thì ý thức sẽ được tỉnh giác, sẽ nhập vào cảnh giới vô vi, vô lậu, vô trú, tức là nhập vào trong tánh bình đẳng của pháp giới.

Với pháp tu 4 Thánh Đế, hành giả sẽ được tăng trí huệ, sẽ diệt được thức phân biệt, sẽ thấy rõ 12 nhập, 18 giới... cùng hết thảy các pháp hữu vi đều là như huyễn, như hóa. Do vậy mà chuyển được thức thành vô vi, vô lậu thanh tịnh, lại rõ biết 5 ấm đều do tâm tạo, đều là chẳng thật có, dẫn đến rõ biết hết thảy pháp đều vốn là tự tánh "không" vậy.

**Hỏi:** *Như vậy ai là người biết rõ tánh không của các pháp?*

**Đáp:** Chỉ các bậc Thánh mới biết rõ như vậy.

Trong kinh có nói đến 3 bậc Thánh: Bậc thượng, bậc trung và bậc hạ. Phật là bậc Thánh Chủ. Vì sao? Vì Phật là bậc Nhất thiết chủng trí. Pháp Phật thậm thâm vi diệu. Người y theo pháp đó mà tu hành sẽ được Thánh quả.

-o0o-

Trong kinh Phật dạy về "18 Không" để cho chúng sanh biết rõ hết thảy các pháp đều là "không", chỉ do duyên hòa hợp mà giả danh "có". Hết thảy các sắc pháp cũng như các phi sắc pháp đều là "không". Do muốn phá sắc, mà phân biệt chia văn chẻ sắc cho đến vi trần. Thế nhưng vi trần cũng là "không". Là bất khả đắc. Bởi vậy nên biết rõ hết thảy các sắc pháp đều là "không", là bất khả đắc.

Lại nữa, niệm niệm sanh diệt cũng là "không", là bất khả đắc. Bởi vậy nên biết rõ hết thảy các phi sắc pháp cũng đều là "không", là bất khả đắc.

-o0o-

Mặt khác, nên biết rằng các pháp đều là "tận không". Đều chỉ có nơi danh tự, mà danh tự cũng do nhân duyên hòa hợp sanh nên cũng là "không", là bất khả đắc.

Hết thảy muôn sự muôn vật, từ sơn hà đại địa, cây cối, đất vườn, dân chúng thành lũy v.v... đều do nhân duyên hòa hợp sanh ra, nên đều là "không" là bất khả đắc cả.

Ví như cái nhà do cột, kèo, ngói, gạch v.v... hòa hợp tạo thành nên là tự tánh "không". Dẫn đến vi trần dù là rất nhỏ cũng đều có thể chia chẻ nên cũng đều là tự tánh "không", là bất khả đắc.

Nếu vi trần là thật có thì vi trần là thường pháp, chẳng có thể chia chẻ, chẳng có thể phá hoại được. Những người nói vi trần có hình dạng, hay nói vi trần chẳng có hình dạng cũng đều là lỗi lầm cả. Vì sao? Vì nếu nói vi trần có hình dạng thì nơi vi trần phải có đủ 10 phương phận. Nhưng nếu đã có 10 phương phận thì chẳng thể là vi trần được. Trái lại, nếu nói vi trần chẳng có hình dạng, thì làm sao có sắc được.

Ly nhân duyên và danh tự thì chẳng sao có được các pháp. Thế nhưng nhân duyên và danh tự đều là "không", nên hết thảy các pháp cũng đều là "không" cả.

**Hỏi:** *Nếu nói các pháp đều là "không" thì do đâu mà có danh tự?*

**Đáp:** Nếu còn chấp có danh tự, thì phải nên bỏ chấp ấy đi. Nếu đã biết rõ danh tự là tự tánh không, thì chẳng còn gì để hỏi nữa. Danh tự cùng các pháp chẳng phải hai, chẳng phải khác. Khi nói các pháp đều là tự tánh không, là đã bao gồm danh tự trong đó rồi vậy.

Lại nữa, nói có một pháp, nói có nhiều pháp, nói có pháp này pháp kia cũng đều là hý luận cả. Ví như cây có gốc, có

thân, có cành, có lá... mới giả danh có cây. Nếu chẳng có pháp cây, thì chẳng có sự hòa hợp của các pháp cây, thì chẳng có sự hòa hợp của các pháp gốc, thân, cánh, lá...

Hết thảy các pháp đều là "không". Nếu có nói ra là có hý luận. Nhưng nếu chẳng dùng ngôn ngữ để nói ra thì chẳng sao có thể làm cho chúng sanh biết được rốt ráo "pháp không" đó cũng là không.

**Hỏi:** *Nếu các pháp thật sự là "không", thì còn nói đến "pháp không" để làm gì nữa?*

**Đáp:** Có hai trường hợp cần phải nói. Đó là:

- Nói về "không" để phá chấp về "hữu".

- Nói về "không" mà chẳng trú chấp nơi pháp "không".

-o0o-

Trong kinh có nêu ví dụ sau đây:

Khi tiểu kiếp tận thì xảy ra các nạn đao binh, hạn hán, dịch tật, đói khát v.v... nhưng vẫn còn có sơn hà đại địa, còn có người, vật, có chim, có thú v.v...

Khi đại kiếp tận thì lửa thiêu rụi tất cả. Lúc bấy giờ sơn hà, đại địa dẫn đến kim cang v.v... cũng đều bị tiêu diệt cả.

Khi kiếp hỏa đã diệt rồi thì phong đại giữa hư không cũng diệt theo. Lúc bấy giờ, hết thảy đều trở thành "không", chẳng còn có gì hết.

-o0o-

Nói về "pháp không" cũng là như vậy. Vì nhằm phá hết

thảy các pháp tướng, mà nói hết thảy các pháp đều "không". Nhưng nếu còn chấp pháp "không" thì vẫn còn chấp tướng "không" vậy. Bởi vậy phải phá luôn sự chấp "không" mới được "tận không".

Người tu hành tu tập như vậy là tu tập tùy thuận theo Bát nhã Ba-la-mật. Ví như các đệ tử tùy thuận theo bậc đạo sư, chẳng có làm trái ý thầy vậy.

Như vậy gọi là tương ưng với Như Tướng của Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát tùy thuận tướng ấy mà thành tựu thật trí huệ. Ví như cái nồi với cái vung, dù cỡ lớn, dù cỡ nhỏ cũng phải tương ưng với nhau.

Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, diệt hết thảy các pháp quán, thành tựu thật trí huệ, chẳng còn rơi về hai chấp, mới gọi là cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma-ha-tát tu tập bảy pháp không gồm: tánh không, tự tướng không, chư pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không, mới cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.**

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Vì sao chẳng nói đầy đủ 18 pháp không mà chỉ nói có 7 pháp không này thôi?*

**Đáp:** Trong Phật pháp tùy trường hợp có thể nói rộng hay nói hẹp. Rộng thì nói đến 18 pháp không, còn hẹp thì chỉ nói đến 7 pháp không này là đủ rồi vậy. Cũng như nói 37 Phẩm Trợ Đạo là nói rộng, còn nói 7 giác chi là nói hẹp.

Vì 7 pháp không này thường làm lợi ích cho chúng sanh; còn 11 pháp không kia thì khi nào chúng sanh khởi tà kiến mới cần nói đến. Khi đã quán được tổng tướng và biệt tướng của các pháp rồi, đã xa lìa được 5 dục, đã được tâm không, thì chỉ cần nói đến pháp không, và chúng sanh không.

Pháp không là do từ nơi tánh không. Tánh đã không thì cũng chẳng có tướng nên là tự tướng không. Tướng đã không thì hết thảy các pháp đều không, là chư pháp không. Hết thảy các pháp đã là không, thì là bất khả đắc, tức là bất khả đắc không.

Dùng bốn pháp không này để phá hết thảy các pháp hữu vi, được hữu pháp không.

Thế nhưng, khi đã phá được hết thảy pháp hữu vi rồi thì thường rơi về chấp vô pháp. Bởi vậy, lại phải quán vô pháp không.

Nếu nghe vô pháp không mà trở về chấp hữu pháp thì lại phải quán cả vô pháp lẫn hữu pháp đều là không, tức là vô pháp hữu pháp không.

Như vậy, người tu hành tuần tự tu tập 7 pháp không như sau:

- Tu tập 4 pháp gồm tánh không, tự tướng không, chư pháp không, và bất khả đắc không để phá chấp về các pháp hữu vi.

Khi đã quán được hữu pháp không rồi, nếu rơi về chấp vô pháp thì phải quán vô pháp không.

- Khi đã quán được hữu pháp không và vô pháp không rồi, lại còn phải quán chung cả vô pháp lẫn hữu pháp đều không, tức là quán vô pháp hữu pháp không. Khi đã quán được cả VÔ lẫn HỮU đều không, cũng như quán cả nội lẫn ngoại đều không, là đầy đủ cả 7 KHÔNG vậy.

**Hỏi:** *Trước đây có nói rằng "Khi biết rõ hết thảy pháp đều không, là diệt được hết thảy các quán, là được cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng, nếu chẳng như vậy thì chẳng được cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.*

*Nói như vậy là còn có phân biệt đúng sai, phải trái, tức là còn có quán rồi. Sao lại nói "Diệt hết thảy các quán"?*

**Đáp:** Nhằm giải niềm nghi đó, mà Phật đã dạy ngài Xá Lợi Phất rằng Bồ tát phải tu tập đầy đủ 7 pháp không, như nêu trên đây, mới được cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Khi tu tập 7 pháp không, Bồ tát Ma-ha-tát chẳng thấy sắc tương ưng, hay chẳng có tương ưng, chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức tương ưng hay chẳng có tương ưng, chẳng thấy sắc có tướng sanh, có tướng diệt, có tướng cấu, có tướng tịnh, chẳng thấy thọ tưởng, hành, thức có tướng sanh, có tướng diệt, có tướng câu, có tướng tịnh.**

**LUẬN:**

Khi tu tập 7 pháp không, Bồ tát chẳng thấy 5 ấm tương ưng, hay chẳng tương ưng mới được cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng. Vì còn thấy có tương ưng hay chẳng có tương ưng là còn chấp tướng vậy.

Lại nữa, Bồ tát chẳng thấy 5 ấm có tướng sanh, có tướng diệt. Vì nếu chấp 5 ấm có các tướng sanh diệt là rơi về chấp đoạn diệt. Nếu rơi về chấp đoạn diệt thì chẳng có tội, chẳng có phước, chỉ đồng với loài cầm thú vậy.

Lại nữa, Bồ tát cũng chẳng thấy 5 ấm có tướng cấu, tướng tịnh. Vì nếu chấp 5 ấm có các tướng cấu tịnh, thì có phược (buộc), có giải (mở). Vì nếu 5 ấm vốn có tánh phược thì chẳng sao có thể có được giải thoát. Còn nếu 5 ấm vốn có tánh tịnh, thì người đời sẽ nghĩ rằng chẳng cần phải tu tập làm gì nữa.

-o0o-

**KINH:**

**Khi tu tập 7 pháp không, Bồ tát Ma-ha-tát cũng chẳng thấy sắc cùng với thọ tương hợp, chẳng thấy thọ cùng với tưởng tương hợp, chẳng thấy tưởng cùng với hành tương hợp, chẳng thấy hành cùng với thức tương hợp. Vì sao? Vì hết thảy các pháp đều là tánh không nên chẳng có pháp này cùng với pháp khác tương hợp được.**

**LUẬN:**

Các tâm và tâm sở pháp đều là chẳng có hình tướng (vô hình). Do chẳng có hình tướng nên cũng chẳng có chỗ trú (vô trú xứ).

Ví như 4 Đại và 4 Đại tạo sắc hòa hợp khởi sanh ra các tâm và tâm sở pháp. Thế nhưng nếu chẳng có xúc làm trung gian thì các pháp ấy chẳng sao hòa hợp với nhau được.

Phật dạy: "Chẳng có pháp cùng với pháp tương hợp được".

Vì sao? Vì tánh của hết thảy các pháp thường không, nên pháp này chẳng có thể tương hợp với các pháp khác được vậy.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Trong sắc không, chẳng có sắc, dẫn đến trong thọ không, tưởng không, hành không, thức không, cũng chẳng có thọ, tưởng, hành, thức.**

**LUẬN:**

"Sắc" và "Không" trái nhau. Đã là "không", thì chẳng có "sắc" được. Ví như lửa và nước trái nhau. Trong nước chẳng có lửa và trong lửa chẳng có nước vậy.

Thế gian thấy "sắc" chẳng phải là "không". Chỉ có người tu, khi vào được "Không tam muội" rồi mới thấy được "sắc" tức là "không".

Phật dạy "Trong sắc không, chẳng có sắc, dẫn đến trong thức không, chẳng có thức" để khai thị tánh không của 5 ấm.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Vì sắc là tánh không, nên chẳng có tướng não hoại. Vì thọ là tánh không nên chẳng có tướng thọ. Vì tưởng là tánh không, nên chẳng có các tướng tưởng. Vì hành là tánh không, nên chẳng có các tướng tạo tác. Vì thức là tánh không, nên chẳng có các tướng tri giác.**

**LUẬN:**

Trước đây nói 5 ấm đều là không. Do vậy mà nói trong sắc không, chẳng có sắc... dẫn đến trong thức không, chẳng có thức. Như vậy có nghĩa là trong "không" chẳng có 5 ấm vậy.

Nay nói nhân duyên 5 ấm, mỗi mỗi đều là tự tánh không,

tự tướng không, nên đều là bất khả đắc cả. Đây là nói về duyên khởi 5 ấm là không, dẫn đến 5 ấm là không vậy.

-o0o-

**KINH:**

**Vì sao? Vì sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc; sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng khác không, không cũng chẳng khác thọ, tưởng, hành, thức; thọ, tưởng, hành, thức tức là không, không cũng tức là thọ, tưởng, hành, thức.**

**LUẬN:**

Nay Phật khai thị về nghĩa nhân duyên. Nếu 5 ấm khác với không, thì trong không phải có 5 ấm. Nay nói 5 ấm chẳng khác không, và không chẳng khác 5 ấm. Như vậy là nói 5 ấm tức là không, và không cũng tức là 5 ấm.

Bởi nhân duyên vậy, nên tuy nói "không", mà chẳng phá 5 ấm vậy. Vì sao? Vì ở đây Phật khai thị nhân duyên 5 ấm vốn là không.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Các pháp đều là tướng không, đều chẳng có sanh, chẳng có diệt, chẳng có cấu, chẳng có tịnh, chẳng có tăng, chẳng có giảm, chẳng có ở trong 3 đời. Bởi vậy, trong pháp KHÔNG chẳng có sắc, thọ, tưởng, hành, thức; chẳng có nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; chẳng có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; chẳng có nhãn giới dẫn đến chẳng có ý thức giới; chẳng có vô minh, cũng chẳng có**

**vô minh tận; chẳng có lão tử, cũng chẳng có lão tử tận; chẳng có khổ, tập, diệt, đạo; chẳng có trí, cũng chẳng có đắc, chẳng có Thanh Văn, cũng chẳng có 4 quả Thanh Văn; chẳng có Bích Chi Phật, cũng chẳng có Bích Chi Phật đạo; chẳng có Phật, cũng chẳng có Phật đạo.**

**Bồ tát Ma-ha-tát phải tu tập đúng như vậy, mới được gọi là cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.**

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Ai cũng có thể biết được rằng "Không" là chẳng có sanh, chẳng có diệt, chẳng có cấu, chẳng có tịnh, chẳng có tăng, chẳng có giảm, ... là chẳng có hết thảy pháp. Như vậy, vì sao Phật còn phân biệt nói 5 ấm cùng hết thảy pháp đều là không?*

**Đáp:** Có người tuy đã biết về "không", mà cứ tưởng rằng nơi "không" cũng vẫn còn có pháp. Ví như người tu từ tâm, khi hành bố thí, vẫn tưởng rằng có chúng sanh được thọ hưởng của thí, được hoan hỷ. Mặc dù hành bố thí như vậy cũng đã được phước đức rồi, nhưng do còn tâm chấp, nên chẳng vào được cửa "không".

Phật khai thị cho chúng sanh rõ các pháp vẫn thường không; chẳng cần phải vào "không tam muội", mới biến các pháp thành không vậy. Người tu, khi thành tựu được trí vô lậu, sẽ thành tựu được đạo quả, từ quả Tu-đà-hoàn dẫn đến quả vị Phật.

Biết rõ các pháp ở nơi thật tướng vẫn thường không, mà chẳng trú chấp nơi không, mới gọi là cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Ma-ha-tát chẳng thấy cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng, hay chẳng có tương ưng; chẳng thấy cùng 5 Ba-la-mật kia tương ưng, hay chẳng có tương ưng; chẳng thấy cùng sắc, thọ, tưởng, hành, thức tương ưng, hay chẳng có tương ưng; chẳng thấy nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý tương ưng, hay chẳng có tương ưng; chẳng thấy nhãn giới dẫn đến chẳng thấy ý thức giới tương ưng, hay chẳng có tương ưng.**

**Lại cũng chẳng thấy 4 niệm xứ, 8 Thánh đạo, 10 Phật lực, ... dẫn đến chẳng thấy Nhất thiết chủng trí tương ưng, hay chẳng có tương ưng.**

**Bồ tát Ma-ha-tát phải tu tập đúng như vậy, mới được gọi là cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.**

**LUẬN:**

Khi đã vào thật tướng Bát nhã, Bồ tát chẳng còn thấy các pháp có định tướng, có tương ưng hay chẳng có tương ưng. Bởi vậy nên Bồ tát chẳng còn thấy các pháp có sai khác nhau. Vì sao? Vì khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng thấy cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng, hay chẳng có tương ưng. Do vì chẳng thấy như vậy, nên mới gọi là cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng. Nếu trái lại thì chẳng được cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.

Lại nữa, Bồ tát cũng chẳng thấy hành thường, lạc, ngã, tịnh, là tương ưng, hay chẳng phải tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật; chẳng thấy hành vô thường, khổ, không, vô ngã là tương ưng, hay chẳng có tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật.

Tóm lại, nếu thấy có hành, hay chẳng có hành là không

tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật; nếu chẳng thấy có hành, hay chẳng thấy chẳng có hành mới gọi là cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.

Vì sao? Vì ở trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng có các sự việc ấy. Bát nhã Ba-la-mật vốn rốt ráo "không", rốt ráo thanh tịnh.

Cả 5 Ba-la-mật kia, 5 ấm, ... dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng đều rốt ráo "không", rốt ráo thanh tịnh cả.

**Hỏi:** *Nói Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo thanh tịnh, thì còn hợp lý. Thế nhưng 5 Ba-la-mật kia, 5 ấm, cùng hết thảy các pháp làm sao có thể rốt ráo thanh tịnh được?*

**Đáp:** Trước nói "Ly Bát nhã Ba-la-mật, thì 5 Ba-la-mật kia chẳng được gọi là Ba-la-mật". Nay đã tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật, thì phải cùng hòa hợp với Bát nhã Ba-la-mật, cùng thanh tịnh như Bát nhã Ba-la-mật vậy, mới xứng đáng được gọi là Ba-la-mật. Ví như khi hành bố thí, phải chẳng còn thấy có người cho, có người nhận, có vật cho, thì mới được thanh tịnh, mới được gọi là Đàn Ba-la-mật.

Bồ tát quán 5 ấm cùng Bát nhã Ba-la-mật hòa hợp, nên cũng thấy 5 ấm là rốt ráo thanh tịnh. Quán như vậy nhưng Bồ tát chẳng thấy 5 ấm có tương ưng hay chẳng có tương ưng.

Đối với 12 nhập, 18 giới, 12 nhân duyên... cùng hết thảy các pháp cũng đều như vậy cả.

Do các pháp chẳng có định tướng, nên cũng chẳng phải là định pháp.

Bởi nhân duyên vậy, nên ở nơi hết thảy các pháp, 4 niệm xứ, 8 Thánh đạo, 18 không,... dẫn đến đại từ, đại bi, Nhất thiết chủng trí, Bồ tát chẳng thấy có tương ưng hay chẳng có tương ưng.

**Hỏi:** *Vì sao Bồ tát cũng hành 37 Phẩm Trợ Đạo, là pháp của hàng Thanh Văn? Lại nữa Bồ tát chưa thành Phật đạo, thì làm sao có được 10 Phật lực, 4 Vô sở úy, 18 bất cộng pháp?*

**Đáp:** Khi tu hạnh Bồ tát, Bồ tát phải quán các pháp của Thanh Văn và của Bích Chi Phật. Vì sao? Vì Bồ tát phương tiện dùng pháp của Thanh Văn và Bích Chi Phật để độ chúng sanh. Tuy hành 37 Phẩm Trợ Đạo, mà Bồ tát chẳng có thủ chứng. Vì sao? Vì Bồ tát vào Không, Vô Tướng, Vô Tác, trú trong 3 tam muội ấy, dấy niệm rằng: "Nếu ta tác chứng, ta sẽ chẳng có thể làm lợi ích cho chúng sanh". Do nghĩ như vậy, mà Bồ tát, từ sơ phát tâm, đã tán thán, chánh ức niệm 37 Phẩm Trợ Đạo. Ngoài ra, 10 Phật lực, 4 Vô sở úy, 18 bất cộng pháp là những pháp thậm thâm, vi diệu, nên từ vô lượng kiếp về trước, và mãi cho đến khi tọa đạo tràng, Bồ tát vẫn phải nghe, phải nhớ tưởng, phải phân biệt, phải trú trong các pháp ấy để tu tập đạo giải thoát. Ví như các bậc công thần, phải thành tựu sự nghiệp, phải có đầy đủ oai lực mới xứng đáng được thưởng công. Cũng như vậy, Bồ tát phải thành tựu các công đức mới được đầy đủ oai lực trong sự nghiệp hoằng pháp độ sanh.

Hết thảy các công đức của Bồ tát đều nhờ nơi Bát nhã Ba-la-mật. Khi Bồ tát đã hợp với Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì chẳng còn thấy có tương ưng hay không tương ưng nữa.

Như vậy là Bồ tát ở nơi các pháp nghĩa, tùy thuận 6 pháp Ba-la-mật tu tập, cho đến khi được Nhất thiết chủng trí.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma-ha-tát thực hành Bát nhã Ba-la-mật là thật hành pháp không, nhưng chẳng thấy**

**không hợp với không, chẳng thấy vô tướng hợp với vô tướng, chẳng thấy vô tác hợp với vô tác. Vì sao? Vì không, vô tướng và vô tác chẳng hợp cũng chẳng phải chẳng hợp.**

**Bồ tát Ma-ha-tát phải tu tập đúng như vậy, mới được gọi là cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.**

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Trong nhất tâm chẳng có thể có hai thứ "không". Như vậy vì sao đã nói về "không" rồi, lại còn nói chẳng thấy "không" hợp với "không"?*

**Đáp:** Phải nên hiểu "không" theo hai nghĩa. Đó là:

- Không Tam muội.

- Pháp không.

"Không Tam muội" chẳng cùng hợp với pháp "không". Vì sao? Vì nếu dùng lực "không tam muội" mà hợp được với pháp "không", thì pháp ấy chẳng phải là rốt ráo không. Nếu pháp "không" là rốt ráo không, thì chẳng phải đợi nhân duyên mới sanh. Nếu phải đợi nhân duyên mới sanh, thì chẳng phải là rốt ráo không nữa.

Người tu hành khi vào được "không tam muội", thì thấy "không"; khi ra khỏi tam muội thì chẳng thấy "không" nữa. "Không" như vậy chỉ là hý luận, chẳng phải là rốt ráo không.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật nói: "Không chẳng hợp với không. Dẫn đến vô tướng cũng chẳng hợp với vô tướng, vô tác cũng chẳng hợp với vô tác". Bồ tát phải tu tập đúng như vậy, mới được cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.

**Hỏi:** *Chỉ cần nói "Chẳng thấy tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật, hay chẳng tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật" là*

*đủ rồi. Vì sao còn nói đến các pháp tương ưng, hay chẳng có tương ưng nữa? Ví như nói một người mù không thấy ánh sáng, thì 100, 1.000 người mù cũng chẳng thấy được ánh sáng. Đâu có cần phải nói đến nhiều lần?*

**Đáp:** Chẳng phải như vậy. Các pháp tướng, tuy chẳng có thể nói ra được (Bất khả thuyết), nhưng Phật, vì lòng đại bi thương xót chúng sanh, mà phải dùng các pháp phương tiện chỉ bày cho chúng sanh được rõ. Đối với hạng người lợi căn, thượng trí, Phật chỉ cần nói một vài lần là họ đã được độ. Còn đối với hạng người độn căn, ám trí, thì phải nói rất nhiều lần, thì họ mới có thể hiểu được.

Lại nữa, trong kinh có phân biệt như sau:

- Phen thứ nhất, Phật nói để đoạn các chấp của người, khiến họ thấy rõ các kiết sử; phen thứ hai Phật nói để đoạn các kiết sử về tà tư duy của người; phen thứ ba Phật nói để đoạn từng phần dư tàng kiết sử của người.

- Phen thứ nhất, Phật nói với hạng người được đạo Thanh Văn, phen thứ hai Phật nói với hạng người được đạo Bích Chi Phật, phen thứ ba Phật nói với hạng người phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề.

- Phen thứ nhất, Phật nói về 6 pháp Ba-la-mật; phen thứ hai, Phật nói về các pháp môn phương tiện; phen thứ ba, nói về trú ở sơ địa của Bồ tát. Lại còn có 1 phen nói về trú ở địa thứ 10 của đạo Bồ tát.

- Hoặc phen thứ nhất nói về đạo làm người (nhân đạo), phen thứ hai nói về đạo làm Trời (thiên đạo) v.v...

-o0o-

Bát nhã Ba-la-mật thâm thâm, vi diệu, khó giải, khó biết. Phật rõ biết tâm của chúng sanh có lợi, có độn, nên đối với người lợi căn, thông trí chỉ cần nói một lần là họ liền ngộ; đối với người độn căn, thiểu trí, thì phải nói nhiều lần mới làm cho họ hiểu được. Cũng như có nhiều con ngựa bị đánh roi mới chịu chạy; trái lại, những con ngựa thuần thục chỉ thấy bóng roi là liền chạy đúng đường.

Như vậy, do rất nhiều nguyên nhân sai khác nhau mà kinh phải nói đi, nói lại nhiều lần về một vấn đề nhằm đem lại nhiều lợi ích cho từng đối tượng chúng sanh.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Ma-ha-tát vào được tự tướng không của các pháp. Khi đã vào được rồi, chẳng thấy sắc cùng với quá khứ tương hợp, sắc cùng với hiện tại tương hợp, sắc cùng với vị lai tương hợp; chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức cùng với quá khứ, hiện tại và vị lai tương hợp. Vì sao? Vì chẳng thấy có quá khứ, có hiện tại, có vị lai nên chẳng thấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức cùng với quá khứ, hiện tại và vị lai tương hợp.**

**LUẬN:**

Trước đã nói về không, vô tướng và vô tác chẳng hợp cũng chẳng phải chẳng hợp với Bát nhã Ba-la-mật. Nay nói, do nhân duyên vào được tự tướng không, mà chẳng thấy sắc có hợp, hay chẳng có hợp; dẫn đến chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức có hợp hay chẳng có hợp. Vì sao? Vì các pháp đều là tự tướng không, nên trong "không" chẳng thấy có hợp, hay chẳng có hợp vậy.

Lại nữa, do tâm chấp mà nói đất có tướng cứng, nước có tướng ướt, gió có tướng lay động, ... thức có tướng hay biết v.v...

Mặc dù mỗi pháp đều có tướng riêng, chẳng có ở nơi các pháp khác, nhưng hết thảy các pháp đều là như, hết thảy các pháp tướng cũng đều là như, nên chẳng có hợp, cũng chẳng không hợp.

Lại nữa, tự tướng của hết thảy các pháp đều là không, nên các pháp tướng chẳng có tăng, chẳng có giảm, chẳng cùng quá khứ, hiện tại hay vị lai tương hợp.

Quá khứ là không, là vô sở hữu, chỉ giả danh có vậy thôi. Nếu sắc hợp với quá khứ, mà quá khứ đã diệt, thì sắc chẳng thể tương hợp với hiện tại được. Còn vị lai thì chưa đến, nên sắc cũng chẳng thể hợp với vị lai được.

Ngay nơi hiện tại, sắc cũng sanh diệt, chẳng có chỗ trú (vô sở trú) nên tướng của sắc là bất khả đắc (bất khả đắc tướng). Vì là bất khả đắc tướng, nên sắc cũng chẳng có thể cùng với hiện tại hợp hay chẳng hợp.

Sắc cũng chẳng có thể cùng quá khứ, cùng vị lai hợp hay chẳng hợp.

Vì sao? Vì quá khứ, vị lai cũng đều là bất khả đắc cả.

Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng đều là như vậy.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Ma-ha-tát chẳng thấy quá khứ cùng vị lai hợp, chẳng thấy vị lai cùng quá khứ hợp, chẳng thấy hiện tại cùng quá khứ và vị lai hợp, chẳng thấy quá khứ và vi lại**

**cùng hiện tại hợp. Vì sao? Vì cả 3 đời đều chỉ là danh tự, đều là không vậy.**

**Bồ tát Ma-ha-tát phải tu tập đúng như vậy, mới được gọi là cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.**

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Vì sao nói "Chẳng thấy quá khứ cùng vị lai hợp... ?".*

**Đáp:** Vì có người tin rằng các pháp ở trong cả 3 đời đều có. Ví như nói pháp vị lai chuyển thành hiện tại, pháp hiện tại chuyển thành quá khứ; nói hiện tại là đất chuyển thành cái bình trong vị lai, rồi ở vị lai cái bình lại chuyển thành đất, hoặc nói quá khứ là đất, hiện tại là cái bình, rồi vị lai là đất v.v...

Đây là do tâm chấp có sự hòa hợp, mà thấy có tướng của 3 đời. Nên biết sự việc đó chẳng phải là như vậy. Vì sao? Vì nếu chấp có pháp quá khứ cùng với quá khứ làm nhân cho hiện tại, chấp có pháp hiện tại cùng với hiện tại làm nhân cho vị lai, chấp có pháp vị lai cùng với vị lai làm nhân cho đời vị lai kế tiếp... đều là lầm lỗi cả.

Lại nữa, nếu chấp tâm quá khứ cùng với các tâm sở pháp duyên các pháp trong 3 đời cũng là lầm lỗi. Dẫn đến, nếu chấp tâm hiện tại, tâm vị lai cùng với các tâm sở pháp cũng lại duyên như vậy, thì cũng đều là lầm lỗi cả.

Lại nữa, có trường hợp người tu hành đoạn được các tâm và tâm sở pháp, và đoạn được tâm năng duyên, mà vẫn chẳng đoạn được các pháp; cũng có trường hợp người tu hành đoạn được các tâm và tâm sở pháp, chưa đoạn được tâm năng duyên, mà đã có thể đoạn được các pháp.

Như vậy hết thảy các pháp trong 3 đời, do nhân duyên nghiệp quả, cùng nhau hòa hợp mà có. Thế nhưng, nếu chúng sanh mê lầm chấp có sự hòa hợp, thì đó cũng là lầm lỗi.

Bồ tát chẳng có lầm chấp về sự hòa hợp đó. Vì sao? Vì như trước đây đã nói rõ:

- Quá khứ đã diệt nên chẳng thể làm nhân duyên cho hiện tại và vị lai được.

- Ngay trong một niệm, các nhân duyên ở hiện tại cũng chẳng có trú. Bởi vậy, hiện tại chẳng có thể làm nhân duyên cho vị lai được.

Bởi vậy nên nói "Ba đời chẳng có thể cùng nhau hòa hợp được".

Phật dạy thêm rằng: "Nhân duyên ở cả 3 đời chỉ là danh tự, là không, nên 3 đời chẳng cùng nhau hòa hợp được".

(Hết quyển 36)

# LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

## Quyển 37

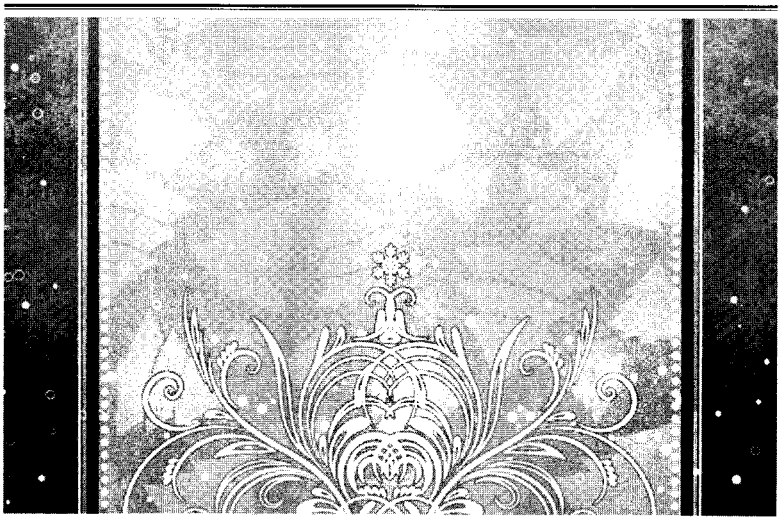

# Phẩm Thứ Ba
## (TIẾP THEO)

### Tập Tương Ưng
(Tiếp theo)

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Ma-ha-tát chẳng thấy Tát Bà Nhã cùng với quá khứ hợp, chẳng thấy Tát Bà Nhã cùng với hiện tại hợp, cũng chẳng thấy Tát Bà Nhã cùng với vị lai hợp. Vì sao? Vì cả 3 đời đều chẳng thể thấy được (bất khả kiến) huống nữa là hợp với Tát Bà Nhã.**

**Bồ tát Ma-ha-tát phải tu tập đúng như vậy, mới được gọi là cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.**

**LUẬN:**

Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng thấy Tát Bà Nhã (tức Nhất thiết chủng trí) cùng với quá khứ hợp. Vì sao? Vì quá khứ là hư vọng, mà Tát Bà Nhã là thật pháp; quá khứ là tướng sanh diệt mà Tát Bà Nhã chẳng phải là tướng sanh diệt. Tầm cầu quá khứ đã là chẳng thể được (bất khả đắc) rồi, nên quá khứ chẳng sao có thể hợp với Tát Bà Nhã được.

Lại nữa, Phật đã nói các nhân duyên Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng thấy có quá khứ, huống nữa là quá khứ hợp với Tát Bà Nhã.

Đối với các đời hiện tại và vị lai cũng là như vậy.

Phàm phu, do tâm vọng chấp, mà điên đảo chia thời gian ra làm 3 đời, nhưng nghĩa của thời gian chỉ có một, vì thời gian là bất khả đắc.

Lại nữa, Bát nhã Ba-la-mật là chân trí huệ của chư Phật ở cả 3 đời trong khắp 10 phương, bởi vậy nên Tát Bà Nhã chẳng thể hợp với 3 đời. Ví như kim cương chẳng đồng tướng với cặn bã thiếc được.

**Hỏi:** *Trong mục Tùy Hỷ Công Đức có nói đến sự việc Bồ tát niệm chư Phật trong 3 đời. Lại, Tát Bà Nhã là trí huệ bình đẳng, là công đức hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề. Như vậy, vì sao lại nói 3 đời chẳng thể hợp với Tát Bà Nhã?*

**Đáp:** Người còn tâm chấp mà niệm Tát Bà Nhã, thì chẳng có thể gọi là hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề được. Ví như món ăn ngon mà có lẫn chất tạp, có thể làm hại người. Người không biết lúc ban đầu ăn nhằm vào, cũng có thể hưởng hương vị thơm ngon, nhưng về sau sẽ bị chất độc gây nguy hại đến tính mạng.

Nếu còn phân biệt 3 đời cùng Tát Bà Nhã hòa hợp, là còn chấp tướng. Trái lại, nếu chẳng còn tâm chấp tướng nữa thì sẽ chẳng thấy 3 đời cùng Tát Bà Nhã hòa hợp.

**Hỏi:** *Nếu Bồ tát có niệm ở đời sau sẽ được thành Phật, thì cũng đã niệm đời sau sẽ được Tát Bà Nhã rồi. Như vậy, vì sao lại nói 3 đời chẳng có hợp với Tát Bà Nhã?*

**Đáp:** Tát Bà Nhã là trí huệ siêu xuất cả 3 đời, là rốt ráo thanh tịnh. Nếu người tu hành mà ức tưởng phân biệt rằng "Ta sẽ được Tát Bà Nhã", thì cũng chỉ như người thế gian ức tưởng phân biệt về các sự việc có thể được (hữu sở đắc) trong

tương lai. Thế nhưng, nay các sự việc đó chưa sanh, thời tiết chưa đến, các nhân duyên chưa hội đủ nên là chưa có, thì làm sao có thể hợp được?

Ví như người nghe nói ngày mai mình sẽ được ăn ngon, thì ngày hôm nay chỉ ức tưởng đến thức ăn ngon đó, mà chưa thể ăn được. Cũng lại ví như có một đệ tử của ngài Ma Ha Ca Chiên Diên nói với một vị trưởng giả rằng: "Ông hãy thu dọn nhà cửa cho thật trang nghiêm đi. Khi tôi thành Phật, tôi sẽ đến nhà ông để hóa độ cho ông".

Nói như vậy là chẳng có tương ưng.

**Hỏi:** *Có rất nhiều pháp. Như vậy sao chỉ nói đến Tát Bà Nhã?*

**Đáp:** Vì Tát Bà Nhã là chỗ quy thú của Bồ tát. Bồ tát trải qua nhiều đời, chỉ nhất tâm tu hành cầu Tát Bà Nhã.

**Hỏi:** *Vì sao Bồ tát chẳng có tầm cầu nơi các pháp hữu vi và các pháp vô vi?*

**Đáp:** Trong quá trình tu tập, Bồ tát phải tầm cầu hết thảy các pháp mới vào được Tát Bà Nhã. (Ở các phẩm trước đã có nói rõ).

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Ma-ha-tát chẳng thấy sắc cùng với Tát Bà Nhã hợp, dẫn đến chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức cùng với Tát Bà Nhã hợp. Vì sao? Vì 5 ấm chẳng thể thấy được (bất khả kiến).**

**Lại chẳng thấy nhãn cùng với Tát Bà Nhã hợp, dẫn đến chẳng thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cùng với Tát Bà Nhã hợp. Vì sao? Vì 6 căn chẳng thể thấy được.**

**Lại chẳng thấy sắc cùng với Tát Bà Nhã hợp, dẫn đến chẳng thấy thanh, hương, vị, xúc, pháp cùng với Tát Bà Nhã hợp. Vì sao? Vì 6 trần chẳng thể thấy được.**

**Lại chẳng thấy nhãn thức dẫn đến ý thức cùng với Tát Bà Nhã hợp. Vì sao? Vì 6 thức chẳng thể thấy được.**

**Bồ tát Ma-ha-tát phải tu tập đúng như vậy, mới được gọi là cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.**

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Vì sao ở đoạn kinh trên có nói đến 5 ấm, 12 nhập, 18 giới mà chẳng nói đến 12 nhân duyên?*

**Đáp:** Phật vẫn thường nói đến 5 ấm, 12 nhập, 18 giới, 12 nhân duyên, cũng như thường nói đến hết thảy các pháp đều có cấu, có tịnh mà chẳng phải quyết định là thật có cấu, thật có tịnh. Vì sao? Vì ở nơi các pháp có khi có các kiết sử sanh ra, mà lại cũng có khi chẳng có các kiết sử sanh ra. Ví như ở nơi ruộng lúa có lúa mọc lên, mà cũng có cỏ dại mọc xen vào nữa.

Phải biết rằng 5 ấm, 12 nhập, 18 giới, 12 nhân duyên đều là sự. Còn 6 pháp Ba-la-mật dẫn đến Tát Bà Nhã (tức Nhất thiết chủng trí) mới là tịnh chủng. Bồ tát do đã mỏng kiết sử, chẳng còn dùng các sự việc dẫn sanh phiền não nữa, nên ở đây chẳng có nói đến 12 nhân duyên.

Lại nữa, Bồ tát có trí huệ thâm sâu, rõ biết về pháp "không", nên chẳng còn khởi các phiền não, mà chỉ tu luyện các công đức.

Bởi nhân duyên vậy, nên chẳng thấy 5 ấm, 12 nhập, 18 giới... cùng Tát Bà Nhã hợp. Vì sao? Vì ở trong cả 3 đời, Tát Bà Nhã cũng là bất khả đắc.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Ma-ha-tát chẳng thấy Đàn Ba-la-mật dẫn đến chẳng thấy Bát nhã Ba-la-mật cùng Tát Bà Nhã hợp. Vì sao? Vì 6 pháp Ba-la-mật chẳng thể thấy được.**

**Lại chẳng thấy 4 niệm xứ, 8 Thánh đạo cùng Tát Bà Nhã hợp, dẫn đến chẳng thấy 10 Phật lực, 18 bất cộng pháp cùng Tát Bà Nhã hợp. Vì sao? Vì 4 niệm xứ, 8 Thánh đạo dẫn đến 10 Phật lực, 18 bất cộng pháp chẳng thể thấy được.**

**Bồ tát Ma-ha-tát phải tu tập đúng như vậy, mới được gọi là cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.**

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Nói 5 ấm, 12 nhập, 18 giới... là những pháp thế gian chẳng cùng Tát Bà Nhã hợp, thì còn hợp lý. Nhưng vì sao nói 6 pháp Ba-la-mật cũng chẳng cùng Tát Bà Nhã hợp?*

**Đáp:** Sáu pháp Ba-la-mật được phân ra làm 2 loại. Đó là:

- Ba-la-mật thế gian.

- Ba-la-mật xuất thế gian.

Ba-la-mật thế gian chẳng cùng Tát Bà Nhã hợp. Ba-la-mật xuất thế gian mới cùng Tát Bà Nhã hợp.

Lại nữa, khi hành 6 pháp Ba-la-mật mà chưa sạch kiết sử thì chẳng có thể cùng Tát Bà Nhã hợp được.

Lại nữa, 6 pháp Ba-la-mật cũng đều là "không", đều chẳng thấy được (bất khả kiến) nên chẳng thể cùng Tát Bà Nhã hợp được.

**Hỏi:** *Sáu pháp Ba-la-mật có tục, có đạo. Vì sao 37 Phẩm Trợ Đạo là pháp dẫn đến Niết bàn, mà cũng chẳng cùng Tát Bà Nhã hợp được?*

**Đáp:** 37 Phẩm Trợ Đạo là pháp môn tu của hành Nhị Thừa, dẫn đến Niết bàn Nhị thừa. Niết bàn của Bồ tát mới dẫn đến Phật đạo, nên 37 Phẩm Trợ Đạo chẳng có thể cùng Tát Bà Nhã hợp được.

**Hỏi:** *Vì sao trong kinh nói Bồ tát cũng học 37 Phẩm Trợ Đạo? Như vậy vì sao nói 37 Phẩm Trợ Đạo chẳng cùng với Tát Bà Nhã hợp?*

**Đáp:** Bồ tát tu tập 37 Phẩm Trợ Đạo mà chẳng chấp. Nếu chấp thì sẽ hồi hướng về đạo Thanh Văn. Bởi vậy nên nói 37 Phẩm Trợ Đạo chẳng cùng Tát Bà Nhã hợp được.

**Hỏi:** *Vì sao 10 Phật lực, 18 bất cộng pháp cũng chẳng cùng Tát Bà Nhã hợp được?*

**Đáp:** 10 Phật lực, 18 bất cộng pháp, tuy là diệu pháp, là Tát Bà Nhã nhưng vì Bồ tát chưa lậu tận nên chẳng cùng với Tát Bà Nhã hợp được vậy.

Nói về 10 Phật lực, nên phân biệt có 3 trường hợp. Đó là:

- Bồ tát tuy chưa được Phật đạo, nhưng do tu tập 10 Phật lực mà dần dần sẽ vào được Phật đạo.

- Bồ tát do tu tập 10 Phật lực, đã vào được Phật đạo, và đang cầu được tâm Tát Bà Nhã.

- Bồ tát do tu tập 10 Phật lực, đã vào được Phật đạo, và đã tương ưng với Tát Bà Nhã..

Chỉ có hạng Bồ tát sau cùng mới hợp với Tát Bà Nhã. Còn hai hạng Bồ tát trên chưa hợp được với Tát Bà Nhã.

Lại nữa, Tát Bà Nhã là rốt ráo không, là chẳng thấy được nên chẳng có hợp, cũng chẳng có không hợp.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Ma-ha-tát chẳng thấy Phật và Bồ Đề cùng Tát Bà Nhã hợp, cũng chẳng thấy Tát Bà Nhã cùng Phật và Bồ Đề hợp. Vì sao? Vì Phật tức là Tát Bà Nhã, và Tát Bà Nhã tức là Phật; vì Bồ Đề tức là Tát Bà Nhã và Tát Bà Nhã tức là Bồ Đề.**

**Bồ tát Ma-ha-tát phải tu tập đúng như vậy, mới được gọi là cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.**

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Bồ tát và pháp Bồ tát cũng chẳng cùng Tát Bà Nhã hợp hay sao?*

**Đáp:** Trong loài người, Phật là đấng đại giác ngộ, là đấng Vô Thượng. Trong hết thảy pháp, Tát Bà Nhã là pháp Vô Thượng. Cho nên nói Bồ tát và pháp Bồ tát chẳng cùng Tát Bà Nhã hợp được. Vì sao? Vì được Tát Bà Nhã rồi, mới được gọi là Phật, chưa được Tát Bà Nhã thì chẳng được gọi là Phật.

Lại nữa, Phật tức là Tát Bà Nhã, Tát Bà Nhã tức là Phật. Lìa Phật ra chẳng có Tát Bà Nhã, lìa Tát Bà Nhã ra chẳng có Phật.

**Hỏi:** *Nói Phật là người nên chẳng cùng Tát Bà Nhã hợp, thì còn hợp lý. Nhưng Bồ Đề là pháp vô thượng sao cũng chẳng hợp với Tát Bà Nhã?*

**Đáp:** Có thuyết nói Bồ Đề là trí huệ của Phật, nhưng Tát Bà Nhã mới thật là Nhất Thiết Trí Huệ của Phật. Lại có thuyết nói ở trong 11 trí thì trí thứ 11 là Tát Bà Nhã; còn 10 trí kia nhiếp về Bồ Đề.

Lại nữa, 10 Phật lực là pháp của Phật, còn Bồ Đề là do Bồ tát ức tưởng phân biệt mà có, chẳng phải là thật.

Chỉ có chỗ sở đắc của Phật, tức là Tát Bà Nhã mới là thật pháp. Nếu nói Bồ Đề là pháp của Bồ tát, thì pháp ấy cũng chỉ là hư vọng, chẳng thật có. Bởi vậy nên nói Bồ Đề chẳng cùng Tát Bà Nhã hợp được.

Trong đoạn kinh nêu trên đây, Phật nói rằng Phật cũng như Bồ Đề chẳng cùng Tát Bà Nhã hợp. Vì sao? Vì Phật tức là Tát Bà Nhã, Tát Bà Nhã tức là Phật. Bồ Đề của Phật tức là Tát Bà Nhã, Tát Bà Nhã tức là Bồ Đề của Phật. Bồ tát phải tu tập đúng như vậy, mới được cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Ma-ha-tát chẳng tu tập sắc là có (hữu), hay là không (vô), chẳng tu tập sắc là thường hay vô thường, chẳng tu tập sắc là khổ hay là lạc, chẳng tu tập sắc là ngã**

**hay là vô ngã, chẳng tu tập sắc là tịch diệt hay chẳng phải tịch diệt, chẳng tu tập sắc là không hay là chẳng phải không, chẳng tu tập sắc là hữu tướng hay là vô tướng, chẳng tu tập sắc là hữu tác hay là vô tác. Dẫn đến chẳng tu tập thọ, tưởng, hành, thức cũng đều là như vậy.**

**Bồ tát Ma-ha-tát phải tu tập đúng như vậy, mới được gọi là cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.**

**Lại nữa, khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Ma-ha-tát chẳng dấy niệm có hành, hay chẳng có hành Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì hành Bát nhã Ba-la-mật là chẳng hành, mà cũng chẳng phải chẳng hành.**

**Bồ tát Ma-ha-tát phải tu tập đúng như vậy, mới được gọi là cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.**

**LUẬN:**

Bồ tát phải quán 5 ấm là chẳng phải có (hữu), chẳng phải không (vô), mới cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng. Vì sao? Vì thế gian, do 2 chấp hữu và vô, mà cứ phải trôi lăn mãi trong sanh tử, luân hồi. Nếu thuận dòng sanh tử là chấp hữu ngã. Nếu nghịch dòng sanh tử để giải thoát cho riêng mình, thì vẫn còn chấp vô ngã.

Lại nữa, ngã kiến nhiều là do chấp hữu; tà kiến nhiều là do chấp vô. Chấp 4 ngã kiến là chấp hữu; chấp 4 tà kiến là chấp vô. Bị 3 độc trói buộc là do chấp hữu; bị vô minh trói buộc là do chấp vô. Chẳng biết 5 ấm do các duyên chứa nhóm sanh là chấp hữu; chẳng biết tập sanh là chấp vô. Gần ác tri thức và Ngoại đạo, khiến phải đọa về đoạn diệt, chẳng tin có tội phước là chấp vô. Nghĩ các pháp đều là không, rồi chấp tướng không ấy là chấp vô. Nghĩ 6 căn cùng hết thảy các pháp đều là thật có là chấp hữu.

Tóm lại, ái kiến nhiều, thì chấp hữu. Tà kiến nhiều, thì chấp vô. Như vậy hữu hay vô đều là hư vọng, chẳng phải thật có.

Nếu phá được cả 2 chấp hữu và vô, thì mới vào được trung đạo. Ví như người đi trên con đường hẹp, một bên là hồ nước sâu, một bên là khu rừng lớn đang bốc cháy, thì người ấy phải khéo giữ mình, chẳng để bị trượt chân ngã về bất cứ bên nào. Vì sao? Vì nếu để bị trượt chân, ngã về bất cứ bên nào cũng đều nguy hiểm cả.

-o0o-

Người chấp hữu và người chấp vô đều có lỗi. Vì sao? Vì nếu chấp các pháp là thật có, thì chẳng có các nhân duyên sanh pháp. Nếu đã biết các pháp do nhân duyên hòa hợp sanh, nên đều là tự tánh không, là vô pháp; nhưng nếu lại chấp vô pháp là thật có, thì chẳng có tội phước, chẳng có các pháp vậy.

Do có người chấp hữu, có người chấp vô mà sanh ra có tranh chấp hơn thua, phải trái, dẫn đến có sanh ra các kiết sử phiền não. Rồi do có kiết sử phiền não, mà sanh ra có tạo nghiệp, dẫn vào 3 đường ác. Trái lại, khi vào được thật tướng pháp, thì chẳng còn có tranh chấp hơn thua, phải trái gì nữa cả.

Lại nữa, chấp hữu là chấp có các pháp hữu vi; mà các pháp hữu vi đều là vô thường, đều dẫn đến khổ đau. Còn chấp vô thì tin chẳng có tội phước, nên tự do tạo tội ác, khiến phải đọa vào địa ngục, thọ các quả báo khổ đau.

-o0o-

Người chẳng chấp hữu, chẳng chấp vô mới xa được các lỗi lầm, vào được nơi thật tướng pháp.

Lại nữa, 5 ấm chẳng phải thường, chẳng phải vô thường.

Nếu chấp 5 ấm là thường, thì chẳng có sanh, chẳng có diệt. Do vậy mà chẳng có tội phước, chẳng có các quả báo thiện ác. Những cảnh chết chóc hằng ngày, cảnh bà con thân thuộc than khóc trước phút biệt ly xa cách, cho thấy rõ thân người cũng như vạn vật đều là vô thường. Trong kinh có nói đến thời kiếp tận, thì hết thảy đều bị tiêu diệt, là đại vô thường. Bởi vậy, chẳng có thể nói 5 ấm là thường.

Thế nhưng, chỉ nên dùng vô thường để phá chấp về thường, mà chẳng nên chấp tướng vô thường. Vì sao? Vì chấp vô thường cũng là có lỗi. Nên biết rằng các pháp niệm niệm sanh diệt, nên là không. Sáu tình cũng niệm niệm sanh diệt nên chẳng thủ được 6 trần. Vì sao? Vì nội tâm cũng như ngoại trần đều chẳng có trú (vô trú).

Do vì chẳng trú, nên là chẳng có duyên (vô duyên), là không vậy. Nếu tư duy như vậy mà tu tập các nhân duyên và quả báo, thì sẽ thấy nhân duyên và quả báo cũng luôn luôn biến chuyển. Từ đó, giữa người chấp hữu và người vô chấp ắt sẽ có tranh chấp, nên trong kinh nói "5 ấm vô thường là bất khả đắc".

Lại nữa, 5 ấm chẳng phải khổ, chẳng phải lạc; chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Vì sao? Vì ở trong khổ có lạc, ở trong lạc có khổ, nên khổ và lạc đều là bất khả đắc; dẫn đến ngã và vô ngã cũng đều là bất khả đắc.

-o0o-

Lại nữa, do các pháp đều là tự tánh không, nên nói các pháp dù là hữu tướng, thì cũng là vô tướng; dù là hữu tác thì cũng là vô tác. Trước đây đã nói nhiều về 5 ấm do duyên sanh, nên là tự tánh không, là tịch diệt, là như như Niết bàn tướng.

Năm ấm cũng như hết thảy các pháp vốn là tự tánh không, là tịch diệt. Chỉ khi nào 3 độc dấy khởi, thì mới chẳng tịch diệt. Lại nữa, lửa vô thường thiêu đốt mà các pháp vốn tịch diệt đã trở thành không tịch diệt. Do chấp 3 độc là thật, mà 3 độc vốn tịch diệt đã trở thành không tịch diệt.

Bởi vậy nên không và bất không, hữu tướng và vô tướng, hữu tác và vô tác, tịch diệt và phi tịch diệt đều là bất khả đắc cả.

-o0o-

Lại nữa, Bồ tát ly được cả hai bên "Hữu và Vô", hành trung đạo là hành Bát nhã Ba-la-mật mà cũng chẳng chấp Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bồ tát là bất khả đắc, Bát nhã Ba-la-mật cũng là bất khả đắc, nên Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng chấp Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát quán thật tướng các pháp, nên dù có hành Bát nhã Ba-la-mật, dù chẳng có hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát cũng chẳng chấp, vì đã rõ biết chấp Hữu cũng như chấp Vô đều có lỗi cả.

Bồ tát tu tập như vậy, nên được cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma-ha-tát chẳng phải vì Bát nhã Ba-la-mật mà hành Bát nhã Ba-la-mật; chẳng phải vì Đàn Ba-la-mật, Thi La Ba-la-mật, Sẵn Đề Ba-la-mật, Tỳ Lê Gia Ba-la-mật, Thiền Na Ba-la-mật mà hành Bát nhã Ba-la-mật; chẳng phải vì quả vị bất thối chuyển mà hành Bát nhã Ba-la-mật; chẳng phải vì thành tựu chúng sanh mà hành Bát nhã Ba-la-mật; chẳng phải vì thanh**

**tịnh Phật độ mà hành Bát nhã Ba-la-mật; chẳng phải vì 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp mà hành Bát nhã Ba-la-mật; chẳng phải vì nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô thỉ không, tán không, tánh không, chư pháp không, tự tướng không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không mà hành Bát nhã Ba-la-mật; chẳng phải vì như pháp tánh thật tế mà hành Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Ma-ha-tát chẳng phá hoại các pháp tướng.**

**Bồ tát Ma-ha-tát phải tu tập đúng như vậy, mới được gọi là cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.**

**LUẬN:**

**Hỏi:** *6 pháp Ba-la-mật và như pháp tánh thật tế đều là pháp của Phật. Nếu nói chẳng vì các pháp ấy mà hành Bát nhã Ba-la-mật, thì Bồ tát phải dùng pháp gì để hành Bát nhã Ba-la-mật?*

**Đáp:** Như Phật nói: "Do chẳng phá hoại các pháp tướng mà Bồ tát chẳng có phân biệt bố thí với xan tham, dẫn đến như pháp tánh thật tế trong 3 cõi cũng chẳng có phân biệt. Vì sao? Vì hết thảy các pháp đều là tự tánh không, đều là như mộng, như huyễn, nên Bồ tát chẳng có đắm chấp các pháp. Bồ tát chẳng vì pháp hữu vi mà vẫn hiện hành pháp hữu vi. Bồ tát hành pháp hữu vi mà tâm chẳng chấp đắm, dẫn đến hành Bát nhã Ba-la-mật, hành như pháp tánh thật tế cũng như vậy. Vì hạng Bồ tát này mà kinh nói: "Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, dùng các phương tiện hành các sự việc mà tâm chẳng hề chấp các sự việc ấy".

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma-ha-tát chẳng phải vì như ý thần thông mà hành Bát nhã Ba-la-mật; chẳng phải vì thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông, lậu tận thông mà hành Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng thấy Bát nhã Ba-la-mật, huống nữa là thấy các thần thông.**

**Bồ tát Ma-ha-tát phải tu tập đúng như vậy, mới được gọi là cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.**

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Trước đã nói về Thiền Na Ba-la-mật và 5 thần thông rồi. Sao nay còn nói thêm nữa?*

**Đáp:** Trước đây nói về tổng tướng. Nay nói về biệt tướng. Ở nơi biệt tướng, thì có các công đức quả báo.

Bồ tát có 5 thần thông mới làm được nhiều việc lợi ích cho chúng sanh. Cho nên, dù có tâm từ bi, dù có hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng có được 5 thần thông, thì cũng như chim thiếu mất đi một cánh, chẳng có thể bay xa được; lại cũng ví như cây không sanh được quả, thì cũng chẳng có ích lợi nhiều.

Lại nữa, Bồ tát có đủ 5 thần thông, thì ở trong vô lượng Phật pháp, mới chẳng có lỗi lầm.

**Hỏi:** *Vì sao Phật lại nói: "Bồ tát chẳng phải vì 5 thần thông mà hành Bát nhã Ba-la-mật?*

**Đáp:** Có nhiều Bồ tát tu được 5 thần thông rồi, mà do thiếu các lực phương tiện, nên khởi tâm kiêu mạn, khinh khi các Bồ tát khác. Phật, vì hạng Bồ tát này mà nói như trên. Vì sao? Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của chư Phật. Bồ tát, ở nơi Bát nhã Ba-la-mật chẳng còn chấp, huống nữa là chấp 5 thần thông.

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Ma-ha-tát chẳng dấy niệm rằng ta dùng như ý thần thông bay khắp 10 phương để cúng dường chư Phật; ta dùng thiên nhĩ thông để nghe chư Phật khắp 10 phương thuyết pháp; ta dùng tha tâm thông để biết tâm niệm của chúng sanh trong hằng sa thế giới ở khắp 10 phương; ta dùng túc mạng thông để biết việc làm của chúng sanh trong hằng sa thế giới ở khắp 10 phương; ta dùng thiên nhãn thông để biết chúng sanh trong hằng sa thế giới ở khắp 10 phương chết đây, sanh kia.**

**Bồ tát Ma-ha-tát phải tu tập đúng như vậy, mới được gọi là cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.**

**LUẬN:**

Trước đây nói về 5 thần thông. Nay nói về công dụng của thần thông.

**Hỏi:** *Vì sao Bồ tát chẳng dấy niệm rằng mình đã dùng 5 thần thông?*

**Đáp:** Vì Bồ tát đã xả bỏ chấp ngã, đã được trí căn bản, đã phá sạch kiêu mạn, đã khéo tu các giải thoát môn và các tam nuội. Nên biết Phật cũng do nơi 3 giải thoát môn mà có được Phật thân vi diệu. Ví như vàng ròng vào lửa sáng chói lên, mà người đứng bên ngoài nhìn thấy dịu sắc, mà chẳng sao dùng tay nắm bắt được.

Lại nữa, hết thảy các pháp đều như huyễn, như hóa, chẳng có gần, chẳng có xa,... chẳng có tướng nhất định. Ví như nhà huyễn thuật, hóa tác ra các huyễn vật lừa dối mắt người xem, khiến họ thấy có các tướng lớn, nhỏ, xa, gần... sai khác vậy.

Lại nữa, Bồ tát thường ở trước Phật, thường an trú trong định, nên có thể, ngay trong một niệm, biến thành vô lượng thân, đi khắp cả 10 phương để cúng dường chư Phật. Vì sao? Vì Bồ tát đã đoạn các pháp ái, đã đầy đủ 5 thần thông, đã có đại thần lực, nguyện ở trong 3 đường ác, khắp độ chúng sanh.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma-ha-tát khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên các ác ma chẳng có chỗ tiện để gây tác hại, chẳng dám đến gần để quấy nhiễu. Do vậy mà Bồ tát thành tựu được hết thảy các sự việc lợi ích cho thế gian theo như ý muốn. Bồ tát được chư Phật trong khắp 10 phương thường ủng hộ khiến chẳng rơi về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa. Bồ tát lại được chư thiên thường ủng hộ giúp thành tựu được các pháp như ý nguyện. Dù ở đời trước đã có phạm trọng tội, thì ở đời nay Bồ tát cũng chỉ thọ quả báo nhẹ mà thôi. Vì sao? Vì Bồ tát trải lòng từ bi rộng lớn làm lợi ích cho chúng sanh.**

**Bồ tát Ma-ha-tát phải tu tập đúng như vậy, mới được gọi là cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.**

**LUẬN:**

Trên đây nói lên sự tán thán Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật được đại công đức. Các quả báo này đều là quả báo công đức của trí huệ cả.

**Hỏi:** *Ma là chủ ở cõi Dục. Bồ tát hãy còn nhục thân, sao lại chẳng bị ma quấy phá?*

**Đáp:** Do Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, nên được

chư Phật thường hộ niệm, được chư Thiên thường phò trợ; lại do thường hành bất khả đắc không, nên chẳng còn đắm trước nơi hết thảy các pháp. Bởi vậy nên các ác ma chẳng có chỗ tiện để gây tác hại nữa. Ví như người có thân hình lành mạnh, thì các độc trùng thì chẳng có chỗ tiện để xâm nhập vào da thịt được.

Lại nữa, vì Bồ tát chẳng có đắm trước các ma sự, vì đối với các ác ma chẳng có hề khởi sân hận, khiến các ác ma chẳng có chỗ tiện để gây tác hại.

Lại nữa, vì Bồ tát đã thâm nhập Nhẫn nhục Ba-la-mật, đã có từ tâm tam muội, nên thường chẳng gặp các ách nạn, như nạn nước, nạn lửa, nạn đao binh v.v...

Khi Bồ tát làm các sự việc, như trồng rau, đậu, trồng cây hoa, cây ăn quả, làm nhà, đào giếng v.v... đều được như ý nguyện. Khi Bồ tát muốn lập chùa, muốn thuyết pháp độ sanh v.v... cũng đều được như ý nguyện. Hết thảy các sự việc ở thế gian, Bồ tát đều như pháp hành, nên đều được như ý nguyện. Vì sao? Vì Bồ tát, trải qua vô lượng kiếp, đã tu tập vô lượng công đức trí huệ; lại vì thường thật hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng còn đắm trước hết thảy pháp. Do chẳng sanh tâm đắm trước, nên các kiết sử mỏng dần, thiện căn càng thêm tăng trưởng, thâm hậu hơn lên. Do được thiện căn thâm hậu, nên nguyện gì cũng đều được thành tựu như ý.

Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật được chư Thiên tán thán, cung kính, được các hàng Long Vương, quỷ thần xưng dương, tán thán và giúp đỡ, khiến Bồ tát thành tựu được mọi sự việc ở thế gian như ý nguyện.

Lại nữa, Bồ tát còn được chư Phật ở khắp 10 phương thường hộ niệm, nên được oai đức như ý nguyện vậy.

**Hỏi:** *Trước đây nói tâm Phật bình đẳng. Nay vì sao lại thiên vị, hộ niệm các Bồ tát?*

**Đáp:** Bồ tát do thật hành Bát nhã Ba-la-mật, mà có công đức trí huệ tương ưng với đại tâm của chư Phật. Tuy tâm Phật bình đẳng nhưng vì Bồ tát đã có được khí phần trí huệ của Phật, đã được tương ưng với chư Phật, nên được chư Phật ứng niệm để khuyến tấn trong việc hành đạo.

Lại nữa, Phật hộ niệm Bồ tát vì chẳng muốn Bồ tát thối tâm, rơi về Thanh Văn địa. Vì sao? Vì phải vào được 3 giải thoát môn Không, Vô Tướng và Vô Tác mới thường niệm Phật, thường hành các Phật sự. Do vậy mà được chư Phật thường hộ niệm, khiến tâm trở nên kiên cố, chẳng còn thối chuyển nữa. Ví như trứng cá, nếu chẳng được cá mẹ nhớ nghĩ, che chở thì chẳng nở được vậy.

Lại nữa, khi Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có chấp đắm dục lại ở thế gian, mà chỉ muốn giáo hóa chúng sanh nên được chúng sanh tôn quý, được chư Thiên phò trợ.

Lại nữa, Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, vào được thật trí huệ, vào được Phật chủng, lại dùng tâm từ bi hành đại bố thí, nên dù đời trước có phạm trọng tội phải đọa địa ngục, thì đời nay nhờ oai đức đó chỉ thọ quả báo tội nhẹ mà thôi. Ví như vị Thái tử dù phạm trọng tội, cũng chỉ chịu hình phạt nhẹ, vì thuộc về dòng giống nhà vua (vương chủng) vậy.

Lại nữa, Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, được thật trí huệ, được tâm rỗng lặng nên chẳng còn chìm đắm trong bể khổ sanh tử. Trái lại, phàm phu do kiết sử nặng nề, khó thoát ra khỏi ngục tù ba cõi. Ví như cái bình thiếc rỗng ruột nổi trên mặt nước, trong lúc đó cái bình đặc ruột phải bị chìm sâu xuống đáy nước.

Trong đoạn kinh trên đây, Phật nói rõ về nhân duyên Bồ tát được 5 công đức, vì Bồ tát trải lòng từ bi rộng lớn làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh.

**Hỏi:** *Thật hành Bát nhã Ba-la-mật là đã có đầy đủ 5 công đức rồi. Nay vì sao lại nói Bồ tát do trải lòng từ bi rộng lớn làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh mà thành tựu được 5 công đức?*

**Đáp:** Tâm từ bi là nhân sanh ra Bát nhã Ba-la-mật. Do phát nguyện trải lòng từ bi rộng lớn độ thoát hết thảy chúng sanh, mà Bồ tát thành tựu được 5 công đức như đã nêu. Đó là:

- Chẳng còn bị ác ma gây tác hại.

- Thành tựu được các việc lợi ích ở thế gian.

- Được chư Phật thường hộ niệm.

- Được chư Thiên thường phò trợ.

- Các trọng tội đời trước được chuyển thành khinh tội.

Lại nữa, khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát thường khởi hai duyên. Đó là:

- Duyên chúng sanh,

- Duyên pháp.

Khi duyên chúng sanh thì Bồ tát khởi tâm từ bi. Khi duyên pháp thì Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật.

Do khởi tâm từ bi nên Bồ tát theo Bát nhã Ba-la-mật sanh và hành theo Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Do thật hành Bát nhã Ba-la-mật nên Bồ tát Ma-ha-tát mau được các môn đà la ni và các môn tam muội, sanh về đâu cũng thường gặp Phật pháp, mãi cho đến khi chứng quả Vô Thượng Bồ Đề trọn chẳng bao giờ rời chư Phật.**

**LUẬN:**

Bồ tát do thật hành Bát nhã Ba-la-mật mà được các phước đức nhân duyên, được đầy đủ các môn đà la ni và các môn tam muội. Cũng do thật hành Bát nhã Ba-la-mật mà Bồ tát được tâm minh liễu. Bởi vậy nên sanh về đâu, Bồ tát cũng thường được gặp Phật, thường được nghe pháp.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của chư Phật. Bồ tát do thật hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng chấp hết thảy pháp. Nhờ vậy mà sanh về đâu cũng thường được gặp Phật, nghe pháp. Ví như người đời này ưa đấu tranh thì đời sau sẽ sanh về chốn địa ngục, hay các nơi có nạn binh đao, giết chóc; người đời này có nhiều sân nhuế, thì đời sau sẽ sanh làm rắn độc, ác trùng; người đời này ngu si thì đời sau sẽ sanh làm loài phù du hay làm loài côn trùng ở dưới đất. Còn như Bồ tát có lòng ái kính Phật, do thường niệm thật tướng Bát nhã, do thường tu tập các môn đà la ni và các môn tam muội, nên sanh về đâu cũng đều được thấy Phật, được nghe pháp. Lại nữa, do phát đại nguyện đời đời được thấy Phật, nên chẳng bao giờ rời Phật.

Trong kinh có chép nhiều mẫu chuyện về người tuy ở ngay trong đời có Phật, mà vẫn chẳng thấy được Phật.

Ví như đời Phật Tỳ Bà Thi, có một ông Bà-la-môn, tuy thấy Phật và chúng Tỳ-kheo mà chẳng muốn nghe Phật pháp.

Ông Bà-la-môn này lại còn mắng nhiếc Phật và chúng Tỳ-kheo, nên sau khi mạng chung phải đọa làm súc sanh trong suốt 91 kiếp.

-o0o-

Lại nữa, do thâm niệm chư Phật, do khéo tu các đà la ni và các tam muội, nên đời đời chẳng mất tâm Bồ Đề, lại do thường nguyện chẳng rời Phật, nên đời đời được gặp Phật, nghe pháp, tương tục từ đời này sang đời khác, mãi cho đến khi chứng quả Vô Thượng Bồ Đề.

**Hỏi: Như vậy là quả báo. Sao lại nói là do tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật mà được như vậy?**

**Đáp:** Do tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật mà được gặp Phật. Đây là ở trong quả báo mà nói đến nhân.

Có hai trường hợp tương ưng. Đó là:

- Tâm tương ưng.

- Pháp tương ưng.

Do hành đạo Bồ tát, mà Bồ tát được sanh về xứ tốt, được gặp Phật, được nghe pháp, được chánh niệm nên gọi là tương ưng.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Ma-ha-tát chẳng dấy niệm nghĩ rằng có pháp cùng pháp hợp, hay chẳng hợp, bình đẳng hay chẳng bình đẳng. Vì sao? Vì Bồ tát chẳng thấy có pháp này cùng**

**pháp khác hợp, hay chẳng hợp; chẳng thấy có pháp này cùng pháp khác bình đẳng hay chẳng bình đẳng. Bồ tát Ma-ha-tát phải tu tập đúng như vậy, mới được gọi là cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.**

**LUẬN:**

Đoạn kinh trên đây cho thấy rằng ở nơi hết thảy pháp, chẳng có cùng pháp cộng hợp.

**Hỏi: Các pháp cũng có ít phần hợp với nhau, như khi áp sát hai ngón tay vào nhau, thì trong 4 phương đã có 1 phương hợp, sao lại nói chẳng có hợp?**

**Đáp:** Khi đặt 2 ngón tay sát vào nhau, thì chỉ có ít phần hợp; trong 4 phương chỉ có 1 phương hợp, còn 3 phương khác chẳng có hợp. Như vậy chỉ là giả hợp, chẳng thể gọi là hợp được.

Lại nữa, dù nhiều vật cùng được đặt vào một chỗ, dù nhiều chất cùng được hòa trộn với nhau, cũng chẳng có thể gọi là hợp. Vì sao? Vì các vật, các chất ấy đều mỗi mỗi sai khác nhau. Bởi vậy nên nói các pháp chẳng phải có hợp, cũng chẳng phải chẳng có hợp.

**Hỏi:** *Tất cả các chất lỏng đều có tướng ướt, các chất rắn đều có tướng cứng v.v... Như vậy là pháp cùng pháp có bình đẳng. Sao lại nói chẳng có bình đẳng?*

**Đáp:** Các pháp nếu có tướng dụng không sai khác nhau, thì có thể gọi là bình đẳng. Ví như tất cả các chất lỏng đều có tướng ướt, nên cùng với nước bình đẳng. Các pháp được xếp thành loại có tướng chung, như: tướng sắc, tướng vô sắc, tướng cứng, tướng ướt, tướng di động v.v... Xét về mặt tướng chung, thì các pháp thuộc về mỗi loại bình đẳng với nhau.

Lại nữa, hết thảy pháp đều chỉ là một tướng (nhất tướng), đều là chẳng có tướng (vô tướng), nên đều là bình đẳng với nhau. Thế nhưng nếu đã dấy tâm chấp tướng thì thấy có những tướng sai khác, khiến chẳng còn thấy các pháp bình đẳng với nhau nữa.

Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng thấy các pháp bình đẳng, hay chẳng bình đẳng. Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ hết thảy các pháp đều là tự tánh "không". Vì tự tánh "không" nên là chẳng phải pháp, tức là vô pháp. Vì là vô pháp nên là chẳng thể thấy được, tức là bất khả kiến. Vì là bất khả kiến nên chẳng phải bình đẳng cũng chẳng phải chẳng bình đẳng vậy.

Nếu bình đẳng và chẳng bình đẳng hòa hợp thì mới là tương ưng. Nếu chẳng hòa hợp thì chẳng có tương ưng.

**Hỏi:** *Trước đây chỉ tán thán Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao nay lại nói thêm về tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật?*

**Đáp:** Vì người nghe pháp thường sanh tâm nhàm chán, nên Phật phương tiện nói pháp theo nhiều giai đoạn:

- Trước hết, Phật tán thán công đức của Bát nhã Ba-la-mật để người nghe sanh tâm hoan hỷ, dẫn đến tín thọ Bát nhã Ba-la-mật.

- Sau đó Phật mới nói đến hành tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Ma-ha-tát chẳng dấy niệm nghĩ rằng ta sẽ mau chóng vào được pháp tánh, hay ta sẽ chẳng vào được**

**pháp tánh. Vì sao? Vì Bồ tát chẳng thấy pháp tánh là tánh có thể được (khả đắc) vậy.**

**Bồ tát Ma-ha-tát phải tu tập đúng như vậy, mới được gọi là cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.**

**LUẬN:**

Pháp tánh cũng tức là thật tướng pháp.

Khi đã trừ được hết các kiết sử, đã phá tan được màn vô minh mê ám, thì tâm trở nên thanh tịnh. Lúc bấy giờ, hành giả thật quán được bản tánh thanh tịnh của các pháp. Như vậy là vào được pháp tánh.

Pháp tánh vốn chân thật. Chúng sanh do tà quán mà bị các tà kiến trói buộc. Nếu tỉnh ngộ, hành chánh quán, thì sẽ được giải thoát.

Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng dấy niệm nghĩ rằng ta sẽ mau được pháp tánh hay ta sẽ chẳng vào được pháp tánh. Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ pháp tánh là vô tướng, chẳng có xa gần nên chẳng có sự việc mau được hay lâu được, hay chẳng được pháp tánh. Pháp tánh là thật tế, là như như, chẳng có thể được vậy.

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Ma-ha-tát chẳng thấy có pháp nào xuất sanh từ pháp tánh, chẳng thấy có pháp nào ở ngoài pháp tánh, cũng chẳng thấy pháp tánh khác với các pháp.**

**Bồ tát Ma-ha-tát phải tu tập đúng như vậy, mới được gọi là cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.**

**LUẬN:**

Do vô minh che tâm mà chẳng thấy được tự tánh thanh

tịnh của các pháp. Do vì chẳng thấy rõ tự tánh của các pháp mà khởi sanh các tà kiến, cho rằng các pháp xuất sanh từ pháp tánh, hoặc cho rằng các pháp ở ngoài pháp tánh, hoặc cho rằng pháp tánh khác với các pháp. Các bậc Thánh do đã dứt trừ được vô minh, nên vào được thật tướng pháp, rõ biết ở nơi thật tướng thì hết thảy pháp đều là vô tướng, là nhất tướng.

Ví như mặt trời bị mây che khuất, khiến chẳng chiếu ánh sáng được. Khi mây tan biến rồi thì mặt trời lại chiếu ánh sáng trở lại như trước. Vì sao? Vì do mây che lấp mà hư không đã mất đi tánh trong suốt. Khi mây đã tan biến rồi thì tánh trong suốt của hư không lại hiện ra như cũ.

Bởi vậy nên Bồ tát chẳng thấy có pháp nào xuất sanh từ vô minh, chẳng có pháp nào xuất sanh từ pháp tánh, chẳng thấy có pháp nào ngoài pháp tánh, cũng chẳng thấy có pháp nào khác với pháp tánh cả.

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Ma-ha-tát chẳng dấy niệm y nơi pháp tánh để phân biệt các pháp.**

**Bồ tát Ma-ha-tát phải tu tập đúng như vậy, mới được gọi là cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.**

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Thế nào là chẳng dấy niệm y nơi pháp tánh để phân biệt các pháp?*

**Đáp:** Dấy niệm y nơi pháp tánh có nghĩa là chấp pháp tánh. Thế nhưng chấp pháp tánh, quý pháp tánh cũng duyên sanh ra các kiết sử. Bởi vậy nên Bồ tát chẳng dấy niệm y nơi pháp tánh để phân biệt các pháp.

**Hỏi:** *Pháp tánh là "không", là nhất tướng, là vô tướng. Như vậy làm thế nào mà có thể y nơi pháp tánh để phân biệt các pháp?*

**Đáp:** Pháp tánh diệt được vô minh, tận trừ các kiết sử phiền não, phá được các pháp tướng. Nhờ vậy mà tâm trở nên thanh tịnh, trí huệ trở nên sáng suốt, khiến có thể phân biệt được các pháp.

- Tùy pháp tánh hành là hành thiện pháp.

- Chẳng tùy pháp tánh hành là hành bất thiện pháp.

-o0o-

Trong kinh có chép mẫu chuyện sau đây:

Có một vị Phạm Chí đến hỏi Phật: "Bạch Thế Tôn! Ở trong trời đất cũng có thiện, có ác, có tốt, có xấu... chăng?

Phật dạy: "Đúng như vậy".

Vị Phạm Chí thưa: "Nguyện xin Thế Tôn vì tôi nói pháp".

Phật dạy: "Có 3 việc ác, 3 việc thiện gồm: Tham dục là ác, trừ tham dục là thiện, sân nhuế là ác, trừ sân nhuế là thiện, ngu si là ác, trừ ngu si là thiện.

Lại có 10 việc ác, 10 việc thiện gồm: Sát sanh là ác, không sát sanh là thiện, trộm cướp là ác, không trộm cướp là thiện, tà dâm là ác, không tà dâm là thiện, vọng ngữ là ác, không vọng ngữ là thiện, ỷ ngữ là ác, không ỷ ngữ là thiện, lưỡng thiệt là ác, không lưỡng thiệt là thiện, ác khẩu là ác, không ác khẩu là thiện, tham là ác, không tham là thiện, sân là ác, không sân là thiện, si là ác, không si là thiện.

Dẫn đến có vô số việc ác, vô số việc thiện.

Các đệ tử của ta, do như thật phân biệt thiện ác mà vào được pháp tánh, mà được đạo vậy".

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Ma-ha-tát chẳng dấy niệm nghĩ rằng tu pháp này sẽ được pháp tánh hay sẽ chẳng được pháp tánh. Vì sao? Vì Bồ tát chẳng thấy dùng pháp này sẽ được pháp tánh hay sẽ chẳng được pháp tánh.**

**Bồ tát Ma-ha-tát phải tu tập đúng như vậy, mới được gọi là cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng.**

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Thế nào gọi là được pháp tánh?*

**Đáp:** Thật hành theo đúng 8 Thánh đạo, vào được nơi thật tướng pháp, vào được Niết bàn gọi là được pháp tánh.

Pháp tánh là thật tướng pháp, là Bát nhã Ba-la-mật. Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng dấy niệm có thật hành Bát nhã Ba-la-mật, mới gọi là được pháp tánh. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật và pháp tánh, tuy hai mà chẳng khác. Bát nhã Ba-la-mật và pháp tánh đều là rốt ráo không.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Ma-ha-tát chẳng thấy pháp tánh hợp với không, chẳng thấy không hợp với pháp tánh.**

**Bồ tát Ma-ha-tát phải tu tập đúng như vậy, mới được gọi là tương ưng Bát nhã Ba-la-mật.**

**LUẬN:**

Bồ tát chẳng quán pháp tánh là không, cũng chẳng quán không là pháp tánh. Vì sao? Vì hành "không" tức là được pháp tánh, duyên pháp tánh thì mới được "không". Pháp tánh và "không" chẳng khác nhau. Cả hai đều là rốt ráo không cả.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Ma-ha-tát chẳng thấy nhãn giới hợp với không, không hợp với nhãn giới, chẳng thấy sắc giới hợp với không, không hợp với sắc giới, chẳng thấy nhãn thức giới hợp với không, không hợp với nhãn thức giới, dẫn đến chẳng thấy ý giới, pháp giới, ý thức giới hợp với không, chẳng thấy không hợp với ý giới, với pháp giới, với ý thức giới. Tương ưng "không" như vậy gọi là tương ưng đệ nhất.**

**LUẬN:**

Nhãn giới chẳng cùng hợp với không và không chẳng cùng hợp với nhãn giới. Vì sao? Vì nhãn giới là hữu, mà không là vô. Có (hữu) chẳng pháp là không (vô), và nghịch lại không (vô) chẳng phải là có (hữu). Bởi vậy hữu và vô chẳng có hợp với nhau được.

Lại nữa, Bồ tát biết rõ các pháp tướng đều là tán hoại. Hết thảy các pháp đều tự tướng không, đều chỉ có nơi danh, nơi tướng, đều chẳng thật có, đều chẳng nên

chấp đắm. Dẫn đến tự tướng không đó cũng chẳng nên chấp, vì "không" cũng là bất khả đắc. Cho nên nói "nhãn giới không" chẳng phải là "nhãn giới không". Như vậy mới thật là "nhãn giới không".

Nhãn giới và không chẳng cùng nhau tương hợp, vì cả hai đều là tự tướng không, đều là bất khả đắc cả.

Dẫn đến sắc giới, ý giới, pháp giới, ý thức giới cũng chẳng cùng với không tương hợp. Tất cả đều là tự tướng không, đều là bất khả đắc cả.

**Hỏi:** *Vì sao ở đoạn kinh trên đây chẳng có nói đến 5 ấm mà chỉ nói đến 18 giới mà thôi?*

**Đáp:** Nói về 18 giới là đã tóm gọn đầy đủ hết thảy các pháp rồi.

Có hạng người ở nơi tâm và sắc, còn có lầm chấp về các sắc pháp. Lại có hạng người ở nơi tâm và sắc chẳng còn có lẫm chấp về các sắc pháp. Đối với hạng người sau, khi nghe đoạn kinh trên đây nói về 18 giới là liền được ngộ.

**Hỏi:** *Thế nào gọi là tương ưng đệ nhất?*

**Đáp:** Nghĩa "không" là thâm áo tạng của chư Phật khắp trong 10 phương. Đây là cửa duy nhất dẫn thẳng đến Niết bàn Bồ tát, chẳng có cửa nào khác.

Lại nữa, tương ưng "không" mới có công năng phá sạch các tà kiến, hý luận.

Bởi vậy nên "tương ưng không" là chẳng thể hoại, chẳng thể phá, là "tương ưng đệ nhất" vậy.

-o0o-

**KINH:**

**Lúc bấy giờ, Phật khai thị các nhân duyên hành đệ nhất "không".**

**Phật dạy: "Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma-ha-tát hành đệ nhất không chẳng đọa về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa, thường tịnh Phật quốc độ, giáo hóa chúng sanh, mau được Vô Thượng Bồ Đề.**

**Này Xá Lợi Phất! Trong các pháp tương ưng thì Bát nhã Ba-la-mật là pháp đệ nhất, pháp tối diệu, chẳng có pháp nào bì kịp. Vì sao? Vì Bồ tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba-la-mật là tương ưng với không, vô tướng và vô tác. Phải nên biết rằng Bồ tát này đã được thọ ký hay đã gần được thọ ký.**

**Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma-ha-tát tu tập tương ưng như vậy, hay làm lợi ích cho chúng sanh mà chẳng dấy niệm nghĩ rằng ta cùng với Bát nhã Ba-la-mật tương ưng, chư Phật sẽ thọ ký cho ta hay ta gần được thọ ký, hay ta sẽ tịnh Phật quốc độ, hay ta sẽ được Vô Thượng Bồ Đề và sẽ chuyển pháp luân. Vì sao? Vì Bồ tát chẳng thấy có pháp nào ra ngoài pháp tánh, chẳng thấy có pháp nào gọi là Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy có pháp nào gọi là được chư Phật thọ ký, chẳng thấy có pháp nào gọi là Vô Thượng Bồ Đề, chẳng thấy có pháp nào gọi là chuyển pháp luân. Vì sao? Vì khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng thấy có tướng ngã, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, tướng kiến giả. Vì sao? Vì chúng sanh là rốt ráo bất sanh, bất diệt, nên là chẳng có tướng sanh, tướng diệt. Nếu các pháp đã chẳng có tướng sanh, tướng diệt thì cũng chẳng có pháp nào gọi là hành Bát nhã Ba-la-mật cả.**

**Này Xá Lợi Phất! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát Ma-ha-tát chẳng thấy có chúng sanh nên cũng chẳng thấy có chúng sanh được độ. Vì sao? Vì chúng sanh là không, là bất khả đắc. Phải ly tướng chúng sanh, mới thật là hành Bát nhã Ba-la-mật.**

**Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma-ha-tát trú nơi đệ nhất tương ưng. Trong các tương ưng thì đệ nhất tương ưng là hơn hết. Vì sao? Tương ưng mà chẳng tương ưng, mới là đệ nhất tương ưng.**

**Bồ tát Ma-ha-tát tu tập tương ưng như vậy nên chẳng sanh tâm xan tham, chẳng sanh tâm phạm giới, chẳng sanh tâm sân nhuế, chẳng sanh tâm giải đãi, chẳng sanh tâm loạn động, chẳng sanh tâm vô ký, chẳng đọa về Nhị Thừa địa.**

**LUẬN:**

Nói về tương ưng "không" có hai nghĩa. Đó là:

- Pháp không.

- Bất khả đắc không.

Bồ tát hành pháp không thì chẳng đọa về Nhị Thừa địa.

Bồ tát hành bất khả đắc không thì chẳng đọa về bất cứ cảnh giới nào.

Nếu xét về phương tiện, thì có hai trường hợp, đó là:

- Nếu chẳng tu phương tiện "không", thì đọa về Nhị thừa địa.

- Nếu có tu phương tiện "không", thì chẳng đọa về Nhị thừa địa mà thẳng đến Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, xét về phương tiện còn có hai trường hợp nữa. Đó là:

- Nếu có tâm từ bi thì vào được cửa "không", dẫn đến tịnh Phật quốc độ, chẳng có đọa về Nhị thừa địa.

- Nếu chẳng có tâm từ bi thì đọa về Nhị thừa địa.

Bồ tát trú trong tương ưng "không", được vô chướng ngại, thường giáo hóa chúng sanh, dạy họ hành 10 thiện đạo, khiến cho quốc độ Phật được trang nghiêm thanh tịnh.

**Hỏi:** *Giáo hóa chúng sanh là đã tịnh Phật quốc độ rồi. Như vậy vì sao nói có Bồ tát thì quốc độ Phật mới được thanh tịnh trang nghiêm?*

**Đáp:** Nhờ có Bồ tát phát đại nguyện giáo hóa chúng sanh, dạy họ hành 10 thiện đạo mà quốc độ Phật được thanh tịnh trang nghiêm. Ví như phải nhờ có sức kéo của trâu mà cỗ xe mới lăn bánh, mới di chuyển được vậy.

**Hỏi:** *Trước chỉ nói tương ưng "không". Sao nay nói hành Bát nhã Ba-la-mật tương ưng với không, vô tướng và vô tác? Nói như vậy có mâu thuẫn chăng?*

**Đáp:** Phải nên phân biệt:

- Bát nhã Không.

- Phi Bát nhã Không.

Trước nói về Bát nhã Không. Vì có người nghe nói về pháp "không" lại khởi chấp tướng "không", nên phải nói đến Bát nhã Không. Dùng trí huệ Bát nhã để thấy rõ hết các pháp ở nơi thật tướng đều là không. Biết "không" mà chẳng nên chấp "không" mới là Bát nhã Không.

Lại có người chấp rằng "không" là đệ nhất, còn "vô tướng", "vô tác"... chẳng phải là đệ nhất, nên lại phải nói "vô tướng", "vô tác" cũng đều là đệ nhất cả. Vì sao?

Vì "không", "vô tướng", "vô tác" chỉ là một, đều là tối thượng, là tôn quý vậy.

**Hỏi:** *Vì sao nói vào được cửa "không" là được Phật thọ ký?*

**Đáp:** Khi mới hành đạo, Bồ tát còn nhục thân. Lúc bấy giờ Bồ tát chỉ mới có được lực trí huệ, chưa có được Vô Sanh Pháp Nhẫn, nên phải phân biệt thâm nghĩa của "không" để Bồ tát được rõ. Khi Bồ tát vào được cửa "không" rồi thì sẽ được Phật tán thán các công đức, nên gọi là được Phật thọ ký vậy.

Nên phân biệt có 3 hạng Bồ tát được thọ ký. Đó là:

- Bồ tát đã được thọ ký.

- Bồ tát sắp được thọ ký.

- Bồ tát trong đời vị lai lâu xa sẽ đoạn trừ sạch các kiết sử và sẽ được Phật thọ ký.

**Hỏi:** *Bồ tát đã được đệ nhất tương ưng rồi, sao chưa được Phật thọ ký?*

**Đáp:** Nếu Bồ tát tu các phương tiện trí huệ mà chưa được đầy đủ công đức, thì chưa được Phật thọ ký. Phải có đầy đủ công đức rồi, mới được Phật thọ ký.

Lại nữa, có Bồ tát lợi căn, khi nghe được thọ ký có thể sanh tâm kiêu mạn. Bởi vậy Phật phải tán thán công đức của các Bồ tát, để khuyến tấn các vị ấy tu thuần thục cho đến khi được Vô Sanh Pháp Nhẫn. Bồ tát lợi căn, khi đã được tương ưng "không" rồi, sẽ chẳng còn lay động nữa.

Các Bồ tát độn căn, nếu tinh tấn hành Phật đạo cũng sẽ được Phật thọ ký, cũng sẽ được vào Niết bàn an lạc.

Lại nữa, người thế gian thường chỉ cầu được hai điều lợi. Đó là:

- Lìa được khổ.

- Hưởng được vui.

Bồ tát chẳng phải như vậy. Bồ tát làm lợi ích cho chúng sanh mà chẳng sanh tâm kiêu mạn, chẳng cầu được đền ơn đáp nghĩa, chỉ cầu được tịnh Phật quốc độ mà thôi.

**Hỏi:** *Thế nào gọi là xuất pháp tánh?*

**Đáp:** Nếu hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng thấy có hành, thì đó gọi là xuất pháp tánh. Trái lại, nếu hành Bát nhã Ba-la-mật mà còn thấy có hành thì đó là còn chúng sanh tánh.

Ở nơi pháp tánh, Bồ tát quán chúng sanh đồng với pháp tánh, nên chẳng sanh cao tâm, chẳng cầu được đền ơn đáp nghĩa, chẳng thấy được thọ ký. Vì sao? Vì Phật, Bồ tát, ... đều là "không". Bồ tát hành "không" như vậy là được Vô Thượng Bồ Đề, mà Vô Thượng Bồ Đề cũng là "không" vậy.

-o0o-

Phật dạy: Bồ tát chẳng có khởi chấp tướng chúng sanh, vì rõ biết tướng chúng sanh là rốt ráo bất sanh, bất diệt, là không, là bất khả đắc.

Như vậy nếu lìa được tướng chúng sanh thì cũng lìa được tất cả các sự tướng khác. Ví như lìa được tướng nóng thì cũng chẳng còn có tướng lửa nữa.

Vì "tương ưng không" là đệ nhất. Là thắng diệu nên Bồ tát trú ở nơi "không" mà khởi các bản nguyện lợi sanh của

mình. Vì sao? Vì Bồ tát thấy chúng sanh ở ngay nơi "không" mà điên đảo lầm chấp có chúng sanh, có pháp, tự tạo ra cho mình bao nhiêu kiết sử phiền não, để rồi phải thọ lãnh bao nhiêu nỗi khổ đau. Do thấy chúng sanh như vậy mà Bồ tát khởi tâm đại từ bi, thương xót họ, phát đại nguyện cứu họ thoát khổ.

Lại nữa, Bồ tát tu 6 pháp Ba-la-mật, biết rõ hết thảy pháp đều là vô thường, nên chẳng chấp đắm tài vật và thân mạng, thường hành bố thí, làm lợi lạc cho chúng sanh. Bố thí thanh tịnh như vậy là tương ưng với hành "không" vậy.

**Hỏi:** *Nếu chẳng thấy có ngã, chẳng thấy có thế gian, thì cũng chẳng có bố thí. Như vậy Bồ tát làm sao hành bố thí được?*

**Đáp:** Vì chúng sanh cần, nên Bồ tát hành bố thí. Khi hành bố thí, Bồ tát chẳng có trụ chấp nơi bố thí.

Bồ tát hành bố thí với tâm thanh tịnh, với tâm "không", nên được tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật.

(Hết quyển 37)

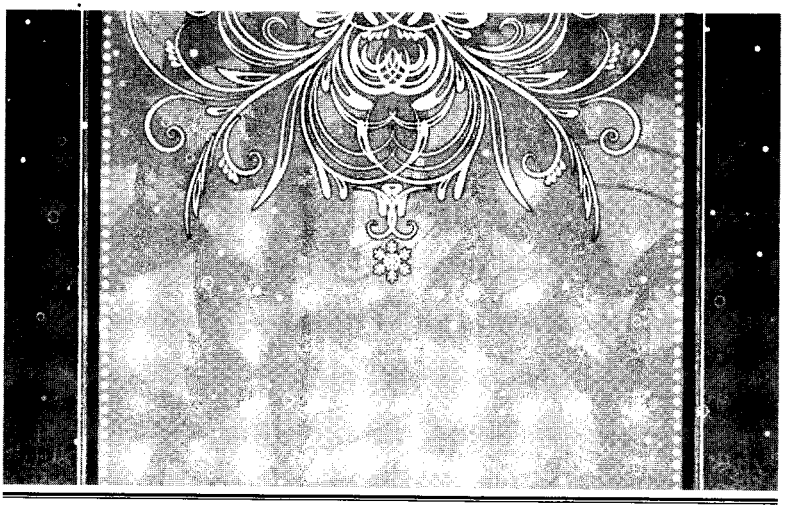

# LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

## Quyển 38

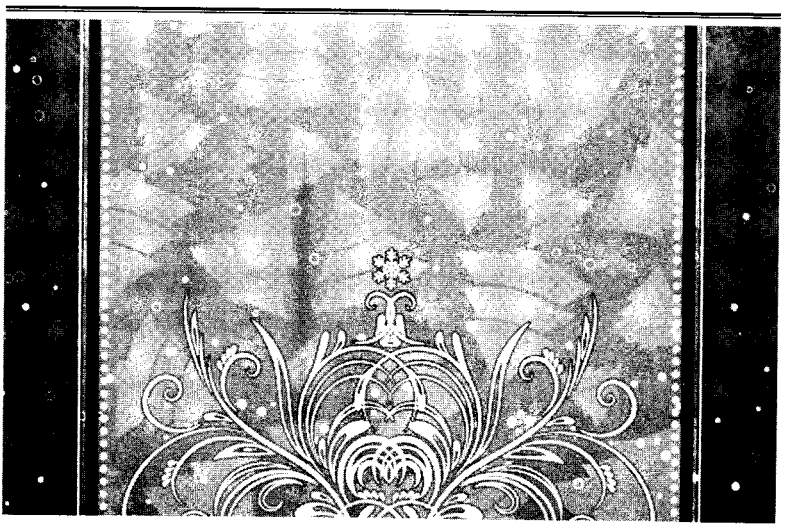

## Phẩm Thứ Tư

### Vãng Sanh

**KINH:**

**Ngài Xá Lợi Phất thưa: Bạch Thế Tôn! Chư vị Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật và tu tập tương ưng như vậy, đã từ cõi nào sanh về cõi này; và từ cõi này, sau khi chết, sẽ sanh về đâu?**

**Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Những Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật và tu tập tương ưng như vậy rồi, có thể từ các cõi Phật khác sanh về cõi này, hoặc từ cõi trời Đâu Suất sanh về cõi này, hoặc đã ở trong loài người sanh trở lại làm người ở cõi này.**

**Này Xá Lợi Phất! Vì ở cõi này mau được tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật, nên các Bồ tát ở các cõi Phật khác, sau khi mạng chung đã nguyện sanh về cõi này. Ở cõi này thường được gặp Phật, lại thường có các thâm diệu pháp hiển bày, nên Bồ tát sanh về đây để tu học dễ được mau tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật.**

**Này Xá Lợi Phất! Lại có Bồ tát nhất sanh bổ xứ từ cõi trời Đâu Suất sanh về cõi này. Những Bồ tát này chẳng hề mất 6 pháp Ba-la-mật, nên dù sanh về cõi nào cũng hiển bày đầy đủ các môn đà la ni và các môn tam muội, cũng tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật.**

**Này Xá Lợi Phất! Lại có Bồ tát đã ở trong loài người,**

**sau khi mạng chung, sanh trở lại làm người ở cõi này. Trừ các bậc bất thối chuyển mới mau tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật; còn các Bồ tát căn tánh chậm lụt, chẳng có thể mau được tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật, và hiện tiền cũng chẳng có thể mau được các môn đà la ni và các môn tam muội.**

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Trong kinh nói chúng sanh là không, là bất khả đắc; lại cũng nói Phật, Bồ tát, Bát nhã Ba-la-mật... đều chỉ có ở nơi danh tự, đều là bất khả đắc. Ngài Xá Lợi Phất đã biết rõ như vậy, sao vẫn còn hỏi làm gì?*

**Đáp:** Ở trong Phật pháp, phải nên phân biệt hai Đế. Đó là:

- Thế Đế.

- Đệ Nhất Nghĩa Đế.

Thế Đế nói có chúng sanh. Đệ Nhất Nghĩa Đế nói chẳng có chúng sanh (vô chúng sanh), nói chúng sanh là không, là bất khả đắc.

Lại nữa, cũng nên phân biệt hai hạng Bồ tát. Đó là:

- Hạng Bồ tát đã biết rõ hết thảy các pháp tương ưng đều chỉ là danh tự (hữu tri danh tự tướng).

- Hạng Bồ tát chưa biết rõ hết thảy các pháp tương ưng đều chỉ là danh tự (vô tri danh tự tướng).

Ví như trong quân đội, khi canh phòng, có dùng đến các mật hiệu. Chỉ những quân nhân có trách nhiệm mới được biết đến; còn những người không có trách nhiệm, cũng như địch quân, chẳng sao có thể biết được.

Lại nữa, xét về mặt tu tập cũng phải nên phân biệt có hai hạng Bồ tát. Đó là:

- Hạng Bồ tát mới tu, còn chấp các pháp tướng, chưa có được tha tâm trí.

- Hạng Bồ tát đã tu thuần thục trải qua nhiều đời, nhiều kiếp, chẳng còn chấp pháp tướng, lại đã có được tha tâm trí.

Chính vì hạng Bồ tát mới tu, còn chấp pháp tướng, chưa có được tha tâm trí, mà Ngài Xá Lợi Phất phải hỏi Phật như đã nêu ở đoạn kinh trên đây. Đối với hạng Bồ tát này, phải nên vì họ khai thị "chúng sanh không", cho họ biết chúng sanh là "không", là bất khả đắc.

Trái lại, hạng Bồ tát đã tu thuần thục rồi, đã biết danh tự tướng của các pháp, đã có được tha tâm trí rồi, thì dù vẫn sống chung với chúng sanh, mà vẫn an nhiên, tự tại.

-o0o-

Ngài Xá Lợi Phất dùng thiên nhãn thấy rõ chúng sanh trong 6 đạo chết đây sanh kia, thấy rõ các nhân duyên thiện ác nên chẳng còn nghi nữa. Thế nhưng vì những người chưa có được thiên nhãn, chưa thấy xa rộng được như ngài, mà ngài phải hỏi Phật như trên đây. Vì sao? Vì có nhiều vị Thanh Văn dấy niệm khinh khi các Bồ tát, vì thấy các Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật mà lại nguyện ở lâu trong sanh tử; hoặc vì thấy các Bồ tát chưa đoạn sạch các lậu, mà lại dùng trí huệ học các kinh thơ, nội và ngoại điển; hoặc vì thấy các Bồ tát chưa chứng được thật tế, chưa thoát khỏi sanh, già, chết. Chư vị Thanh Văn ấy nghĩ rằng các Bồ tát đã tu tập trải qua vô lượng kiếp mà vẫn chẳng chứng được Niết bàn, ắt là phải đọa vào đường ác.

Ngài Xá Lợi Phất thương xót các vị Thanh Văn ấy, muốn họ sanh tâm tin kính các Bồ tát, mà ngài phải hỏi Phật như trên, mong được Phật giải đáp, để cho họ đều được rõ.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật đã khai thị rõ về 3 hạng Bồ tát sanh về cõi này. Đó là:

- Hạng Bồ tát từ các cõi Phật khác sanh về cõi này,

- Hạng Bồ tát từ cõi trời Đâu Suất sanh về cõi này,

- Hạng Bồ tát từ trong loài người, sau khi mạng chung, trở lại sanh làm người ở cõi này.

**Hỏi:** *Thế gian có 6 đạo. Vì sao chỉ nói đến trường hợp Bồ tát sanh làm người ở cõi này mà chẳng có đề cập đến các đạo khác?*

**Đáp:** Như trước đây đã có nói. Trời, A-tu-la hưởng lạc nhiều nên khó tu. Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh là 3 đạo thuần khổ cũng rất khó tu để được đạo. Bởi vậy nên chẳng có nói đến.

**Hỏi:** *Trong kinh có nêu trường hợp một vị đệ tử của ngài Xá Lợi Phất, chân tợ như chân trâu mà đắc quả A-la-hán, lại còn có vị Tỷ-kheo tên là Ma Du Bà Thi Tha suốt 500 đời làm thân khỉ, mà khi được làm người cũng chứng được 6 thần thông, được quả A-la-hán, và khi đã được quả A-la-hán rồi ngài còn thói nhảy nhót như loài khỉ. Vì sao chẳng có nói đến trường hợp được đạo ở trong 3 đường ác?*

**Đáp:** Tuy rằng trong loài súc sanh cũng có trường hợp được đạo, nhưng vì quá ít nên chẳng có nêu ra ở đây.

Lại nữa, các vị ấy trải qua nhiều đời, đã gieo trồng các thiện căn công đức, đã tu đạo Niết bàn, nhưng vì đã có phạm lỗi lầm khiến phải đọa vào 3 đường ác. Khi đã đoạn các nghiệp rồi thì các vị ấy lại được sanh làm người để tiếp tục tu học. Do đã sẵn có các thiện căn thuần thục rồi, nên dễ được quả báo tốt vậy.

-o0o-

Đoạn kinh trên đây nêu những trường hợp được đạo trong loài người. Có người tuy đời trước có cấu tâm, nhưng đời nay tu tập được đạo Bồ tát, được tâm thanh tịnh vô lậu. Những người ấy đã thành tựu được các thiện căn hữu lậu cũng như vô lậu, nên nay sanh lại làm người, cũng lại thứ lớp tu tập hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

Ở trong loài Trời, loài A-tu-la cũng có những trường hợp tương tợ.

**Hỏi:** *Vì sao ở cõi trời Đâu Suất thường có các vị Bồ tát nhất sanh bổ xứ đến thuyết pháp, mà ở các cõi trời khác chẳng có được như vậy?*

**Đáp:** Ở cõi Sắc, chư Thiên thường hay đắm thiền vị nên ở đây khó được tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật.

Chư Thiên ở cõi trời Đâu Suất, do kiết sử cạn mỏng nên mới nghe được các vị Bồ tát nhất sanh bổ xứ thuyết pháp, mới thường nghe được Bát nhã Ba-la-mật. Do nghe được Bát nhã Ba-la-mật mà tâm càng được lanh lợi hơn.

-o0o-

Các vị từ cõi trời Đâu Suất cũng như các vị từ các cõi Phật khác sanh về cõi này đều là những vị lợi căn, thượng trí ở trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp đã xa lìa tội lỗi.

Còn các vị mà trước đây đã ở trong loài người, sau khi mạng chung sanh lại làm người ở cõi này, đều là những đệ tử của Phật, đã từng nghe pháp, chánh ức niệm và đã tu tập các công đức trí huệ.

Ngoài ra còn có các vị tuy căn trí chậm lụt, nhưng do kham nhẫn tu tập thiện pháp mà nay có thiện duyên sanh về

cõi này để được thấy Phật, nghe pháp, được tu tập Bát nhã Ba-la-mật, dẫn đến được tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật.

**Hỏi:** *Vì sao từ cõi trời Đâu Suất chỉ có các Bồ tát nhất sanh bổ xứ mới sanh về cõi này?*

**Đáp:** Loài người có nhiều kiết sử phiền não, có nhiều tội lỗi, nên từ cõi trời Đâu Suất, chỉ có các vị đại Bồ tát mới sanh về cõi này, thọ thân người, sống trong xã hội loài người mà chẳng bị nhiễm ô phiền não.

Ví như đem sữa cho ngỗng uống, thì ngỗng biết lựa sữa để uống, biết chừa lại các chất bẩn lẫn lộn trong sữa. Cũng như vậy, Bồ tát ở ngay trong thế gian đầy phiền não mà chẳng có bị nhiễm trước. Vì sao? Vì như trong kinh đã nói, các vị đại Bồ tát chẳng hề mất 6 pháp Ba-la-mật. Vì lợi ích chúng sanh mà các vị đại Bồ tát phân bố khắp 10 phương, đem đại trí huệ giáo hóa chúng sanh.

Các vị Bồ tát từ các cõi Phật khác, cũng như các vị Bồ tát nhất sanh bổ xứ ở cõi trời Đâu Suất, đều là những vị pháp tánh sanh thân Bồ tát, biến hóa được vô lượng thân, dùng vô lượng pháp môn phương tiện để độ thoát chúng sanh.

Còn hạng Bồ tát, trước đã ở trong loài người, sau khi mạng chung sanh trở lại làm người ở cõi này thì chẳng được như hai hạng Bồ tát nêu trên. Vì sao? Vì còn độn căn, thiểu trí, lại còn chấp ngã nên vẫn còn sanh ít nhiều kiết sử. Các Bồ tát hạng này phần nhiều còn là nhục thân Bồ tát.

**Hỏi:** *Đã là Bồ tát bất thối chuyển rồi, thì chẳng còn có kết nghiệp thọ sanh thân nữa. Như vậy vì sao lại còn thọ sanh thân làm người ở cõi này?*

**Đáp:** Các vị Bồ tát này, tuy đã được bất thối chuyển,

nhưng do chưa xả được nhục thân, nên nguyện sanh về cõi này để mau được tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật.

Còn các vị Bồ tát căn trí còn chậm lụt, chẳng có thể mau được tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật được, và ở hiện tiền chẳng có thể mau được các môn đà la ni và các môn tam muội.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Ông hỏi Bồ tát Ma-ha-tát rời cõi này sẽ sanh về cõi nào ư? Ông nên biết các Bồ tát ấy từ cõi Phật này đến cõi Phật khác vẫn thường thấy Phật, vẫn thường chẳng ly Phật.**

**Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát chẳng dùng phương tiện mà nhập vào Sơ Thiền, dẫn đến nhập vào đệ Tứ Thiền và cũng thật hành 6 pháp Ba-la-mật. Các Bồ tát này sanh lên cõi trời Trường Thọ Thiên, trú nơi đó rồi sau khi mạng chung lại sanh về cõi này thọ thân người, được gặp Phật và Bồ tát. Hạng Bồ tát này cũng vẫn còn căn tánh chậm lụt.**

**Lại có Bồ tát nhập vào Sơ Thiền, dẫn đến nhập vào đệ Tứ Thiền và cũng thật hành 6 pháp Ba-la-mật. Các Bồ tát này do chẳng dùng phương tiện nên xả Thiền sanh về cõi Dục. Hạng Bồ tát này cũng vẫn còn căn tánh chậm lụt.**

**Lại có Bồ tát nhập vào Sơ Thiền, dẫn đến nhập vào đệ Tứ Thiền, tu từ tâm dẫn đến xả từ tâm, nhập Hư Không Xứ, dẫn đến Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng Xứ, rồi tu Niệm Xứ, 8 Thánh đạo, 10 Phật lực, phát đại bi tâm. Các Bồ tát này dùng các sức phương tiện, chẳng tùy 4 sắc định sanh, chẳng tùy 4 vô lượng tâm sanh, chẳng tùy 4 vô sắc định sanh, mà chỉ sanh vào nơi nào có Phật, thường**

**chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật. Các Bồ tát này ở trong Hiền Kiếp sẽ được đạo Vô Thượng Bồ Đề.**

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Ngài Xá Lợi Phất hỏi về đời trước và đời sau của các Bồ tát. Vì sao Phật chỉ sơ lược về đời trước mà lại nói nhiều về đời sau như vậy?*

**Đáp:** Người ở thế gian dùng nhục nhãn nên chẳng có thể thấy được đời sau. Do chẳng thấy được đời sau, nên khởi tâm nghi, chẳng biết đời sau của mình sẽ đi về đâu. Bởi vậy nên Phật phải rộng nói. Cũng như lửa đã được dập tắt rồi, chẳng còn cần phải để ý làm gì nữa, phải cần cảnh giác phòng lửa trong tương lai.

-o0o-

Lại nữa, có trường hợp người nghèo chỉ mong xin được chút ít, mà lại gặp được người vừa giàu của cải, vừa giàu lòng nhân từ, nên nhận được rất nhiều của bố thí. Cũng như vậy, ngài Xá Lợi Phất chỉ hỏi ít mà lại được Phật giải đáp rất nhiều.

Biển Phật pháp mênh mông vô hạn lượng, Phật đem vô lậu pháp ra bố thí cho chúng sanh chẳng bao giờ hết được. Do có ngài Xá Lợi Phất thưa hỏi mà Phật rộng phân biệt để cho đại chúng được rõ.

Lại nữa, do có nhiều người nghĩ rằng nếu các pháp đều là "không". Đều chẳng có đi (vô khứ), đều chẳng có đến (vô lai), thì chết rồi chẳng còn đi về đâu nữa cả, nên Phật muốn đoạn nghi cho họ.

Phật phải dẫn ra nhiều thí dụ về chết đây sanh kia, nhằm đoạn nghi cho hạng người nêu trên, và đồng thời để cho đại chúng được hiểu rõ.

**Hỏi:** *Có thuyết nói chết là vĩnh diệt. Có thể nói như vậy được chăng?*

**Đáp:** Sau khi chết thân bị hủy diệt theo ba trường hợp:

- Hoặc thân bị lửa thiêu cháy rụi thành tro.

- Hoặc thân bị các côn trùng rúc rỉa trở thành đất.

- Hoặc lâu ngày bị mục nát trở thành đất.

Người thế gian chỉ thấy thân hiện hữu, tức là thân ở đời này mà chẳng thấy được thân hậu hữu, tức là thân ở đời sau, nên chết rồi là vĩnh diệt. Đây là do chẳng biết được thân đời sau, chẳng phải là chẳng có thân đời sau vậy.

Vì sao? Vì nếu thân diệt rồi là mất hẳn thì chẳng sao giải thích được sự có mặt của hằng sa chúng sanh trong 3 cõi. Lại cũng chẳng có thể giải thích được các hiện tượng như:

- Đứa bé mới lọt lòng mẹ đã biết khóc, biết cười...

- Cùng sanh ra ở đời vì sao có người giàu, kẻ nghèo, người sang, kẻ hèn, người hiền, kẻ ác, người tốt, kẻ xấu, người thông minh, kẻ đần độn.

- v.v...

Nếu chẳng có các nghiệp duyên từ đời trước thì làm sao có những hiện tượng sai khác như vậy được. Lại nữa, nếu nói sau khi chết thân thối nát rồi là hết, thì còn 6 tình sẽ đi về đâu?

Phàm phu dùng nhục nhãn, chẳng thấy được thân đời sau (thân hậu hữu). Còn các bậc Thánh, dùng Thiên nhãn thấy rõ chúng sanh chết đây sanh kia. Chết chỉ là sự rời bỏ thân này để thọ thân khác, y như người rời căn phòng này để qua căn phòng khác, rời chỗ này để đi đến chỗ khác vậy.

Lại nữa, người kém trí huệ chỉ dùng nhục nhãn để thấy. Thấy như vậy cũng đồng như các loại súc sanh, chẳng có gì khác cả.

Trong lúc đó, thì người trí biết rõ có đời sau, biết rõ rằng nếu phiền não chưa tận, thì còn phải trở lại sanh thân nữa. Vì sao? Vì tâm thức hằng chuyển cùng với duyên nghiệp báo ở đời này mà dẫn sanh thân ở đời sau. Ví như sữa biến thành bơ, thành phô mát v.v... Sanh thân cũng là như vậy. Dù 5 ấm thân trước đã hoại, nhưng do có các hành nghiệp tiếp nối, mà có thọ quả báo, dẫn sanh 5 ấm thân ở đời sau. Ví như cây mùa Đông, tuy chưa sanh hoa lá, nhưng đã có sẵn các nhân để dẫn sanh hoa lá mùa Xuân tiếp đến. Do có tạo nghiệp nhân duyên, mới có thọ nghiệp quả sanh tử. Ví như người ngủ say nằm mộng, mà khi tỉnh dậy vẫn còn nhớ được cảnh ở trong mộng. Lại nữa, dùng mắt thường nhìn thấy một người có vẻ mặt cau có, cũng đoán biết được người ấy sân si, nóng nảy, thấy người mặt mày ủ dột, cũng đoán biết được người ấy đang ưu sầu, buồn khổ; thấy người mặt mày rạng rỡ vui tươi, cũng đoán biết được người ấy thanh nhàn, khoan khoái v.v... Phàm phu dùng nhục nhãn còn thấy biết như vậy, huống nữa là bậc Thánh có thiên nhãn và tha tâm trí.

-o0o-

Ví như người đi trong đêm tối phải lần từng bước theo người dẫn đường, chúng ta trên đường tu học phải nương theo các bậc thiện tri thức, mới mong khỏi bị rơi vào tà đạo.

Trong Phật pháp tuy nói rốt ráo không, nhưng vì phàm phu điên đảo chấp có ngã, có pháp, nên Phật phương tiện thuyết có nhân, có quả, có nghiệp nhân nối tiếp, có thọ quả báo tương tục.

Phải nên biết rằng Phật pháp chẳng chấp hữu, chẳng chấp vô, cũng chẳng chấp phi hữu, chẳng chấp phi vô. Phật pháp giống như con dao chém giữa hư không, chẳng gây thương tích cho ai cả. Chư Phật và chư Bồ tát vì chúng sanh mà tùy duyên nói pháp, nhưng tự mình chẳng có khởi chấp. Như bài kệ sau đây:

*Hết thảy pháp đều thật,*
*Hết thảy pháp đều hư.*
*Lại vừa thật vừa hư,*
*Cũng chẳng thật, chẳng hư.*
*Niết bàn là chân tế,*
*Thời gian cũng chân tế.*
*Niết bàn tức thế gian,*
*Rốt ráo bất khả đắc.*

Như vậy Phật pháp thuyết rốt ráo không mà vẫn thuyết về duyên nghiệp sanh tử. Đây là lý do thuyết ra 'Phẩm Vãng Sanh" này.

**Hỏi:** *Bát nhã Ba-la-mật là vô tướng. Như vậy, người tu làm sao có thể tu tập để tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật được?*

**Đáp:** Bát nhã Ba-la-mật nhiếp hết thảy các pháp, ví như biển lớn tiếp nhận hết thảy các nguồn nước từ muôn sông chảy đến.

Nên biết rõ, Bát nhã Ba-la-mật là vô tướng, thì đâu còn gì để vấn nạn nữa?

Nếu ở Bát nhã Ba-la-mật mà còn chấp tướng thì mới nên vấn nạn như vậy. Người tu hành khi đã vào được hết thảy các tam muội, đã được tâm rộng lớn là liền được tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật.

Ví như cha mẹ thấy con phạm lỗi lầm sanh tâm thương xót, tìm mọi cách để dìu dắt con ra khỏi mê lầm. Cũng như vậy, Bồ tát thấy chúng sanh mê lầm bị các nhiễm duyên trói buộc, chẳng biết được tự tánh không của các pháp, khiến phải bị đọa lạc nên dùng mọi phương tiện cứu vớt chúng sanh ra khỏi các khổ. Bồ tát phát tâm đại bi thương xót chúng sanh, dạy họ tu học dẫn họ vào Phật đạo.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát đi từ Phật độ này đến Phật độ khác, dùng 5 thần thông cúng dường vô lượng chư Phật, độ vô lượng chúng sanh. Chúng sanh dùng nhục nhãn chẳng thấy được các cõi Phật. Còn Bồ tát thấy khắp hết thảy các cõi Phật, chẳng có gì ngăn ngại cả.

-o0o-

Tuy nhiên, cũng có Bồ tát chẳng dùng phương tiện mà vào thiền định, rồi đắm thiền vị, trú trong thiền định mà chẳng niệm chúng sanh. Hạng Bồ tát này vì tâm từ bi kém nên sanh lên cõi trời Trường Thọ Thiên là Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng Xứ. Ở nơi đây chẳng có tình sắc, cũng chẳng có đạo Bồ Đề. Hạng Bồ tát này nếu được sanh trở lại làm người, nếu được gặp Phật pháp, thì sẽ nhớ lại sự phát tâm Bồ Đề trước đó, dẫn đến sẽ tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Trong kinh có chép mẫu chuyện sau đây:

Vào một hôm, Phật hỏi một vị Tỷ-kheo rằng: "Đất ở móng tay ta và đất ở đại địa bên nào nhiều hơn?".

Vị Tỷ-kheo đáp: "Bạch Thế Tôn! Đất ở đại địa nhiều hơn".

Phật dạy: "Chư Thiên ở các cõi trời sanh làm người rất ít,

chỉ ví như đất ở móng tay ta, còn đọa vào địa ngục rất nhiều, như đất ở đại địa. Vì sao? Vì ở cõi trời hưởng phước quá nhiều nên khó tu hành. Khi hết phước thường bị đọa".

**Hỏi:** *Trong 22 căn thì độn căn nhiếp về những căn nào?*

**Đáp:** Người đã được huệ căn rồi, quán được thật tướng pháp rồi, nhưng khi vào thiền định mà đắm chấp thiền vị thì cũng sẽ trở thành độn căn. Ví như có đầy đủ 5 căn, tín, tấn, niệm, định, huệ hòa hợp làm trợ đạo pháp, dẫn sanh lên cõi trời, nhưng nếu thọ phước báo ở cõi trời mà sanh tâm chấp đắm thì cả 5 căn nói trên đều trở thành độn căn cả.

Trong kinh nói Bồ tát đã được phước đức thanh tịnh, đã có được 18 căn lanh lợi, nhưng nếu các căn còn lại chấp đắm, thì cũng sẽ trở thành độn căn.

Trong kinh *Pháp Hoa* có nói: "Nếu chẳng còn các chấp trói buộc, gây ra phiền não thì mạng căn được an ổn và các căn kia cũng trở thành lanh lợi. Như vậy gọi là lợi căn".

Lại nữa, khi thọ lạc, biết rõ lạc là vô thường, chẳng đắm lạc, cũng chẳng tham dục thì sẽ sanh được tín căn kiên cố, vững tin nơi mình, khiến có thể làm được các việc rất khó làm, xa lìa dục lạc, biết rõ dục lạc là tội lỗi, tu tập đầy đủ ba thiện căn. Như vậy gọi là lợi căn.

Bồ tát ở nơi 3 vô lậu căn mà chẳng thủ chứng thật tế, nên gọi là lợi căn. Trái lại, thì gọi là độn căn.

**Hỏi:** *Vì sao nói hạng Bồ tát thứ hai xả thiền, sanh về cõi Dục là chẳng dùng phương tiện?*

**Đáp:** Hạng Bồ tát này khi lâm chung bị nhiếp bất thiện tâm, nên xả các thiền định, sanh về cõi Dục. Như vậy là chẳng tu các phương tiện lực.

Nếu Bồ tát có thiện tâm, vô ký tâm và xả tâm, lại khởi từ bi tâm thương xót chúng sanh, dấy niệm nghĩ rằng: "Nếu ta ở trong thiền định, thì ta chẳng có thể rộng độ chúng sanh", mà phát đại nguyện xả thiền, sanh về cõi Dục, thì gọi là có tu phương tiện lực.

Lại nữa, nếu Bồ tát chẳng sanh độn căn, nhập Bồ tát vị, được Bồ tát đạo, tu 37 Phẩm Trợ Đạo, trú các thần thông dẫn đến khởi tâm đại từ đại bi thương xót chúng sanh thì gọi là có tu phương tiện lực.

Lại nữa, Bồ tát có tu phương tiện lực, chẳng tùy thiền định sanh, chẳng tùy 4 vô lượng tâm sanh. Vì sao? Vì Bồ tát này tu 4 niệm xứ, dẫn đến tu đại từ đại bi, cho đến khi mạng chung cũng vẫn thương xót chúng sanh, chẳng rời bỏ chúng sanh, nên nguyện sanh về các cõi Phật khác để tu tập tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật.

**Hỏi:** *Bồ tát nêu lên sau cùng trên đây thuộc về hạng Bồ tát gì?*

**Đáp:** Đây là hạng đại Bồ tát, gọi là Phi Bạt Đà Kiếp Bồ tát.

**Hỏi:** *Thế nào gọi là Phi Bạt Đà Kiếp?*

**Đáp:** Phi Bạt Đà Kiếp là vô số kiếp, chẳng thế tính được. Trong kinh có chép mẫu chuyện sau đây:

Có một vị Tỷ-kheo hỏi Phật: "Bạch Thế Tôn! Thời gian bao nhiêu lâu gọi là một kiếp?"

Phật dạy: "Trước đây ta đã nói nhiều rồi, mà các ngươi chưa hiểu rõ. Nay ta lấy các thí dụ để làm sáng tỏ vấn đề.

- Nhỏ nhất là 60 niệm hợp lại thành một đại niệm. Đại niệm đó cũng gọi là một kiếp...

- Còn nói về đại kiếp, thì chẳng có toán số thí dụ nào ở thế gian có thể tính được. Ví như có một cái thành hình vuông, mỗi bề 100 do tuần; lại có một người sống lâu 100 tuổi, đập nát thành ấy thành bụi, rồi suốt đời đếm các hạt bụi ấy, thì người ấy cũng chẳng sao đếm hết được. Thế nhưng, nếu lấy một hạt bụi dụ cho một kiếp, thì thời gian của vô số kiếp ấy hợp lại cũng chẳng sao so sánh được thọ mạng của một đại kiếp.

-o0o-

Phân biệt đại kiếp và tiểu kiếp, như đã nói trên đây, cho thấy rằng thọ mạng của một đại kiếp là vô lượng vô biên.

Hãy lấy thí dụ về một người tu hạnh viễn ly. Sau khi người ấy trừ được 5 triền cái, vào được sơ thiền, được ly sanh hỷ lạc, đứng dậy nói với chúng sanh rằng: ta chán ghét 5 dục, vào sơ thiền, ở nơi đây ta được đệ nhất lạc.

Lại có chúng sanh nghe như vậy, tu tập xa lìa 5 dục, vào sơ thiền, dần dần diệt các quán, vào đệ nhị thiền, lên đệ tam thiền, đệ tứ thiền.

Lại có chúng sanh ở trong 3 đường ác, nghe như vậy, khởi sanh thiện tâm, tinh tấn tu hành, dẫn đến sau khi mạng chung được sanh làm người.

Thời gian tu tập của các chúng sanh nói trên đây, chẳng có thể lượng được nhưng vẫn chẳng sao sánh được thọ mạng một đại kiếp. Dù thọ mạng của một đại kiếp lâu bền như vậy, nhưng kiếp cũng vẫn là sanh diệt, vô thường. Ở trong "phẩm 18 Không" đã có nói rõ. Đại kiếp chịu 3 tai họa lớn, dẫn đến kiếp tận, đó là:

- Hỏa kiếp: Lửa lớn thiêu rụi cả 3.000 đại thiên thế giới, dẫn đến hủy diệt cảnh giới Sơ thiền.

- Thủy kiếp: Nước cuốn trôi cả 3.000 đại thiên thế giới, dẫn đến hủy diệt cảnh giới Nhị thiền.

- Phong kiếp: Gió thổi mạnh cuốn theo cả cả 3.000 đại thiên thế giới, dẫn đến hủy diệt cảnh giới Tam thiền.

Tiểu kiếp cũng chịu ba tai họa lớn do ba độc tham, sân, si gây nên. Đó là:

- Nạn đói khát.

- Nạn đao binh.

- Nạn dịch lệ, bệnh tật.

-o0o-

Trong kinh *Pháp Hoa* Phật dạy ngài Xá Lợi Phất rằng: "Này Xá Lợi Phất! Trong đời vị lai, ông sẽ thành Phật hiệu là Hoa Quang Như Lai. Đức Phật Hoa Quang trụ thế trong 12 tiểu kiếp, sau khi đức Phật diệt độ rồi, chánh pháp còn trụ lại thêm 32 tiểu kiếp. Tượng pháp trụ 32 tiểu kiếp. Đức Phật ấy từ trong Tam muội ra thuyết kinh *Pháp Hoa* trong 6 tiểu kiếp.

-o0o-

Danh từ "kiếp"cũng có nghĩa là "thời", là"tiết".

Còn danh từ "phi bạt đà kiếp" có nghĩa là vô số kiếp, chẳng có thể lượng tính được.

-o0o-

Lại nữa, vào thời không có Phật, thế giới bị 3 tai họa lớn làm tán hoại. Thời ấy gọi là "Không kiếp".

Thế rồi bốn đại thanh tịnh hòa hợp trở lại tạo dựng thế giới mới. Thời ấy gọi là "Hiền kiếp".

Lúc bấy giờ, từ dưới nước mọc lên một đóa hoa sen ngàn cánh, vị Trời ở cõi trời Tịnh Cư Thiên biết đó là điềm báo sẽ có ngàn đức Phật hiện ra ngồi trên các hoa sen ấy, tỏa hào quang rực rỡ.

-o0o-

Một thế giới trải qua bốn thời kỳ: Thành - Trụ - Hoại - Không. Sau đó, lại được thành lập trở lại và tiếp tục chu trình của bốn thời kỳ như trên.

Kinh *Cảnh Sách* nói: Một thời kỳ gồm 20 tiểu kiếp. Cộng chung 4 thời kỳ là 80 tiểu kiếp.

Kinh *Khối Thế* nói: Trải qua 20 tiểu kiếp ở thời kỳ không, do các nghiệp cảm của chúng sanh muốn thành lập một thế giới mới, nên lại có một thế giới nữa được thành tựu trong 20 tiểu kiếp, trụ trong 20 tiểu kiếp, hoại trong 20 tiểu kiếp, rồi trở lại không trong 20 kiếp v.v...

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Lại có Bồ tát nhập vào sơ thiền, dẫn đến nhập vào đệ tứ thiền, nhập từ tâm dẫn đến xả từ tâm, nhập hư không xứ, dẫn đến nhập phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, rồi dùng các sức phương tiện, chẳng tùy thiền định sanh, mà sanh về cõi Dục, vào các dòng họ lớn để thành tựu chúng sanh.**

## LUẬN:

**Hỏi:** *Trước đây đã phân biệt nói có hai hạng Bồ tát. Đó là:*

*- Hạng Bồ tát tùy nghiệp sanh thân.*

*- Hạng Bồ tát tùy pháp tánh sanh thân. Hạng Bồ tát này có biến hóa thân ở trong khắp 3 cõi, làm các công đức nhằm độ sanh, như vậy ở đoạn kinh trên đây nói về hạng Bồ tát nào?*

**Đáp:** Ở đây nói về hạng Bồ tát tùy nghiệp sanh thân. Vì sao? Hạng Bồ tát này chưa có được pháp thân nhưng do vào các thiền định mà có các sức phương tiện. Hạng Bồ tát này chẳng muốn theo thiền định sanh mà chỉ muốn dùng các sức phương tiện sanh về cõi Dục để làm lợi ích cho chúng sanh ở cõi này.

**Hỏi:** *Nếu chẳng muốn theo thiền định sanh thì vì sao lại sanh về cõi Dục, mà chẳng sanh về các cõi khác?*

**Đáp:** Hạnh nguyện của các Bồ tát chẳng đồng nhau. Mỗi vị đều có hạnh nguyện riêng.

**Hỏi:** *Có Bồ tát nguyện sanh về các cõi Phật khác. Như vậy ở các cõi Phật ấy cũng đều có cõi Dục chăng?*

**Đáp:** Cõi nào có tạp ác, bất tịnh thì đều được gọi là cõi Dục. Còn cõi nào thanh tịnh, chẳng có 3 đường ác, chẳng có người nữ, chẳng có nhiễm dục (vô dục) thì không gọi là cõi Dục.

Do đã có phước nghiệp thanh tịnh, lại có tâm từ bi thương xót chúng sanh nên Bồ tát mới nguyện sanh về cõi Dục để hóa độ chúng sanh.

**Hỏi:** *Bồ tát khi mạng chung đã xả thiền định rồi, còn cần tu học gì nữa mà nguyện sanh về cõi Dục?*

**Đáp:** Vì thấy chúng sanh ở cõi Dục tâm tánh cuồng loạn, nên sau khi mạng chung, Bồ tát nguyện sanh về đây để giáo hóa họ, cứu họ thoát khổ, khiến họ nhiếp tâm về chánh niệm.

**Hỏi:** *Vì sao khi sanh làm người ở cõi Dục, Bồ tát lại chọn sanh vào các dòng họ lớn?*

**Đáp:** Vì sanh vào các dòng họ lớn mới có nhiều trí huệ, có nhiều của cải, có nhiều thế lực... nhờ vậy mà có nhiều sức phương tiện để làm lợi ích cho chúng sanh.

Trái lại, nếu sanh vào các nhà bần cùng, hạ tiện thì cầu tự lợi còn chưa được huống nữa là làm các việc lợi lạc cho chúng sanh.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Lại có Bồ tát nhập vào sơ thiền, dẫn đến nhập vào đệ tứ thiền, nhập từ tâm dẫn đến xả từ tâm, nhập hư không xứ, dẫn đến nhập phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, rồi dùng các sức phương tiện, chẳng tùy thiền định sanh, mà sanh về các cõi trời Dục giới để thành tựu chúng sanh ở các cõi này, và cũng để thanh tịnh Phật độ, được gần gũi chư Phật.**

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Chư Thiên ở các cõi trời Dục giới đắm chấp 5 dục, rất khó được hóa độ. Như vậy vì sao Bồ tát còn nguyện sanh về các cõi trời này?*

**Đáp:** Mặc dù chư Thiên ở nhiều cõi trời Dục giới thường đắm chấp dục lạc, khó được hóa độ, nhưng Bồ tát vẫn phát đại nguyện sanh về nơi đây để hóa độ họ.

Thế nhưng, ở nhiều cõi trời Dục giới khác như các cõi trời Tam Thập Tam Thiên... trong số chư Thiên có rất nhiều vị rất thánh thiện, nhàm chán 5 dục.

Lại nữa, ở cõi trời Đâu Suất Đà Thiên thường có các Bồ tát nhất sanh bổ xứ đến thuyết pháp nên chư Thiên ở cõi trời này có được tín tâm thanh tịnh.

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Lại có Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, dùng sức phương tiện nhập vào sơ thiền. Đến khi mạng chung sanh về cõi trời Phạm Thiên, làm Phạm Thiên Vương, dạo chơi các cõi Phật. Đến nơi nào có vị Bồ tát mới được Vô Thượng Bồ Đề, mới thành Phật, mà chưa chuyển pháp luân thì xin khuyến thỉnh chuyển pháp luân.**

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Từ nơi sơ thiền làm sao Bồ tát có đủ sức phương tiện để sanh lên cõi Phạm Thiên?*

**Đáp:** Tuy ở nơi sơ thiền nhưng Bồ tát chẳng chấp đắm thiền vị lại thường niệm Phật đạo, thường nhớ bản nguyện độ sanh nên thiền cùng hòa hợp với từ tam muội, dẫn sanh các sức phương tiện, tùy nguyện sanh về cõi Phạm Thiên vậy.

**Hỏi:** *Vì sao Bồ tát lại nguyện sanh làm Phạm Thiên Vương?*

**Đáp:** Do tu tập phước đức nhân duyên trong nhiều đời, nên Bồ tát thường sanh làm Phạm Thiên Vương. Dẫn đến khi sanh vào loài nai cũng làm nai chúa.

Bồ tát phát đại nguyện thỉnh Phật chuyển pháp luân, nên trong khắp 3.000 thế giới, Bồ tát đi từ nơi này đến nơi khác và ở đâu thấy có vị Phật mới thành, chưa chuyển pháp luân thì liền xin thỉnh chuyển pháp luân.

Bởi nhân duyên vậy, nên trong kinh nói Phạm Thiên Vương thường khuyến thỉnh Phật chuyển pháp luân.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Lại có Bồ tát nhất sanh bổ xứ thật hành Bát nhã Ba-la-mật, dùng các sức phương tiện nhập vào sơ thiền, dẫn đến nhập vào đệ tứ thiền, nhập từ tâm dẫn đến xả từ tâm, nhập hư không xứ, dẫn đến nhập Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, tu 4 niệm xứ dẫn đến tu 8 Thánh đạo, nhập vào các Tam muội không, vô tướng và vô tác nhưng chẳng tùy thiền định sanh, mà sanh vào các nơi nào có Phật xuất thế để tu phạm hạnh hoặc sanh lên cõi trời Đâu Suất. Đến khi mạng chung vẫn chẳng mất chánh niệm. Vẫn đầy đủ thiện căn, nên được vô số trăm ngàn chư Thiên vây quanh cung kính. Bồ tát sanh về nơi đây là sắp được chứng quả Vô Thượng Bồ Đề.**

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Bồ tát nhất sanh bổ xứ đã trú ở thập địa rồi, đã đầy đủ các công đức rồi, mà còn tu tập gì nữa?*

**Đáp:** Vì chưa vào Niết bàn nên Bồ tát vẫn còn tu tập các thiền định và các tam muội.

Lại nữa, Bồ tát ở trong cõi trời và cõi người, nên phương tiện khai thị Thiên pháp và Nhân pháp để tu tập cầu đạo, và dẫn dắt hàng Trời và hàng Người tu tập cầu đạo.

Lại nữa, Bồ tát tuy ở trong thập địa mà vẫn còn có các tập khí dư tàng, cũng như ở nơi các pháp vẫn còn có chỗ chưa được rõ nên còn phải tu tập.

Lại nữa, Bồ tát thật hành 37 Phẩm Trợ Đạo, 3 giải thoát môn, mà chưa chứng nên phải tu tập thêm.

Lại nữa, các vị Bồ tát này tuy trong hàng Bồ tát là lớn (đại) mà so với Phật vẫn còn là nhỏ (tiểu), nên còn phải tu tập thêm.

-o0o-

Trong kinh *Phóng Bát* có nêu mẫu chuyện sau đây:

Ngài Bồ tát Di Lặc hỏi ngài Bồ tát Văn Thù rằng: "Như về sau này tôi thành Phật, vào trong hằng sa thế giới để cứu độ chúng sanh, thì ngài có thể hay biết được các chỗ nhấc chân và bước chân của tôi được không?

Ngài Văn Thù trả lời: "Tôi chẳng sao hay biết được vậy".

Bởi vậy nên hàng thập trú Bồ tát vẫn còn có chỗ chưa hay biết, vẫn còn có chỗ phải học hỏi thêm vậy.

**Hỏi:** *Vì sao Bồ tát nhất sanh bổ xứ chẳng muốn rộng độ chúng sanh, mà lại muốn gần Phật, muốn được làm Phật?*

**Đáp:** Bồ tát nhất sanh bổ xứ trải qua nhiều kiếp đã rộng độ chúng sanh. Nay ở trước Phật, Bồ tát muốn được Phật thọ ký cho. Đây là mật ý nói rằng "pháp Phật rất thậm thâm vi diệu, nên các vị Bồ tát muốn được nghe, muốn được thưa hỏi Phật mãi mà chẳng bao giờ nhàm chán cả".

Lại nữa, vì muốn thưa hỏi Phật thì phải ở gần bên Phật, để được Phật dạy bảo cho.

**Hỏi:** *Vì sao vào thời Phật Ca Diếp, Phật Thích Ca Mưu Ni đã là Bồ tát mà vẫn còn sanh ác khẩu, còn dùng những lời phỉ báng Phật?*

**Đáp:** Như trước đây đã nói rằng, pháp thân Bồ tát dùng đủ các phương tiện biến hóa để độ chúng sanh. Bởi vậy có khi Bồ tát phải thị hiện hành nhân pháp, thị hiện tạo các nghiệp như người ở thế gian vậy.

-o0o-

Trong kinh có chép mẫu chuyện về đức Phật Thích Ca Mưu Ni như sau:

Phật Ca Diếp khi còn là Bồ tát, có người em tên là Uất Đà La. Ông Uất Đà La là tiền thân của đức Phật Thích Ca Mưu Ni.

Ngài Ca Diếp đã có trí huệ thuần thục nên chẳng thích nói nhiều. Ông Uất Đà La vì chưa được đầy đủ trí huệ nên thường thích luận nghị. Người thời bấy giờ lầm tưởng ông Uất Đà La giỏi hơn anh.

Về sau ngài Ca Diếp xuất gia được đạo và thành Phật hiệu là Ca Diếp, còn ngài Uất Đà La thì làm vua ở cõi Diêm Phù Đề.

Vua Uất Đà La mời 500 vị Bà-la-môn vào cung đàm đạo. Chịu ảnh hưởng của các Bà-la-môn, nhà vua dấy tâm hủy báng Phật pháp.

Lúc bấy giờ nhà vua có một bạn thân từ thuở bé, tên là Năng Đà Bà La. Ông Năng Đà Bà La là một cư sĩ tịnh tín, đệ tử thọ 5 giới của Phật Ca Diếp.

Vào một hôm, vua Uất Đà La ngự trên cỗ xe vàng có ngựa kéo ra khỏi cung thành. Thoạt nhìn thấy ông Năng Đà Bà La từ xa đi lại, nhà vua cất tiếng hỏi: "Năng Đà Bà La! Ông đi đâu vậy?

Ông Năng Đà Bà La đáp: "Anh của ngài đã được đạo Vô Thượng Bồ Đề. Tôi đang đi cúng dường Phật đây. Ngài nên mau đi theo tôi đến hầu Phật".

Nghe nói như vậy, vua Uất Đà La tự nghĩ rằng "Nếu ta đến hầu Phật thì quần thần sẽ cho ta là thua Phật".

Nghĩ như vậy rồi nhà vua đáp: "Ông đầu trọc kia đâu có chứng được quả Vô Thượng Bồ Đề!".

Ông Năng Đà Bà La nổi giận, nắm tay nhà vua kéo lại và nói với nhà vua rằng: "Ngài không thể không đến hầu Phật được".

Vua Uất Đà La bèn nói với quần thần rằng: "Nay bạn thân của ta đã khuyên như vậy, ta không thể không đến hầu Phật được". Ngay sau đó vua tôi cùng đi đến chỗ Phật. Vua Uất Đà La vừa thấy tướng hào quang trang nghiêm của Phật liền sanh tín tâm thanh tịnh. Nhà vua cúi đầu đảnh lễ Phật rồi đứng sang một bên.

Phật vì nhà vua, thuyết một thời pháp. Nghe xong thời pháp, nhà vua liền vào được các đà la ni môn và các tam muội môn.

Thế rồi nhà vua truyền các quần thần lui về. Từ chỗ ngồi đứng dậy, nhà vua phát tâm Bồ Đề, thưa với Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Con xin nguyện được làm Tỷ-kheo".

Phật tán thán: "Thiện lai Tỷ-kheo!"

-o0o-

Mẫu chuyện trên đây cho thấy Bồ tát thị hiện ác khẩu nhưng chẳng phải là ác tâm hủy báng Phật vậy.

**Hỏi:** *Vì sao Phật Thích Ca Mưu Ni còn phải chịu 8 tội báo và phải chịu 6 năm khổ hạnh?*

**Đáp:** Pháp Tiểu thừa khác với pháp Đại thừa rất nhiều. Tiểu thừa chẳng có nói đến pháp thân Bồ tát, chẳng biết đó là bí mật pháp có vô lượng thần lực, mà phần nhiều chỉ nói về việc đoạn các kiết sử để chứng Niết bàn.

Lại nữa, nếu Phật chẳng thị hiện thọ 8 nạn, thì hàng chư Thiên dẫn đến hàng rồng, hàng quỷ thần sẽ khởi tâm nghi. Vì sao? Vì họ nghĩ rằng Phật còn lưu ác nghiệp mà chẳng thấy có thọ quả báo. Do đó họ sẽ chẳng còn tin về nhân duyên nghiệp báo nữa. Phật thấy rõ chỗ nghi của họ, nên thị hiện cho họ thấy rằng đã có tạo nghiệp là có thọ quả báo. Đây là lý do vì sao Phật thị hiện thọ 8 tội báo.

Lại nữa, nếu Phật chẳng có thị hiện tu khổ hạnh thì người đời sẽ chẳng tin. Họ sẽ cho rằng Phật là vị Thái tử, con vua Tịnh Phạn, quen sống cuộc đời vương giả chẳng sao có thể tu khổ hạnh được. Lại vì các Ngoại đạo tu theo pháp khổ hạnh nên Phật thị hiện tu khổ hạnh để dìu dắt họ vào Phật đạo.

Bởi hai nhân duyên này mà Phật thị hiện thọ 2 quả báo như đã nêu trên đây. Chẳng phải là Phật gây ra tội ác mà Phật phải thọ các quả báo vậy. Nên biết, Phật là bậc đại giác, đã đoạn sạch các bất thiện pháp nên chẳng còn phải thọ các quả báo nữa.

-o0o-

Lại nữa, vì thương xót chúng sanh độn căn, thiểu trí, mà Bồ tát thị hiện hành các pháp thế gian. Có lúc Bồ tát thị hiện dùng ác khẩu phỉ báng Phật (như trường hợp vua Uất Đà La nêu trên đây) để làm duyên khởi dẫn dắt người khác vào đạo. Nên biết, Bồ tát nhất sanh bổ xứ chẳng còn sân nhuế, kiêu mạn. Đối với một người phạm tội mà Bồ tát còn chẳng dùng lời mắng nhiếc, huống nữa là đối với Phật. Đây chỉ là những phương tiện thiện xảo mà Bồ tát phải dùng để độ sanh.

Trong kinh có chép mẫu chuyện sau đây:

Vào thời Phật Tỳ Bà Thi, Bồ tát Thích Ca Mưu Ni thọ thân một vị Bà-la-môn. Vị Bà-la-môn ấy thấy Phật và chúng Tăng ăn quá mau, bèn phát lời nói rằng: "Những người này đáng ăn lúa mạch của ngựa". Do lời nói ấy mà phải thọ vô lượng khổ. Đến khi thành Phật rồi mà còn phải ăn lúa mạch của ngựa suốt ba tháng trời. Nên biết, việc Phật thị hiện ăn lúa mạch của ngựa như vậy cũng chỉ là phương tiện.

-o0o-

Trong kinh *Thanh Văn* có nói rằng Phật thường thọ thân nam, thường sanh vào nhà quyền quý, chẳng đọa vào ác đạo trong suốt 91 kiếp, từ thời Phật Tỳ Bà Thi đến nay. Lại có dẫn chứng lời đức Phật Tỳ Bà Thi dạy Bồ tát Thích Ca Mưu Ni rằng: "Ông sẽ chẳng còn đọa vào ác đạo, và ở trong đời vị lai sẽ thành Phật".

Những lời dẫn chứng trên đây cho thấy rằng sự việc Phật thị hiện thọ các quả báo chỉ là phương tiện thiện xảo để độ sanh vậy.

**Hỏi:** *Cả hai tội báo của Phật đều có ghi trong Tỳ Ni Tạng. Như vậy vì sao nói trong suốt cả 100 kiếp mà Phật chẳng bị đọa ác đạo?*

**Đáp:** Hàng Thanh Văn, tùy theo A Tỳ Đàm mà luận nghị, lập ra bộ Tỳ Bà Sa.

Luận nghị về hai tội báo trên đây của Phật chỉ được ghi trong bộ Tỳ Bà Sa, chẳng có ghi trong bộ Tỳ Ni Tạng. Vậy chớ có nên nhầm lẫn.

-o0o-

Lại nữa, như ngài Bạt Câu La chỉ cúng dường chư Tăng một quả kha lê lật mà được phước báo 91 kiếp, chẳng đọa vào ác đạo. Như vậy Bồ tát trong vô lượng kiếp, đã đem thân mạng bố thí, đã thành tựu vô lượng công đức, chẳng có thể phải đọa địa ngục vì một tội nhỏ được.

Đây là vì hàng Tiểu thừa do chẳng biết được các sức phương tiện của Bồ tát dùng để độ sanh mà nói ra như vậy. Chớ nên y vào bộ luận Tỳ Bà Sa mà nêu lên lời vấn nạn.

-o0o-

Lại nữa, Phật đã tự nói lên các nhân duyên độ chúng sanh. Ví như khi Bồ tát mới sanh đã thị hiện đi 7 bước, nói kệ, rồi lại trở lại thân hài nhi bình thường v.v...

Như vậy Bồ tát thị hiện vô lượng phương tiện để làm lợi ích chúng sanh, dẫn dắt chúng sanh vào đạo giải thoát mà hàng Thanh Văn chẳng có biết rõ được.

**Hỏi:** *Vì sao Bồ tát nhất sanh bổ xứ chỉ sanh ở cõi trời Đâu Suất mà chẳng có sanh ở các cõi trời khác?*

**Đáp:** Chư Thiên ở các cõi trời khác, như cõi trời Trường Thọ Thiên... chẳng có biết được hạnh nguyện của Bồ tát, nên thường sanh tâm nghi, cho đó là việc huyễn hóa.

Nếu sanh ở trong loài người, cùng chịu sanh tử như loài người mà tu được thành Phật thì hàng Trời sẽ chẳng có tin, còn loài người sẽ sanh kiêu mạn, cho nên Bồ tát phải thị hiện sanh về cõi trời Đâu Suất, rồi từ cõi trời Đâu Suất sanh xuống làm người, khiến cả hàng Trời lẫn loài người đều sanh cung kính.

Lại nữa, chư Thiên ở cõi trời Đâu Suất đã được tâm nhu nhuyến, đã mỏng kiết sử, nên cõi trời này thường là trú xứ của các vị Bồ tát nhất sanh bổ xứ.

Ví như vị Thái tử, trước khi lên ngôi, phải trì trai giữ giới ở trong thất suốt thời gian 7 ngày, sau đó mới lên chánh điện thọ vương vị. Bồ tát nhất sanh bổ xứ cũng là như vậy. Trước khi làm Phật, thường ở cõi trời Đâu Suất, rồi từ đó thị hiện sanh về cõi người.

Khi Bồ tát khởi niệm thọ sanh làm người, chư Thiên vì muốn phò trợ đạo pháp, nên đã khiến vô lượng chúng ma đến quấy nhiễu. Đây là những phương tiện để thử tâm Bồ tát.

Lại nữa, khi đã thọ thân người, Bồ tát thị hiện rời bỏ 5 dục lạc; nhàm chán các cảnh già, bệnh, chết; thị hiện xuất gia dẫn đến được đạo Vô Thượng Bồ Đề. Trong kinh *Bổn Sanh* có nói rõ.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát đầy đủ 6 thần thông, chẳng sanh về 3 cõi, mà chỉ đi từ Phật độ này đến Phật độ khác để cung kính, cúng dường, tán thán chư Phật.**

**Lại có Bồ tát dùng du hí thần thông đi từ Phật độ này đến Phật độ khác. Bồ tát đến đâu thì ở cõi đó chẳng còn có Thanh Văn và Bích Chi Phật thừa, dẫn đến chẳng còn có danh tự Nhị thừa. Lại có Bồ tát dùng du hí thần thông đi từ Phật độ này đến Phật độ khác. Bồ tát đến đâu thì ở cõi đó thọ mạng vô lượng.**

**Lại có Bồ tát dùng du hí thần thông đi từ Phật độ này đến Phật độ khác. Bồ tát đến những nơi chưa có Phật pháp, để tán thán công đức của Phật, Pháp, Tăng nên sau khi mạng chung sẽ được sanh về cõi có Phật.**

**LUẬN:**

Như trước đây đã phân biệt có hai hạng Bồ tát. Đó là:

- Hạng Bồ tát pháp thân.

- Hạng Bồ tát sanh thân.

Bồ tát pháp thân là hạng Bồ tát đã đoạn sạch kiết sử và đã được lậu tận thông.

Bồ tát sanh thân là hạng Bồ tát chỉ mới ly dục, và mới được 5 pháp thần thông.

**Hỏi:** *Hạnh nguyện của Bồ tát là độ thoát chúng sanh. Như vậy, vì sao Bồ tát còn muốn trở về thế giới Phật, là thế giới thanh tịnh, thế giới vô lượng thọ?*

**Đáp:** Ở đây nên phân biệt có hai hạng Bồ tát. Đó là:

- Hạng Bồ tát có nhiều từ tâm, vì chúng sanh, mà thị hiện sanh về những nơi không có Phật, Pháp, Tăng, tán thán Tam Bảo, dạy cho chúng sanh tu các thiện pháp, khiến họ phát khởi được Bồ Đề tâm, rồi dần dần vào được đạo.

- Hạng Bồ tát tu các công đức cho đến khi được Nhất Thừa đạo thanh tịnh. Hạng Bồ tát này thị hiện sanh đến cõi Vô Lượng Thọ, là cõi nước tốt đẹp, thanh tịnh nhất, nhằm khuyến tấn chúng sanh tu tập, để mau đến cảnh giới Phật.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát, từ sơ phát tâm, đã được sơ thiền, dẫn đến đệ tứ thiền, cũng đã được 4 vô lượng tâm, được 4 vô sắc định, đã tu 4 niệm xứ, 8 Thánh đạo,**

**dẫn đến 18 bất cộng pháp, chẳng sanh vào 3 đường ác, mà thường sanh vào những nơi mà chúng sanh đã có thiện căn để nói pháp.**

**LUẬN:**

Bồ tát, dù sanh ở bất cứ nơi nào, hoặc là chỗ có Phật, hoặc là chỗ không có Phật, hoặc là chỗ thanh tịnh, hoặc là chỗ uế tạp, đều cũng chỉ nhằm đem lại lợi ích cho chúng sanh. Ở đâu Bồ tát cũng dùng 10 thiện đạo, 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định... làm lợi ích cho chúng sanh, dạy họ hoặc trì giới tại gia, hoặc trì giới xuất gia, khiến họ thành tựu được thiền định, trí huệ.

Về thế giới thanh tịnh, nên phân biệt có hai thứ. Đó là:

- Thế giới hiện có Phật,

- Thế giới mà Phật đã diệt độ.

Ở các thế giới hiện có Phật đang trụ thế, Bồ tát dẫn dắt chúng sanh đến với Phật, để được nghe pháp, khiến họ được nhiều lợi ích. Ở đâu, Bồ tát cũng dùng tài thí và pháp thí làm lợi ích cho chúng sanh. Đối với người tại gia, Bồ tát thường dùng tài thí; đối với người xuất gia Bồ tát thường dùng pháp thí.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát, từ sơ phát tâm, đã thật hành 6 pháp Ba-la-mật, vào Bồ tát vị được bất thối chuyển.**

**Lại có Bồ tát, vừa sơ phát tâm, liền được Vô Thượng Bồ Đề, liền chuyển pháp luân làm lợi ích cho chúng sanh. Rồi sau khi nhập Niết bàn, chánh pháp còn trụ thế thêm một kiếp nữa.**

**Lại có Bồ tát, vừa sơ phát tâm, liền được tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật, và đã cùng trăm ngàn vị Bồ tát khác đi từ cõi này đến cõi khác để thanh tịnh Phật độ.**

**LUẬN:**

Ở đây, nên phân biệt có ba hạng Bồ tát. Đó là:

- Hạng Bồ tát lợi căn, thượng trí, tâm kiên cố, từ trước đã tu vô lượng công đức trí huệ, đã từng gặp Phật, nghe pháp, đã được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật. Hạng Bồ tát này, khi vừa phát tâm, là liền được vào Bồ tát vị.

- Hạng Bồ tát độn căn, thiểu trí, sau khi phát tâm, vẫn phải tu tập 6 pháp Ba-la-mật, vẫn phải cúng dường chư Phật trong khắp 10 phương, rồi rất lâu sau mới được vào Bồ tát vị.

- Hạng Bồ tát, sau khi phát tâm, dần dần bị nhiễm các tạp ác tâm, thường sanh niệm chấp ngã, thường mong cầu thủ chứng, khiến cho công đức hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề bị trì trệ. Hạng Bồ tát này phải tu tập trong nhiều A-tăng-kỳ kiếp nữa, mới vào được Bồ tát vị.

Như vậy là tùy theo Bồ tát có phước đức nhân duyên dày hay mỏng, đã tu đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật hay chưa tu đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, đã được tâm kiên cố hay chưa được tâm kiên cố, mà việc được vào Bồ tát vị hay được quả vị Vô Thượng Bồ Đề có mau, có chậm sai khác nhau. Ví như có ba người dùng ba loại xe khác nhau để cùng đi đến một địa điểm: Người thứ nhất dùng xe ngựa, người thứ hai dùng xe trâu, người thứ ba dùng xe dê. Nếu ba người cùng khởi hành một lúc, thì người đi xe ngựa sẽ đến đích nhanh nhất, người đi xe trâu đến chậm hơn, còn người đi xe dê phải thật lâu sau mới đến nơi chốn được.

Nói tóm lại, Bồ tát từ sơ phát tâm, đã phân biệt có ba hạng. Đó là:

- Hạng Bồ tát đã có phước đức thanh tịnh,

- Hạng Bồ tát tội ít, phước nhiều.

- Hạng Bồ tát tội nhiều, phước ít.

-o0o-

Hạng Bồ tát vừa phát tâm liền nhập Bồ tát vị là hạng đại Bồ tát bất thối chuyển. Hạng Bồ tát này nhàm chán thế gian, thường ở nơi chân thật pháp, đã được tâm thanh tịnh, kiên cố. Bởi vậy nên vừa phát tâm Bồ Đề là liền được Vô Thượng Pháp Luân, độ vô lượng chúng sanh, trú trong pháp Niết bàn.

-o0o-

Lại nữa, cũng nên biết rằng Phật thường hiển dụng hai thứ thần thông. Đó là:

- Thần thông khi còn tại thế.

- Thần thông sau khi đã nhập vào Niết bàn, lưu giáo pháp lại ở thế gian để độ chúng sanh.

Bồ tát lợi căn cũng như vậy. Hạng Bồ tát này đã cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng, đã đầy đủ 6 thần thông, nên thường trang nghiêm quốc độ của mình và quốc độ của Phật A Di Đà.

Phật A Di Đà, trước kia là Tỷ-kheo Pháp Tạng, đã giáo hóa vô lượng chúng sanh, tự trang nghiêm quốc độ của mình.

Quốc độ của Phật A Di Đà là tịnh diệu quốc, nên được gọi là Cực Lạc Quốc Độ.

(Hết quyển 38)

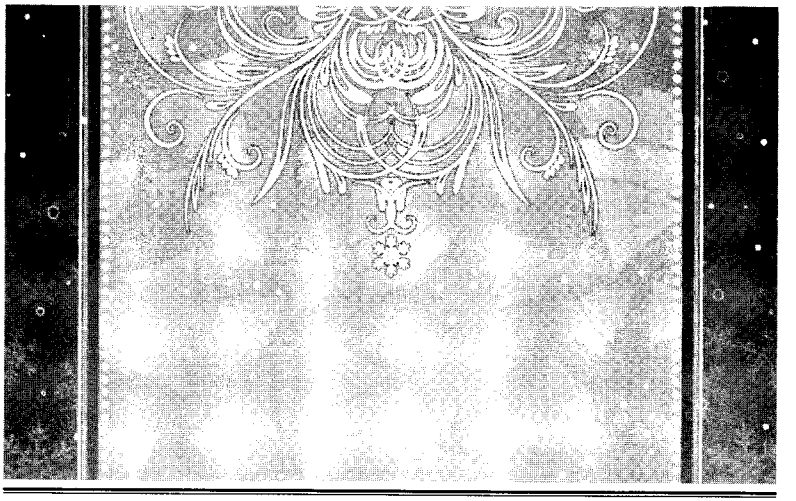

# LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

## Quyển 39

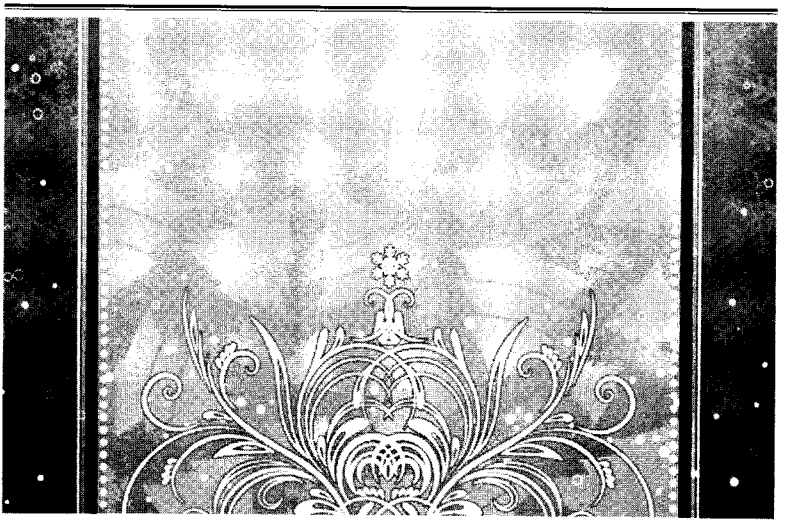

# Phẩm Thứ Tư
## (TIẾP THEO)

**Vãng sanh**
(Tiếp theo)

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, được 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định rồi du hý trong đó: Nhập sơ thiền; từ sơ thiền khởi nhập diệt tận định; từ diệt tận định khởi nhập tứ thiền; từ tứ thiền khởi nhập diệt tận định; từ diệt tận định khởi nhập hư không xứ định, dẫn đến nhập phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ định; rồi từ phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ định khởi nhập lại diệt tận định.**

**Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật có được sức phương tiện như vậy, là được "siêu việt định".**

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Vì sao Bồ tát từ sơ thiền có thể nhập thẳng vào diệt tận định được?*

**Đáp:** Trong A Tỳ Đàm và trong bộ luận Tỳ Bà Sa nói phải theo thứ lớp vào các thiền định. Đây là quan điểm của hàng Thanh Văn, chẳng phải là lời Phật thuyết vậy.

Từ tâm của Bồ tát vô lượng vô biên, đến các vị A-la-hán cũng chẳng còn có thể sánh kịp. Ví như, khi Bồ tát thị hiện làm voi 6 ngà, bị trúng tên độc, mà vẫn dấy lòng thương người thợ săn đã dùng tên bắn mình.

Các đại Bồ tát đã được bất thối chuyển, đã ly dục, thường hành Bát nhã Ba-la-mật, nên được tự tại ra vào diệt tận định.

**Hỏi:** *Bồ tát từ sơ thiền hoặc từ tứ thiền khởi nhập diệt tận định, được "siêu việt định". Như vậy Bồ tát chẳng có nhập vào hai định trung gian hay sao?*

**Đáp:** Người thường do định lực còn ít, nên chẳng có diệt tận định, được siêu việt định. Còn Bồ tát, do đã có vô lượng phước đức trí huệ, nên được tự tại ra vào các thiền định, mà chẳng cần phải theo thứ lớp vậy.

**Hỏi:** *Siêu việt định là đại định. Còn 9 thứ đệ định chẳng phải là đại định hay sao?*

**Đáp:** Cả hai đều là đại định cả.

Có thuyết nói: Từ sơ thiền nhập vào nhị thiền mà tâm chẳng có sai khác, dẫn đến nhập vào diệt tận định cũng như vậy, thì gọi là được siêu việt định. Hoặc từ sơ thiền khởi nhập thẳng vào tam thiền mà tâm chẳng có sai khác, dẫn đến nhập vào diệt tận định, hay nghịch lại cũng đều như vậy cả, thì cũng gọi là được siêu việt định.

Lại có thuyết nói: Siêu việt định thắng hơn cả. Vì sao? Vì chẳng có tạp niệm xen vào, mới được tự tại ra vào các thiền định, mới là được siêu việt định.

Ví như con ngựa tốt xoay trở dễ dàng, chẳng có gì ngăn ngại; Bồ tát đã được siêu việt định rồi, được tự tại ra vào các thiền định tùy theo ý muốn, chẳng có gì ngăn ngại cả.

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật tu 4 niệm xứ, dẫn đến tu 18 bất cộng pháp, chẳng thủ**

**chứng 4 quả Thanh Văn và quả Bích Chi Phật, mà dùng sức phương tiện, vì chúng sanh, khởi 8 Thánh đạo, khiến họ được 4 quả Thanh Văn, dẫn đến được quả Bích Chi Phật.**

**Này Xá Lợi Phất! Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn, an trú nơi bất thối chuyển địa, thật hành Bát nhã Ba-la-mật, là đầy đủ các quả vị A-la-hán và Bích Chi Phật rồi vậy.**

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Vì sao Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật mà còn tu 4 niệm xứ?*

**Đáp:** Vì lòng đại từ đại bi, mà Bồ tát phải dùng đến các sức phương tiện, tu 4 niệm xứ, để dẫn dắt chúng sanh vào Phật đạo.

**Hỏi:** *Nếu Bồ tát chẳng được các quả Thanh Văn và Bích Chi Phật, thì làm sao có thể giáo hóa chúng sanh được?*

**Đáp:** Theo như lời Phật dạy, thì Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn rồi, chẳng còn thọ các đạo quả. Bồ tát chẳng có thủ chứng các đạo quả, mà vẫn hành Bồ tát đạo, mới gọi là vào bất thối chuyển địa.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát trú 6 pháp Ba-la-mật, trang nghiêm cung trời Đâu Suất. Phải biết đó là Bồ tát nhất sanh bổ xứ ở trong Hiền Kiếp.**

**LUẬN:**

Bồ tát tu nhiều đạo, lập nhiều nguyện. Khi lên cõi trời Đâu Suất, nhập vào hội 1.000 vị Bồ tát nhất sanh bổ xứ, lần lượt trở thành 1.000 vị Phật.

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát tu 4 thiền, dẫn đến tu 18 bất cộng pháp, mà chưa chứng 4 thánh đế. Phải biết đó là Bồ tát nhất sanh bổ xứ.**

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Bồ tát nhất sanh bổ xứ ở trên cung trời Đâu Suất thì làm sao tu được 4 thiền?*

**Đáp:** Vì Bồ tát sanh lên cõi Đâu Suất đã được ly dục, nên được 4 thiền. Bồ tát nhất sanh bổ xứ, do muốn có đầy đủ Phật pháp, nên dùng các sức phương tiện sanh lên cõi trời Đâu Suất, hành đầy đủ các pháp môn, mà chẳng có thủ chứng 4 Thánh đế. Vì sao? Vì Bồ tát chỉ muốn thành Phật, chẳng muốn chứng A-la-hán hay Bích Chi Phật vậy.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát, trải qua vô lượng kiếp, tu hành cầu đạo Vô Thượng Bồ Đề.**

**LUẬN:**

Bồ tát đầy đủ thiện căn, phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề, quyết tâm tu hành để vào được đạo. Thế nhưng nếu căn trí chưa được lanh lợi, thì phải lâu mới được Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát trú 6 pháp Ba-la-mật,**

**thường siêng năng, tinh tấn làm việc lợi ích cho chúng sanh, nên chẳng nói các lời vô ích.**

**LUẬN:**

Có Bồ tát, trước thường sanh ác khẩu, mà sau lại phát Bồ Đề tâm, nguyện thanh tịnh khẩu nghiệp, nguyện chẳng nói ra các lời ác, nên chẳng nói các lời vô ích. Vì sao? Vì Bồ tát biết rằng các lời nói vô ích chẳng phải là Phật pháp, dễ gây sự hiểu lầm đối với kẻ khác.

-o0o-

**KINH:**

**Thường siêng năng, tinh tấn làm việc lợi ích cho chúng sanh, nên thị hiện sanh từ Phật độ này đến Phật độ khác, để độ các chúng sanh ra khỏi đường ác.**

**LUẬN:**

Bồ tát trú 6 pháp Ba-la-mật, dùng các thần thông, đi khắp các cõi Phật ở trong khắp mười phương, để phá ba đường ác, nhằm độ thoát chúng sanh.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát trú 6 pháp Ba-la-mật, lấy Đàn Ba-la-mật làm đầu, để an lạc chúng sanh, tùy chỗ chúng sanh cần những gì, thì liền cung cấp cho họ được đầy đủ.**

**LUẬN:**

Hạnh nguyện của các Bồ tát có sai khác nhau:

- Có Bồ tát làm cho chúng sanh rời khổ.

- Có Bồ tát làm cho chúng sanh được an vui.

Hạng Bồ tát thứ nhất phá các đường ác, khiến chúng sanh xa lìa được các khổ.

Hạng Bồ tát thứ hai bố thí cho chúng sanh đầy đủ các thứ cần dùng, làm cho họ được an vui.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, biến thành thân Phật, để vào tận các chốn địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, vì chúng sanh ở các đường ác mà thuyết pháp.**

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Bồ tát chẳng có tôn kính Phật hay sao, mà lại tự biến thành thân Phật?*

**Đáp:** Vì có nhiều chúng sanh do thấy Phật mà khởi được tín tâm, nên Bồ tát phải phương tiện tự biến thành thân Phật để hóa độ họ.

Lại nữa, có biến thành thân Phật, thì Bồ tát mới được dễ dàng ra vào các địa ngục. Có như vậy thì Diêm Vương cũng như các quỷ thần mới chẳng dám gây trở ngại.

**Hỏi:** *Ở chốn địa ngục thuần khổ, thì làm sao các chúng sanh ở đó có thể thọ pháp được?*

**Đáp:** Bồ tát có đại thần lực chẳng có thể nghĩ bàn, phóng đại quang minh, rồi mới vì các chúng sanh ở các cõi ấy, thuyết

pháp. Do nương theo thần lực của Bồ tát, mà các chúng sanh ở các cõi ấy sanh tâm hoan hỷ, thọ trì chánh pháp, khiến vơi được các khổ.

**Hỏi:** *Như vậy thì chúng sanh ở địa ngục cũng được đạo chăng?*

**Đáp:** Tuy chưa được đạo, nhưng các chúng sanh ấy đã gieo trồng được thiện căn.

Trong hàng quỷ thần cũng có rất nhiều trường hợp gieo trồng thiện căn, dẫn đến được đạo quả, nhờ nương theo thần lực của Bồ tát. Ví như trường hợp của thần Kim Cang Mật Tích, của quỷ Từ Mẫu v.v... Tất cả các vị quỷ thần này đều nhờ oai đức của Bồ tát mà được độ.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật biến thành thân Phật, đi đến các thế giới ở khắp 10 phương, vì chúng sanh ở các thế giới đó, thuyết pháp, để cúng dường chư Phật, thanh tịnh Phật độ, nghe chư Phật thuyết pháp, và chọn những tướng tịnh diệu của các Phật độ trong khắp 10 phương, nhằm tự trang nghiêm quốc độ của mình. Phải biết đó là Bồ tát nhất sanh bổ xứ.**

**LUẬN:**

Bồ tát, vì chúng sanh trong khắp 6 đạo, mà hiện thân Phật, như đã nói trong các đoạn kinh trên đây, để thuyết 3 thừa pháp. Vì sao? Vì chúng sanh không tin các đệ tử của Phật bằng tin Phật, nên Bồ tát phải làm như vậy.

Các vị Bồ tát nhất sanh bổ xứ mới có được đại thần lực, mới thành tựu được các sự biến hóa thân, mới có thể dùng các sức phương tiện như đã nói trên đây.

**Hỏi:** *Trước đây nói chỉ có ở cõi trời Đâu Suất mới có các vị Bồ tát nhất sanh bổ xứ. Nay vì sao lại nói ở khắp trong 10 phương cũng có các vị Bồ tát nhất sanh bổ xứ?*

**Đáp:** Ở mỗi 3.000 thế giới, thì cõi trời Đâu Suất là trú xứ của các vị Bồ tát nhất sanh bổ xứ.

Thế nhưng, cũng chẳng phải nhất thiết như vậy. Ở nơi nào mà các vị Bồ tát đã được đệ nhất thanh tịnh rồi, thì tại nơi đó Phật đạo được thành tựu vậy.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Bồ tát do thật hành Bát nhã Ba-la-mật, mà thành tựu được 32 tướng tốt, được 6 căn thanh tịnh, lanh lợi nên được nhiều người ái kính. Nhờ vậy mà Bồ tát dần dần dẫn họ vào 3 thừa đạo, để tự độ và độ tha.**

**Này Xá Lợi Phất! Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, phải tu tập thân thanh tịnh và khẩu thanh tịnh, mới được nhiều lợi lạc.**

**LUẬN:**

Muốn khiến chúng sanh thấy thân tướng của mình mà được độ, thì Bồ tát phải tu 32 tướng tốt. Vì sao? Vì có được các căn minh lợi, có được 32 tướng tốt, thì mới làm cho chúng sanh hoan hỷ, ái kính. Nhờ vậy mà Bồ tát mới dễ cảm hóa được chúng sanh, dạy họ đầy đủ các Phật pháp, dùng 3 thừa đạo dẫn họ vào Niết bàn.

Khi nói đến các căn minh lợi là nói về thân nghiệp thanh tịnh. Bởi vậy nên kinh dạy rằng: Bồ tát muốn tu tập Bát nhã Ba-la-mật, phải thanh tịnh nghiệp thân và nghiệp khẩu.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát do thật hành 6 pháp Ba-la-mật mà được các căn thanh tịnh. Tuy được các căn thanh tịnh, mà Bồ tát chẳng hề tự cao hay tự ti, chẳng thấy mình cao hơn người, cũng chẳng thấy mình thấp kém thua người.**

**LUẬN:**

Bồ tát thâm nhập 6 pháp Ba-la-mật, được các căn thanh tịnh, được chúng sanh ái kính. Vì muốn độ thoát chúng sanh, mà Bồ tát phải thị hiện dùng các pháp thế gian để dạy họ. Thế nhưng, tuy được các căn thanh tịnh mà Bồ tát chẳng hề tự cao, dấy niệm khinh miệt người.

Trong kinh có dạy rằng Bồ tát mà khinh miệt người, là xa lìa Phật đạo. Bởi vậy nên Bồ tát chẳng hề tự cao, chẳng hề thấy mình hơn người vậy.

Lại nữa, Bồ tát cũng chẳng nên cho mình thua kém người.

Phải chẳng có tự cao, chẳng có tự ti, mới dạy được người vậy.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát, từ khi sơ phát tâm đến khi được bất thối chuyển, thường an trú trong Đàn Ba-la-mật và Thi La Ba-la-mật, trọn chẳng đọa vào 3 đường ác.**

**LUẬN:**

Bồ tát sợ đọa vào 3 đường ác, nên làm công đức gì cũng nguyện chẳng đọa vào các đường ác. Bồ tát tự nghĩ rằng: Nếu ta đọa vào ác đạo thì ta chẳng có thể tự độ được, mà cũng chẳng có thể độ được chúng sanh.

-o0o-

**KINH:**

**Lại có Bồ tát, từ khi sợ phát tâm đến khi được bất thối chuyển, trọn chẳng rời 10 thiện đạo.**

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Phật dạy trì giới thì chẳng đọa vào 3 đường ác. Nay vì sao lại nói Bồ tát trọn chẳng rời 10 thiện đạo?*

**Đáp:** Trước đây nói về trường hợp trì giới chưa được kiên cố, nên phải hành bố thí để trợ giúp thêm. Nay nói trì giới đã kiên cố rồi, thì chẳng còn bị đọa vào các đường ác nữa, nên thường được các thiện đạo vậy.

-o0o-

**KINH:**

**Lại có Bồ tát an trú trong Đàn Ba-la-mật và Thi La Ba-la-mật, làm Chuyển Luân Thánh Vương, dạy chúng sanh tu 10 thiện đạo, và đem tài vật bố thí khiến chúng sanh được an ổn.**

**LUẬN:**

Do nhân duyên bố thí và trì giới, mà được làm Chuyển

Luân Thánh Vương, được chúng sanh tin kính. Nhờ vậy mà Bồ tát dạy 10 thiện đạo được chúng sanh hoan hỷ tín thọ.

**Hỏi:** *Tất cả các Bồ tát hành Đàn Ba-la-mật và Thi La Ba-la-mật đều sanh làm Chuyển Luân Thánh Vương cả hay sao?*

**Đáp:** Bồ tát thường cầu Phật đạo.

Tuy nhiên, vì biết Chuyển Luân Thánh Vương có nhiều điều kiện gần gũi chúng sanh, làm lợi ích cho họ, nên có Bồ tát nguyện sanh làm Chuyển Luân Thánh Vương.

Ở địa vị Chuyển Luân Thánh Vương, Bồ tát có đủ các phương tiện để tu bố thí, trì giới, và cũng để dạy cho chúng sanh tu bố thí, trì giới, hành 10 thiện đạo.

Do hành bố thí, trì giới, mà Bồ tát được chúng sanh tin kính, nên khi Bồ tát dạy 10 thiện đạo, thì họ rất dễ hoan hỷ, tín thọ.

-o0o-

**KINH:**

**Lại có Bồ tát an trú trong Đàn Ba-la-mật và Thi La Ba-la-mật, ở trong vô lượng đời làm Chuyển Luân Thánh Vương, được gặp, được cúng dường, tôn trọng và tán thán vô lượng đức Phật.**

**LUẬN:**

Có Bồ tát biết Chuyển Luân Thánh Vương làm được nhiều lợi ích cho chúng sanh, nên nguyện làm Chuyển Luân Thánh Vương trong nhiều đời, để có thể dùng pháp thế gian cúng dường Phật, Pháp, Tăng.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát thường vì chúng sanh thuyết pháp, đem trí huệ quang minh tự soi sáng cho chính mình, và soi sáng cho chúng sanh, dẫn đến khi được Vô Thượng Bồ Đề, trọn chẳng rời trí huệ quang minh.**

**Phải biết Bồ tát ấy, ở trong Phật pháp, được mọi chúng sanh tôn trọng.**

**Bởi nhân duyên vậy, nên lúc thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát thường giữ thân, khẩu, ý thanh tịnh, chẳng bao giờ để cho các bất thiện nghiệp vọng khởi.**

**LUẬN:**

Trước đây nói Bồ tát thật hành Đàn Ba-la-mật và Thi La Ba-la-mật, nguyện làm Chuyển Luân Thánh Vương.

Nay nói Bồ tát học các kinh điển, đọc tụng, ghi chép, chánh ức niệm, chánh tư duy, phân biệt các pháp, để cầu Phật đạo. Rồi lại dùng trí huệ quang minh nhằm tự soi sáng cho chính mình, và cũng soi sáng cho mọi loài chúng sanh.

Do hạnh nguyện tự lợi và lợi tha, mà Bồ tát chẳng trọn rời trí huệ quang minh, cho đến khi được Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, Bồ tát hành pháp thí mà chẳng cầu danh lợi, được cung kính cúng dường mà chẳng đắm trước, chẳng ỷ mình có trí huệ, cũng chẳng hề tự cao, chẳng hề khinh dễ người khác. Bồ tát chỉ niệm chư Phật, tinh tấn tu tập cầu Phật đạo, đem giáo pháp của Phật dạy cho chúng sanh, dẫn dắt họ vào thật tướng pháp.

Do thuyết pháp thanh tịnh như vậy, mà Bồ tát mãi mãi cho đến khi được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng bao giờ mất trí huệ quang minh.

Do thường giữ thân, khẩu, ý thanh tịnh, chẳng để cho các vọng tâm dấy khởi, thường hành các tịnh pháp làm lợi lạc cho chúng sanh, nên Bồ tát ở trong Phật pháp được mọi người tin kính.

Lại nữa, Bồ tát hành Bồ tát đạo chẳng dấy khởi các nghiệp tội. Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ các nghiệp tội phá hoại các công đức, khiến khó thành tựu được đạo quả.

-o0o-

**KINH:**

**Ngài Xá Lợi Phất thưa: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát khởi các bất tịnh nghiệp ở thân, khẩu, ý?**

**Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Nếu Bồ tát dấy niệm thủ các tướng thân, tướng khẩu, tướng ý thì gọi là Bồ tát khởi các bất tịnh nghiệp ở thân, khẩu, ý.**

**LUẬN:**

**Hỏi:** Ngài Xá Lợi Phất là bậc trí huệ đệ nhất trong hàng đại đệ tử của Phật. Như vậy vì sao ngài lại chẳng biết các bất tịnh nghiệp ở thân, khẩu và ý, mà ngài còn hỏi Phật như vậy?

**Đáp:** Ngài Xá Lợi Phất, ở trong pháp Thanh Văn, phân biệt rõ về 10 thiện đạo và 10 bất thiện đạo, nhưng ngài chẳng biết rõ được các hạnh của Bồ tát. Ví như, ngài chẳng biết rằng Bồ tát chỉ vừa sanh tâm chứng Nhị Thừa là đã phá giới rồi vậy. Do ngài Xá Lợi Phất còn có chỗ nghi, chưa rõ thế nào là Bồ tát có tội hay chẳng có tội, nên phải thưa hỏi Phật.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật dạy: Nếu Bồ tát còn thủ tướng thân, tướng khẩu, tướng ý là đã tạo các nghiệp tội rồi.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Nếu Bồ tát còn dấy niệm có thân, có khẩu, có ý là còn có thủ tướng, còn có tác duyên. Như vậy là đã có tạo bất tịnh nghiệp ở thân, khẩu, ý rồi vậy. Vì khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát biết rõ thân, khẩu, ý đều là bất khả đắc.**

**Này Xá Lợi Phất! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, nếu Bồ tát còn thấy có các dụng của thân, khẩu, ý, thì thường hay sanh tâm xan tham, phạm giới, giải đãi, tán loạn, ngu si. Phải biết đó là Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chưa trừ được các thô nghiệp ở thân, khẩu và ý.**

**LUẬN:**

Trên đây Phật khai thị cho ngài Xá Lợi Phất biết rằng Bồ tát trú trong pháp "không" nên thấy ba nghiệp, dù là thiện nghiệp đều là nghiệp tội. Chẳng có nghiệp nào là chẳng có tội cả. Vì sao? Vì theo pháp Thanh Văn thì hành 10 bất thiện đạo mới là có tội. Còn theo pháp Đại thừa, thì vừa dấy niệm có hành các nghiệp ở thân, khẩu, ý, là đã có tội rồi. Vì sao? Vì có làm, có thấy có làm, là đã có tác giả, có kiến giả rồi vậy. Thế nhưng, tất cả các sự việc ấy đều là hư vọng, là chẳng thật có. Chấp thô sự thì bị thô tội; chấp thế sự thì bị tế tội. Ví như người đã ly dục thấy 5 dục, 5 cái là tội. Người vào Sơ Thiền thì cho giác quán là chẳng có tội, mà người vào Nhị Thiền thì cho giác quán cũng là tội. Người vào Nhị Thiền thì hỷ là chẳng có tội, mà người vào được thật tướng pháp rồi, thì cho rằng giác quán cũng như các niệm về lạc và hỷ đều là tội cả.

Tiểu Thừa, do sợ 3 đường ác, nên tu 10 thiện đạo, xa lìa 10 bất thiện đạo, cho 10 bất thiện đạo là tội. Còn Đại thừa thì cho rằng chấp tâm, thủ tướng cũng đều là tội cả. Vì sao? Vì có chấp, có thủ là trái với ba giải thoát môn nên đều là tội cả.

Như vậy là các quan điểm của Tiểu thừa và của Đại thừa ở nơi sự có nhiều sai khác.

Đối với *Đại Thừa Ma Ha Diễn*, thì dấy niệm thấy có 3 nghiệp, là chưa được tâm kiên cố. Rõ biết cả 3 nghiệp đều là không thì mới gọi là được tâm kiên cố vậy. Vì sao? Vì Bồ tát trú ở nơi pháp "không", chẳng thấy có chúng sanh, chẳng thấy có 3 nghiệp ở thân, khẩu và ý. Nếu ở nơi 3 nghiệp, mà còn thấy có các dụng, thì sẽ khởi các tướng xan tham, phạm giới, giải đãi, tán loạn, ngu si. Trái lại, nếu tu giải thoát thì chẳng phải như vậy.

Ví như nếu chẳng có cây thì chẳng sao có bóng mát được. Cũng như vậy, nếu chẳng có nhân, thì chẳng có quả.

Do tư duy quán sát như vậy, mà Bồ tát trừ được các thô nghiệp ở thân, ở khẩu và ở ý.

**Hỏi:** *Trước chỉ nói đến các nghiệp tội ở thân, khẩu, ý. Nay vì sao lại nói về các thô nghiệp?*

**Đáp:** Thô nghiệp và tế nghiệp chẳng có gì khác nhau, vì cũng đều là nghiệp tội cả.

Hàng Thanh Văn phân biệt có thô nghiệp, có tế nghiệp. Ví như nói các nghiệp ở thân, ở khẩu là thô, còn các nghiệp ở ý là tế. Lại ví như biết các ác pháp như tham dục, sân nhuế. v.v... thì gọi là thô, biết về sông, núi, thôn xóm, làng nước v.v..., thì gọi là tế; biết về các thiện pháp như bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn v.v...thì gọi là vi tế.

Tất cả các pháp trên đây đối với Đại Thừa Ma Ha Diễn, thì đều gọi là thô cả.

-o0o-

**KINH:**

**Ngài Xá Lợi Phất thưa: Bạch Thế Tôn! Bồ tát làm thế nào để trừ được các thô nghiệp ở thân, khẩu và ý?**

**Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Nếu Bồ tát biết rõ thân, khẩu và ý đều là bất khả đắc, thì trừ được các thô nghiệp ở thân, khẩu và ý.**

**Này Xá Lợi Phất! Bồ tát, từ sơ phát tâm, đã thật hành 10 thiện đạo, mà chẳng móng tâm Thanh Văn, chẳng móng tâm Bích Chi Phật là trừ được các thô nghiệp ở thân, khẩu và ý.**

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Thế nào gọi là thô nghiệp và thế nào gọi là tế nghiệp ở thân, khẩu và ý?*

**Đáp:** Đây chỉ là tương đối. So với nghiệp của hàng Thanh Văn, thì nghiệp của phàm phu là thô; trái lại, so với nghiệp của phàm phu, thì nghiệp của hàng Thanh Văn là tế. So với nghiệp của hàng Bồ tát thì nghiệp của hàng Thanh Văn là thô; trái lại so với nghiệp của hàng Thanh Văn, thì nghiệp của hàng Bồ tát là tế.

Lại nữa, nghiệp cấu là thô, nghiệp không cấu là tế; hay dẫn sanh các nhân duyên khổ thọ là thô, không có sanh các nhân duyên khổ thọ là tế; có giác quán là thô, không có giác quán là tế.

Lại nữa, còn thấy có ngã là thô, không thấy có ngã là tế; còn thấy chỗ trú của 3 nghiệp là thô, không thấy chỗ trú của 3 nghiệp là tế; còn thấy có 5 ấm là thô, không thấy có 5 ấm là tế; còn thấy có 12 nhập là thô, không thấy có 12 nhập là tế v.v... Lại nữa, thấy được chỗ thấy là thô, không thấy chỗ thấy là tế.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật dạy: Nếu Bồ tát biết rõ thân, khẩu, ý đều bất khả đắc, thì trừ được các thô nghiệp ở thân, khẩu và ý.

-o0o-

Từ sơ phát tâm, Bồ tát phải biết rõ hết thảy pháp đều rốt ráo không. Vì sao? Vì ở trong "không", hết thảy pháp đều bất khả đắc. Bồ tát biết rõ như vậy, mà vẫn thường hành 10 thiện đạo, chẳng có khởi tâm Thanh Văn và Bích Chi Phật. Bồ tát cũng chẳng có thủ tướng tâm, mà chỉ hồi hướng hết thảy các công đức về Vô Thượng Bồ Đề. Như vậy gọi là Bồ tát trừ các thô nghiệp tội của thân, khẩu và ý, là Bồ tát hành 3 nghiệp thân, khẩu và ý thanh tịnh vậy.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, thanh tịnh Phật đạo, thật hành đầy đủ 5 Ba-la-mật kia. Phải biết đó là trừ được các thô nghiệp ở thân, khẩu và ý.**

**Ngài Xá Lợi Phất thưa: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là thanh tịnh Phật đạo?**

**Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Thanh tịnh Phật đạo là chẳng thấy có thân, khẩu và ý; chẳng thấy có Đàn Ba-la-mật, dẫn đến chẳng thấy có Bát nhã Ba-la-mật; chẳng thấy có Thanh Văn, Bích Chi Phật, dẫn đến chẳng thấy có Bồ tát và Phật.**

**Bồ tát chẳng thấy hết thảy các pháp, vì biết rõ hết**

**thảy các pháp đều là bất khả đắc cả. Như vậy gọi là Bồ tát thanh tịnh Phật đạo.**

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Ngài Xá Lợi Phất đã từng nghe Phật dạy rằng trừ ác, trừ các thô nghiệp là đã thanh tịnh Phật đạo rồi. Nay vì sao ngài còn hỏi nữa?*

**Đáp:** Trước đây nói về tướng của ba nghiệp thanh tịnh. Nay nói về tướng của hết thảy các pháp thanh tịnh.

Trước đây nói về cả ba nghiệp thân, khẩu và ý đều bất khả đắc. Nay nói 6 pháp Ba-la-mật, Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ tát dẫn đến Phật cũng đều bất khả đắc mới gọi là thanh tịnh Phật đạo vậy.

Hết thảy pháp đều bất khả đắc, nên chẳng thấy có thân, khẩu và ý, chẳng thấy có 6 pháp Ba-la-mật, chẳng thấy có Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ tát, dẫn đến chẳng thấy có Phật.

Như vậy là đầy đủ "chúng sanh không" và "pháp không". Bồ tát trú trong hai "không" đó, mà dần dần được "bất khả đắc không", tức là vào được thật tướng pháp.

(Nghĩa của bất khả đắc không đã được nói rõ ở mục 18 KHÔNG rồi).

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát thật hành 6 pháp Ba-la-mật, mà chẳng hoại các pháp tướng.**

**Ngài Xá Lợi Phất thưa: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là chẳng hoại các pháp tướng?**

**Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng niệm có sắc, thọ, tưởng, hành, thức; chẳng niệm có nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; chẳng niệm có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; chẳng niệm có nhãn giới dẫn đến pháp giới; chẳng niệm có nhãn thức giới dẫn đến ý thức giới; chẳng niệm có 4 niệm xứ, 4 chánh cần, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác chi, 8 Thánh đạo; chẳng niệm có 6 pháp Ba-la-mật; chẳng niệm có 10 Phật lực, 4 vô sớ úy, 4 vô ngại trí, dẫn đến 18 bất cộng pháp; chẳng niệm có 4 quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật, dẫn đến quả Vô Thượng Bồ Đề.**

**Như vậy là Bồ tát thật hành và tăng ích 6 pháp Ba-la-mật, mà chẳng phá hoại các pháp tướng.**

**LUẬN:**

Phật, vì ngài Xá Lợi Phất, mà phân biệt các trường hợp phát tâm của Bồ tát.

Ngài Xá Lợi Phất vui mừng, sanh tâm cung kính các Bồ tát, nên hỏi Phật: "Bồ tát chưa đoạn sạch kiết sử, thì làm sao mà chẳng hoại các pháp tướng?"

Phật đáp: "Bồ tát chẳng niệm sắc,... dẫn đến chẳng niệm Vô Thượng Bồ Đề, là chẳng hoại các pháp tướng".

Vì sao? Vì chẳng niệm hết thảy các pháp là vào được 2 "không", tức là vào được "chúng sanh không" và "pháp không". Vì pháp không, nên chẳng có trú; lại vì Bát nhã Ba-la-mật là vô ngại, nên chẳng phá hoại các pháp tướng.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật, được đầy đủ trí huệ, chẳng bị đọa vào ba đường ác, chẳng bị sanh làm người tệ ác, bần cùng; lại được thọ thân tướng đoan nghiêm, nên chẳng bị Trời, người, A-tu-la chê ghét.**

**LUẬN:**

Trong nhiều kiếp trước Bồ tát đã tu tập trí huệ, đã học đầy đủ các kinh thơ, đã quán sát, tư duy, chánh niệm về thật tướng pháp. Do đã vào được thật tướng pháp, nên được chư Phật thường ái niệm, có được vô lượng phước đức, có được thân tâm đầy đủ, thường thọ các phước lạc, và được chúng sanh cung kính, cúng dường.

-o0o-

**KINH:**

**Ngài Xá Lợi Phất thưa: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là trí huệ của Bồ tát?**

**Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Bồ tát thành tựu trí huệ, thấy được chư Phật cùng chúng tăng ở khắp 10 phương, được nghe chư Phật thuyết pháp và thấy được các cõi Phật nghiêm tịnh. Này Xá Lợi Phất! Bồ tát do thành tựu trí huệ mà chẳng khởi niệm về tướng Phật, về tướng Bồ tát, về tướng Bích Chi Phật, về tướng Thanh Văn, cũng chẳng khởi niệm về tướng ngã, về tướng quốc độ.**

**Lại nữa, do thành tựu trí huệ mà khi thật hành Đàn Ba-la-mật dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, khi thật hành 4 niệm xứ dẫn đến 18 bất cộng pháp, Bồ tát chẳng thấy có**

**Đàn Ba-la-mật dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy có 4 niệm xứ dẫn đến 18 bất cộng pháp.**

**Như vậy gọi là trí huệ của Bồ tát. Bồ tát dùng trí huệ hành đầy đủ hết thảy pháp mà cũng biết rõ hết thảy pháp đều là bất khả đắc.**

**LUẬN:**

Nên phân biệt có hai loại trí huệ. Đó là:

- Trí huệ để phân biệt, biết rõ các pháp, mà chẳng chấp các pháp tướng.

- Trí huệ chẳng chấp tâm, cũng chẳng thủ tướng. Bồ tát thành tựu trí huệ này, thấy khắp các 10 phương Phật, nghe pháp, mà chẳng chấp tâm, chẳng thủ tướng.

**Hỏi:** *Thế nào gọi là hành bố thí mà bất đắc bố thí?*

**Đáp:** Bất đắc bố thí là rõ biết bố thí, mà chẳng thủ chấp bố thí. Biết bố thí làm cho chúng sanh được ấm no, được an ổn, biết bố thí là nhân duyên khuyến trợ chúng sanh vào Phật đạo, nhưng đồng thời cũng biết bố thí do duyên hòa hợp sanh, nên là bất khả đắc.

Hành bố thí như vậy gọi là hành bố thí mà bất đắc bố thí.

Bồ tát hành hết thảy các pháp mà cũng bất đắc hết thảy pháp.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, mà thanh tịnh được nhục nhãn, thiên nhãn, huệ**

**nhãn, pháp nhãn và Phật nhãn, được đầy đủ cả 5 nhãn thanh tịnh.**

**Ngài Xá Lợi Phất thưa: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát thanh tịnh nhục nhãn?**

**Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát dùng nhục nhãn thấy xa cả 100 do tuần, có Bồ tát thấy xa được 200 do tuần, có Bồ tát thấy khắp cõi Diêm Phù Đề, có Bồ tát thấy khắp một tiểu thiên thế giới, có Bồ tát thấy khắp một trung thiên thế giới; có Bồ tát thấy khắp một đại thiên thế giới.**

**Như vậy gọi là Bồ tát thanh tịnh nhục nhãn.**

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Vì sao Phật nói đến việc Bồ tát thanh tịnh nhục nhãn trước, rồi mới nói đến việc thanh tịnh 4 nhãn kia?*

**Đáp:** Bồ tát trải qua nhiều kiếp tu hành, đã có được nhục nhãn thanh tịnh và cũng đã thanh tịnh được phần ít 4 nhãn kia.

Ví như tấm gương vốn sẵn có tánh phản chiếu, nhưng do bị bụi trần che lấp nên chẳng có thể chiếu được các ảnh, nếu bụi trần được quét sạch thì tánh phản chiếu của gương liền được hiện ra như cũ. Cũng như vậy, Bồ tát đã diệt trừ hết các cấu pháp nên được nhục nhãn thanh tịnh. Do nhân duyên được nhục nhãn thanh tịnh mà Bồ tát có được thiên nhãn. Rồi do nhân duyên tu tập thiền định mà dần dần Bồ tát thanh tịnh được thiên nhãn. Rồi Bồ tát lại còn phải tu vô lượng phước đức trí huệ, mới thanh tịnh được 3 nhãn sau. Khi được thanh tịnh tối thắng rồi mới thấy được cùng khắp cả đại thiên thế giới.

**Hỏi:** *Đại thiên thế giới có cả trăm ức núi Tu Di và núi Thiết Vi, lại có vô lượng các chướng ngại vật khác thì làm sao Bồ tát có thể khắp thấy được?*

**Đáp:** Bồ tát khi đã thanh tịnh được nhục nhãn rồi, thì có thể thấy cùng khắp cả đại thiên thế giới mà chẳng có gì ngăn ngại cả.

Có thuyết nói có 2 nguyên nhân làm cho Bồ tát có được thiên nhãn:

- Do tu tập thiền định mà có được thiên nhãn.

- Do nghiệp quả báo đời trước mà đời nay có được thiên nhãn.

Thiên nhãn thường phát sanh ngay nơi nhục nhãn, khiến nhục nhãn có thể thấy cùng khắp cả đại thiên thế giới mà chẳng có gì ngăn ngại cả. Nhờ có thiên nhãn khai thông các chướng ngại, nên nhục nhãn có thể thấy được thông suốt như vậy.

Trong trường hợp được quả báo sanh làm Trời, thì liền có thiên nhãn, chẳng cần phải nhiếp tâm mà vẫn thấy thông suốt được.

**Hỏi:** *Thế giới của chư Phật chu biến cùng khắp. Sao nói thấy cùng khắp đại thên thế giới, mà chẳng nói thấy nhiều hơn nữa?*

**Đáp:** Có thuyết nói rằng Bồ tát trú trong đại thiên thế giới, lấy cảnh giới này làm cảnh giới hoằng pháp độ sanh. Do vậy mà Bồ tát chỉ thấy trong phạm vi đại thiên thế giới.

Có thuyết nói rằng nhục nhãn phải nương theo thiên nhãn mới có thể thấy xa được. Nếu nhục nhãn mà thấy được khắp đại thiên thế giới hay thấy xa hơn, thì chẳng cần phải tu thiên nhãn làm gì nữa.

Có thuyết nói rằng khi đề cập đến đại thiên thế giới là đã có mật ý nêu lên ý niệm về một đại kiếp, khởi từ thời điểm sanh (sơ kiếp) và tận cùng ở thời điểm diệt (tận kiếp).

Lại có thuyết nói rằng bên ngoài đại thiên thế giới còn có vô số do tuần đều toàn là hư không. Trong hư không thường có gió. Nhục nhãn và gió đối kỵ nhau, khiến nhục nhãn chẳng thấy xa hơn được.

**Hỏi:** *Vì sao Bồ tát chẳng tu tập thêm để có thể dùng nhục nhãn thấy xa hơn nữa?*

**Đáp:** Nhục nhãn là hư vọng, là bất định, còn thiên nhãn mới là thanh tịnh. Nếu chẳng tu được thiên nhãn, mới phải gượng ép dùng nhục nhãn để cố thấy xa hơn. Do Bồ tát tu tập được thiên nhãn nên dùng thiên nhãn hỗ trợ cho nhục nhãn để thấy xa vậy.

Trong kinh nói: Thấy xa là thấy cùng khắp đại thiên thế giới. Thế nhưng với chư Phật và chư đại Bồ tát, thì chẳng đâu gọi là xa cả.

**Hỏi:** *Vì sao chẳng lấy mức 70, 80, 90 do tuần làm tầm thấy ngắn nhất của hàng tiểu Bồ tát?*

**Đáp:** Vì Chuyển Luân Thánh Vương thấy xa hơn người thường. Do đời trước đã cúng dường Phật Nhiên Đăng, mà Chuyển Luân Thánh Vương được nhãn căn thanh tịnh, thấy được các cảnh vật rất xa so với tầm thấy của người thường. Tuy nhiên tầm thấy của Chuyển Luân Thánh Vương chẳng có thể vượt quá 100 do tuần.

Bởi vậy, nên nói tầm thấy của hàng tiểu Bồ tát chỉ vào khoảng 100 do tuần mà thôi.

**Hỏi:** *Mặt trăng, mặt trời cách quả đất trên 4 vạn 2 ngàn do tuần, mà mọi người đều có thể thấy rõ. Như vậy 100 do tuần đâu có gì đáng kể, mà phải khen ngợi những vị Bồ tát thấy xa được 100 do tuần?*

**Đáp:** Mặt trăng, mặt trời, tuy ở xa, nhưng có quang minh chiếu đến tận mặt đất. Người trên quả đất, do mắt nhận được ánh sáng của mặt trăng, của mặt trời, mà thấy được các thiên thể này.

Lại nữa, sự thấy như vậy cũng là điên đảo. Vì sao? Vì mặt trăng, mặt trời có đường kính rất lớn, mà người trên mặt đất chỉ thấy bằng cái đĩa. Lớn mà thấy nhỏ, như vậy là thấy điên đảo. Bồ tát, dùng nhục nhãn thanh tịnh, thấy khác hơn người thường.

**KINH:**

**Ngài Xá Lợi Phất thưa: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát thanh tịnh thiên nhãn?**

**Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát dùng thiên nhãn thấy biết được các cõi trời Tứ Thiên Vương, Đao Lợi Thiên, Đâu Suất Đà Thiên, Hóa Lạc Thiên, Tha Hóa Thiên, Phạm Thiên Vương, dẫn đến Sắc Cứu Cánh Thiên. Bồ tát dùng thiên nhãn thấy biết được như vậy, chẳng nơi nào mà chẳng thấy, chẳng biết cả.**

**Lại có Bồ tát dùng thiên nhãn thấy chúng sanh, trong hằng sa thế giới ở khắp 10 phương, chết đây, sanh kia. Hàng chư Thiên chẳng thấy được như Bồ tát.**

**Như vậy gọi là Bồ tát thanh tịnh thiên nhãn.**

**LUẬN:**

Như trước đây đã nói, Bồ tát được thiên nhãn do hai nguyên nhân:

- Do tu tập thiền định mà có được thiên nhãn.

- Do nghiệp quả báo đời trước, mà đời nay có được thiên nhãn.

Nếu do quả báo mà được thiên nhãn, thì lúc ban ngày nhục nhãn và thiên nhãn thường dung hợp; vào đêm tối, thì mới dùng riêng thiên nhãn.

Người tu được quả báo thiên nhãn thường chỉ thấy được 4 châu thiên hạ, và các cõi trời Lục Dục Thiên, nhưng chẳng thể thấy được các cõi trên. Bồ tát được quả báo thiên nhãn thấy khắp 3.000 thế giới. Người tu thiền định, và ly dục, cũng có được thiên nhãn như vậy.

-o0o-

Bồ tát dùng thiên nhãn thấy chúng sanh chết đây, sanh kia, chẳng có gì ngăn ngại cả. Hàng chư Thiên có được thiên nhãn, nhưng chẳng sánh được với Bồ tát. Vì sao? Vì Bồ tát đã vượt ra ngoài 3 cõi, cũng đã được pháp tánh, đã được 10 Bồ tát lực, nên mới thanh tịnh thiên nhãn được như vậy.

-o0o-

**KINH:**

**Ngài Xá Lợi Phất thưa: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát thanh tịnh huệ nhãn?**

**Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Bồ tát dùng huệ nhãn chẳng dấy niệm có pháp hữu vi, pháp vô vi; có pháp thế gian, pháp xuất thế gian; có pháp hữu lậu, pháp vô lậu. Thế nhưng, dùng huệ nhãn, chẳng có pháp nào mà Bồ tát chẳng thấy, chẳng nghe, chẳng biết cả.**

**Như vậy gọi là Bồ tát thanh tịnh huệ nhãn.**

**LUẬN:**

Vì nhục nhãn chẳng có thể thấy được các cảnh vật xa, và cũng chẳng thấy được các cảnh vật bị chướng ngại che khuất, nên phải cầu được thiên nhãn.

Thiên nhãn có thể thấy được các cảnh vật ở xa, hoặc bị chướng ngại che khuất, mà nhục nhãn chẳng sao có thể thấy được. Thế nhưng, sự thấy của thiên nhãn vẫn còn là hư dối. Vì sao? Vì còn thấy có các tướng đối đãi, như có tướng nam, tướng nữ, tướng núi, tướng sông, tướng cây cối, tướng của các sự vật. Tất cả các tướng ấy đều do duyên hòa hợp mà có, nên đều là hư dối, chẳng thật có. Do vậy mà phải cầu được huệ nhãn.

Huệ nhãn chẳng có các lỗi lầm của nhục nhãn và của thiên nhãn.

**Hỏi:** *Như vậy tướng của huệ nhãn như thế nào?*

**Đáp:** Có thuyết nói rằng, trong 8 Thánh đạo thì chánh kiến là tướng của huệ nhãn. Vì sao? Vì dùng chánh kiến mới thấy được thật tướng của thọ ấm, mới phá được các chấp điên đảo.

Có thuyết nói rằng chỗ duyên Niết bàn là tướng của huệ nhãn. Vì sao? Vì chỗ duyên ấy chẳng bị phá hoại, chẳng phải là hư vọng.

Lại có thuyết nói rằng 3 giải thoát môn, tương ưng huệ là tướng của huệ nhãn. Vì sao? Vì huệ nhãn khai mở cửa Niết bàn. Có trí huệ hiện tiền, quán thật tế, thông đạt rõ ràng các pháp là tướng của huệ nhãn.

Có thuyết nói rằng thông đạt pháp tánh, trực nhập pháp tánh vô ngại là tướng của huệ nhãn.

Có thuyết nói rằng tâm định rõ biết hết thảy các pháp tướng là tướng của huệ nhãn.

Có thuyết nói rằng bất khả đắc không và vô pháp không là thật tướng của huệ nhãn.

Có thuyết nói rằng 18 không là tướng của huệ nhãn.

Lại có thuyết nói rằng dùng trí huệ rõ biết các pháp chẳng phải đồng cũng chẳng phải khác, như pháp thế gian chẳng phải đồng cũng chẳng phải khác với pháp xuất thế gian... Vì sao? Vì đồng và khác cũng đều là bất khả đắc cả, cho nên các quán đều diệt, các tâm hành đều dứt, các ngôn ngữ đều đoạn, dẫn đến tướng thế gian và tướng Niết bàn chẳng có gì khác nhau. Trí huệ ấy là tướng của huệ nhãn.

-o0o-

Trong kinh Phật dạy rằng: Bồ tát ở nơi hết thảy pháp, chẳng dấy niệm có pháp hữu vi, pháp vô vi, có pháp thế gian, pháp xuất thế gian, có pháp hữu lậu, pháp vô lậu v.v...

Chẳng niệm CÓ, chẳng niệm KHÔNG mới là tướng của huệ nhãn. Vì sao? Vì nếu Bồ tát còn phân biệt thấy có pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu, pháp vô lậu v.v... là rơi về chấp CÓ (hữu kiến). Còn nếu Bồ tát thấy thế gian vô vi, vô lậu, là rơi về chấp KHÔNG (vô kiến).

Phải bỏ cả hai chấp CÓ và KHÔNG, phải xa lìa các hý luận, phải lấy trí huệ mà hành trung đạo mới gọi là được huệ nhãn.

Khi đã được huệ nhãn rồi thì chẳng có pháp gì mà chẳng thấy, chẳng nghe, chẳng biết cả. Vì sao? Vì có được huệ nhãn là tận phá được vô minh. Bồ tát dùng huệ nhãn rõ biết được tổng tướng cùng biệt tướng của hết thảy các pháp.

**Hỏi:** *A-la-hán và Bích Chi Phật cũng có được huệ nhãn. Vì sao chẳng có thể sánh được với Bồ tát.*

**Đáp:** Bồ tát dùng huệ nhãn rõ biết được tổng tướng và biệt tướng của hết thảy các pháp. Hàng Nhị Thừa dùng huệ nhãn chỉ thấy được tổng tướng của các pháp mà thôi, ví như chỉ biết các pháp là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã.

Tuy rằng hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật dùng huệ nhãn cũng thấy được thật tướng các pháp, nhưng huệ nhãn ấy chỉ hạn cuộc, chẳng chiếu được rộng khắp. Ví như ngọn đèn nhỏ, ít dầu, chẳng có thể tỏa ánh sáng xa rộng được vậy.

Chư Phật và chư đại Bồ tát dùng huệ nhãn chiếu rọi thật tướng pháp đến chỗ tận cùng, nên chẳng có pháp gì mà chẳng thấy, chẳng nghe, chẳng biết cả. Hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật vẫn còn có chỗ biết, có chỗ không biết, nên huệ nhãn của hàng Nhị thừa chẳng có thể sánh được với huệ nhãn của chư Phật và chư đại Bồ tát.

**Hỏi:** *Vì sao Thanh Văn và Bích Chi Phật dùng huệ nhãn mà còn có chỗ biết, có chỗ không biết?*

**Đáp:** Huệ nhãn của hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chưa được rốt ráo thanh tịnh. Mặc dù đã được vô pháp bất kiến, nghĩa là chẳng có pháp gì mà chẳng thấy biết, nhưng chư vị ấy chưa được như thật kiến, nghĩa là chưa được thấy biết như thật.

Bồ tát khi chưa thành Phật, có huệ nhãn, khi thành Phật thì huệ nhãn biến thành Phật nhãn. Do các vô minh phiền não, tập khí đều đã tận diệt, nên thấy rõ được hết thảy các pháp.

Khi đã được Phật nhãn rồi thì nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn và pháp nhãn đều mất tên gọi, và đều trở thành Phật

nhãn cả. Ví như trong cõi Diêm Phù Đề có 4 con sông lớn đều chảy về biển. Vào biển rồi thì 4 con sông đều mất tên, vì đã hòa đồng với biển.

Nên biết nhục nhãn do hữu lậu phiền não sanh, nên là hư vọng. Thiên nhãn do thiền định hòa hợp sanh, cũng là hư vọng. Huệ nhãn và pháp nhãn cũng chưa rốt ráo thanh tịnh vì còn có hữu dư phiền não tập khí. Khi được hòa đồng với Phật nhãn thì chẳng còn có các lỗi lầm nữa.

**Hỏi:** *Phật dùng nhục nhãn thấy các sắc trần. Sự thấy sắc trần của Phật như thế nào?*

**Đáp:** Tuy Phật cũng dùng nhục nhãn để duyên các sắc trần, nhưng chẳng có tùy thuộc vào dụng của nhãn thức.

Trong phẩm kinh Thánh Tự Tại Thần Thông, Phật dạy ngài A Nan rằng: Khi thấy sắc tốt nên sanh tâm nhàm chán, khi thấy sắc xấu nên sanh tâm không nhàm chán. Khi thấy sắc chẳng nên sanh nhiễm ô, cũng chẳng nên sanh không nhiễm ô, mà chỉ nên sanh xả tâm. Như vậy mới biết nhục nhãn là hư dối, là chẳng có thể tin được.

Khi cả 5 tình đều thanh tịnh, thì sẽ được huệ nhãn thanh tịnh, thông đạt được các pháp vô ngại, thấy rõ các pháp đều rốt ráo không.

(Hết quyển 39)

# LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

## Quyển 40

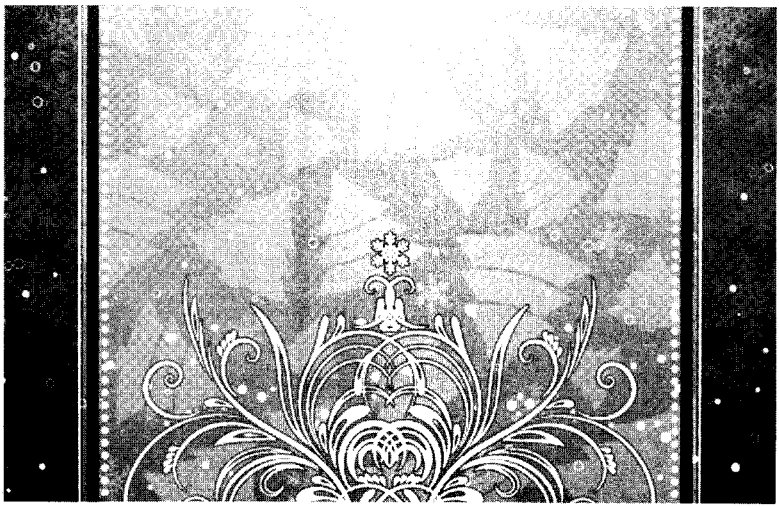

## Phẩm Thứ Tư
## (TIẾP THEO)

**Vãng sanh**
(Tiếp theo)

**KINH:**

**Ngài Xá Lợi Phất thưa: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát thanh tịnh pháp nhãn?**

**Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Bồ tát dùng pháp nhãn, biết rõ người tùy tín hành, người tùy pháp hành, người tùy vô tướng hành, biết rõ người hành Không giải thoát môn, người hành Vô Tướng giải thoát môn, người hành Vô Tác giải thoát môn, mà có được 5 căn; do có được 5 căn mà được vô gián Tam muội, do có được vô gián tam muội mà được giải thoát trí, khiến đoạn được 3 kiết sử, đoạn được các kiến chấp, trì trai giới, được quả vị Tu-đà-hoàn**

**Lại biết rõ người được tư duy đạo, đã mỏng tham sân si, được quả vị Tư-đà-hàm.**

**Lại biết rõ người tăng tấn tư duy đạo, dứt trừ tham sân si cõi dục, được quả vị A-na-hàm.**

**Lại biết rõ người tăng tấn tư duy đạo, dứt trừ các nhiễm cõi Sắc và các nhiễm cõi Vô Sắc, dứt trừ vô minh, mạn nghi, trạo cử, được quả vị A-la-hán.**

**Lại biết rõ người hành 3 tam muội Không, Vô Tướng và Vô Tác mà có được 5 căn, được vô gián tam muội,**

được giải thoát trí. Do vậy mà biết rõ chỗ tập pháp và chỗ diệt pháp, được quả vị Bích Chi Phật.

Như vậy gọi là Bồ tát thanh tịnh pháp nhãn.

Này Xá Lợi Phất! Bồ tát dùng pháp nhãn, biết rõ người, từ sơ phát tâm đã hành 6 pháp Ba-la-mật, thành tựu tín căn và tấn căn, được thiện căn thuần thục, rồi vì lợi ích chúng sanh mà đã thọ sanh thân vào các dòng họ lớn, như dòng Sát Đế Lợi, dòng Bà-la-môn, dòng cư sĩ, hoặc thọ sanh lên các cõi trời Tứ Thiên Vương, Đao Lợi Thiên, Đâu Suất Đà Thiên, Hóa Lạc Thiên, Tha Hóa Thiên... Bồ tát ở nơi các trú xứ ấy, hành Bồ tát đạo, nhằm thành tựu chúng sanh, tùy chúng sanh cần gì thì cung cấp cho họ đầy đủ, đồng thời cũng nhằm thanh tịnh Phật độ, cung kính cúng dường chư Phật, mãi cho đến khi được đạo Vô Thượng Bồ Đề.

Như vậy gọi là Bồ tát thanh tịnh pháp nhãn.

Này Xá Lợi Phất! Chư đại Bồ tát dùng pháp nhãn biết rõ ở nơi đạo Vô Thượng Bồ Đề, có vị Bồ tát nào thối tâm, vị Bồ tát nào chẳng có thối tâm, vị Bồ tát nào đã được thọ ký, vị Bồ tát nào chưa được thọ ký, vị Bồ tát nào đã được đầy đủ thần thông, vị Bồ tát nào chưa có đủ thần thông.

Lại cũng biết rõ vị Bồ tát nào đã được đầy đủ thần thông rồi, thường bay đến các thế giới khắp 10 phương cúng dường chư Phật. Lại cũng biết rõ vị Bồ tát nào đã thanh tịnh Phật độ, vị Bồ tát nào chưa thanh tịnh Phật độ.

Lại cũng biết rõ vị Bồ tát nào đã thành tựu chúng sanh, vị Bồ tát nào chưa thành tựu chúng sanh, vị Bồ tát nào đã được thân cận chư Phật, vị Bồ tát nào chưa được

**thân cận chư Phật, vị Bồ tát nào đã được Phật tán thán, vị Bồ tát nào chưa được Phật tán thán.**

**Lại cũng biết rõ vị Bồ tát nào đã được thọ mạng vô lượng, vị Bồ tát nào chưa được thọ mạng vô lượng.**

**Lại cũng biết rõ vị Bồ tát nào sau khi thành Phật, sẽ có chúng Tỷ-kheo nhiều hay ít, trong tăng chúng gồm toàn là Bồ tát hay chẳng có Bồ tát.**

**Lại cũng biết rõ vị Bồ tát nào đã được nhất sanh bổ xứ, vị Bồ tát nào chưa được nhất sanh bổ xứ.**

**Lại cũng biết rõ vị Bồ tát nào đã được thân rốt sau (tối hậu thân), vị Bồ tát nào chưa được thân rốt sau.**

**Lại cũng biết rõ vị Bồ tát nào đã tọa đạo tràng, vị Bồ tát nào chưa tọa đạo tràng, vị Bồ tát nào đã phá được ma chướng, vị Bồ tát nào còn bị ma chướng.**

**Như vậy gọi là Bồ tát thanh tịnh pháp nhãn.**

**LUẬN:**

Bồ tát sơ phát tâm, dùng nhục nhãn thấy chúng sanh ở khắp các thế giới phải thọ vô lượng khổ đau, nên sanh tâm thương xót. Do vậy mà Bồ tát tu 5 thần thông, dùng thiên nhãn quán sát chúng sanh trong 6 đạo đều thọ tâm khổ và thân khổ nên càng thêm thương xót. Do vậy mà Bồ tát cầu được huệ nhãn để cứu độ chúng sanh. Khi được huệ nhãn rồi, Bồ tát lại thấy căn tánh chúng sanh không đồng, khó đưa họ vào được nơi thật tướng pháp. Do vậy mà Bồ tát cầu được pháp nhãn. Bồ tát dùng pháp nhãn dẫn đạo chúng sanh, khiến họ vào được nơi thật tướng pháp.

Vì sao? Vì người tu vào vô lậu đạo có hai hạng, đó là:

- Hạng tùy tín hành.

- Hạng tùy pháp hành.

Người độn căn nhờ có tín lực, tinh tấn tu hành mà vào được đạo. Đây là hạng tùy tín hành.

Người lợi căn do phân biệt rõ các pháp mà vào được đạo. Đây là hạng tùy pháp hành.

Cả hai hạng trên đây nếu vượt qua được 15 tâm rồi thì cũng đều được gọi là Vô Tướng hành. Nếu vượt qua được 15 tâm thì lần lượt được các quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm và A-na-hàm. Người tu khi vượt qua được 15 tâm sẽ tu rất mau, vì chẳng còn chấp tướng nữa, nên gọi là Vô Tướng hành.

Hạnh tu của các Bồ tát sai khác nhau.

- Có vị từ vô thỉ đến nay, tâm tánh thường chân trực, chỉ thích các sự việc chân thật.

- Có vị thường hành hạnh xả ly.

- Có vị đời đời thường thích thanh tịnh, hành Không giải thoát môn mà vào được đạo.

- Có vị lấy "không" làm đệ nhất nghĩa, ở nơi chân thật pháp khéo tu xả, hành Vô tác giải thoát môn mà vào được đạo.

- Có vị khéo tu tịch tịnh, hành Vô tướng giải thoát môn mà vào được đạo.

**Hỏi:** *Thế nào gọi là được 5 căn?*

**Đáp:** 5 căn là căn bản. Khi thành tựu được 5 căn rồi thì sẽ có thêm 3 vô lậu căn, lập thành 8 căn.

Lại nữa, khi đã được 5 căn rồi, thì gọi là được vô gián tam muội. Được vô gián tam muội rồi thì được giải thoát trí. Dùng giải thoát trí trừ được 3 phần kiết sử, chứng được các đạo quả.

Lại nữa, cũng nên biết rằng hết thảy các kiết sử đều duyên khởi từ 5 ấm. Do thọ ấm mà sanh ra có ngã và ngã sở. Do vậy, nếu sanh tâm nghi Tam bảo, nghi 4 Thánh Đế, chẳng có trì trai giữ giới, thì sẽ rơi vào trong 96 pháp môn tu của Ngoại đạo. Vì sao? Vì ở trong pháp mà thủ pháp thì dù thấy được các khổ mà chẳng được giải thoát khỏi các khổ vậy.

**Hỏi:** *Người tu kiến đế đoạn là người đoạn cả 10 phần kiết sử, chứng được quả vị Tu-đà-hoàn. Vì sao ở trên đây chỉ nói đến việc đoạn trừ ba kiết sử mà chẳng nói đến 7 kiết sử kia.*

**Đáp:** Khi nói về kiến chấp là đã nói chung các kiết sử rồi.

Trong kinh nói: Thấy được kiến chấp là rõ biết về 62 kiến chấp căn bản. Ví như chấp ngã và ngã sở là thường, hay là vô thường thì cũng đều là kiến chấp cả. Vì sao? Vì nếu chấp ngã là vô thường thì sẽ rơi về đoạn diệt, sanh tà kiến, cho là chẳng có tội phước. Còn nếu chấp ngã là thường rơi về thường kiến. Tất cả đều là kiến thủ. Còn các kiến chấp đó là còn rơi về biên kiến và tà kiến. Nếu chấp giới thủ thì bị trói buộc bởi kiến thủ ấy nên cũng vẫn còn ở trong hai kiến chấp căn bản.

Nếu ở trong ba cõi, ở nơi 4 Đế mà khởi phân biệt thì sẽ sanh ra 88 kiết sử. Còn nếu đoạn được các tâm chấp thì sẽ được các quả vị Thanh Văn và Bích Chi Phật.

-o0o-

Như trước đây đã nói rằng có hai trường hợp được pháp nhãn. Đó là:

Do phân biệt rõ các phương tiện của Thanh Văn và của Bích Chi Phật, mà tu tập vào được đạo.

Do phân biệt rõ các phương tiện của Bồ tát mà tu tập vào được đạo.

Nay nói rằng muốn biết rõ tâm hạnh của Bồ tát, thì phải học Bát nhã Ba-la-mật.

Do đã mỏng phiền não nên Bồ tát dùng tín căn và tấn căn làm các phương tiện độ sanh. Bởi vậy nên Bồ tát dùng phương tiện thọ sanh thân, ở trong sanh tử tu đạo Bồ Đề. Khi chưa được pháp tánh sanh thân, thì ở trong thế gian, hành các công đức bố thí, dùng tín căn và tấn căn làm lợi ích cho chúng sanh. Nhờ vậy mà đời sau sẽ được sanh vào các dòng họ lớn.

-o0o-

Có hai hạng Bồ tát bất thối chuyển. Đó là:

- Hạng Bồ tát đã được thọ ký.

- Hạng Bồ tát chưa được thọ ký.

(Kinh *Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội* phân biệt có 4 trường hợp thọ ký).

-o0o-

Bồ tát thực hành hạnh Bồ tát được chia ra làm hai hạng. Đó là:

- Hạng Bồ tát cụ túc.

- Hạng Bồ tát chưa cụ túc.

Bồ tát đã được đầy đủ pháp thân, ở nơi một niệm có thể biến thành vô lượng thân, đi khắp 10 phương cúng dường chư Phật, nghe chư Phật thuyết pháp và cũng thuyết pháp độ sanh. Bồ tát đầy đủ pháp thân như vậy gọi là Bồ tát cụ túc.

Ở nơi mỗi địa, nếu Bồ tát tu hành chẳng thiếu pháp môn nào cả thì cũng được gọi là Bồ tát cụ túc.

Trái lại thì gọi là Bồ tát chưa cụ túc.

Bồ tát tu được thần thông cũng được chia ra làm hai hạng. Đó là:

- Hạng Bồ tát dùng được thần thông.

- Hạng Bồ tát chưa dùng được thần thông

Bồ tát chưa dùng được thần thông là hạng Bồ tát sơ phát tâm, chưa ly dục, còn giải đãi.

-o0o-

Bồ tát tịnh Phật quốc độ và thành tựu chúng sanh cũng được chia ra làm hai hạng. Đó là:

- Hạng Bồ tát chưa tịnh Phật quốc độ và chưa thành tựu chúng sanh. Đó là hạng Bồ tát chỉ mới tu tập để tự độ, thành tựu cho riêng mình trước đã, rồi sau đó mới độ sanh.

-Hạng Bồ tát tịnh Phật quốc độ và thành tựu chúng sanh là hạng Bồ tát thành tựu chúng sanh trước đã, sau đó mới thành tựu cho chính mình.

Trong kinh có ghi mẫu chuyện sau đây:

Khi sắp nhập Niết-bàn, đức Phật Phất Sa thấy Bồ tát Di Lặc đã thành tựu công đức, mà các đệ tử của ngài chưa thành tựu, còn Bồ tát Thích Ca Văn thì chưa thành tựu công đức mà các đệ tử của ngài đã thành tựu rồi.

Vì việc thành tựu cho người rất khó, còn thành tựu cho chính mình thì dễ hơn, nên đức Phật Phất Sa đã vào hang núi tuyết Bảo Sơn, nhập vào Hỏa Định phóng quang minh sáng ngời.

Lúc bấy giờ Bồ tát Thích Ca Văn thấy được quang minh của Phật, liền sanh tín tâm thanh tịnh, đứng một chân suốt 7 ngày 7 đêm chiêm ngưỡng Phật, và dùng kệ tán thán Phật.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát Thích Ca Văn vượt qua được 91 kiếp mà thành đạo Vô Thượng Bồ Đề.

(Xem thêm ở quyển 4 bộ luận này).

-o0o-

Các đức Phật thường tán thán các vị Bồ tát phát đại tâm, thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ.

Các Bồ tát này thường thân cận các đức Phật, được vô lượng công đức, được thọ mạng vô lượng, và khi được thành Phật, sẽ được vô lượng Tỳ-kheo Bồ tát trong tăng chúng của mình.

-o0o-

Lại nữa, có các vị Bồ tát, như các Bồ tát Quán Thế Âm, Văn Thù, Phổ Hiền v.v..., do hạnh nguyện độ sanh, không muốn tọa đạo tràng, và không muốn thành Phật.

Thế nhưng nhìn tướng tốt trang nghiêm của chư vị Bồ tát này tợ như tướng Phật, cũng biết là các ngài sẽ tọa đạo tràng và sẽ thành Phật.

-o0o-

Lại nữa, có Bồ tát thấy chỗ đi chỗ đứng của mình như đất Kim Cang. Có Bồ tát thường được các Long Vương, các vị quỷ thần cúng dường.

-o0o-

Xem như vậy, thì biết rằng các nhân duyên tu hành của các Bồ tát có sai khác nhau.

Ví như, có Bồ tát chẳng thích hành "từ tam muội", mà chỉ thích hành "không tam muội"; có Bồ tát đời trước phá hoại người hành đạo, nên đời nay thọ nghiệp báo bị ma quấy nhiễu; có Bồ tát thích phá hoại các ma sự v.v...

**Hỏi:** *Làm thế nào để biết được rằng Bồ tát, khi thọ thân sau, có thọ nghiệp báo bị ma quấy nhiễu?*

**Đáp:** Bồ tát tu hành vào Phật đạo theo nhiều môn khác nhau. Có Bồ tát hành bi tâm mà vào Phật đạo. Có Bồ tát hành tinh tấn, hành nhẫn nhục, hành thiền định, hành trí huệ v.v... mà vào Phật đạo.

Bồ tát nào hành tinh tấn, trí huệ, mà chẳng có hành bi tâm, thường sanh tăng thượng mạn. Các Bồ tát này nếu chẳng sanh về cõi trời Trường Thọ Thiên mà sanh làm người thì thường bị thọ báo. Vì sao? Vì chúng sanh thấy người đã làm các ác hạnh mà chẳng có thọ báo, thì sẽ rơi về chấp đoạn diệt.

Bởi vậy nên Phật đã thị hiện ra có thọ báo, có hiện các ma sự, để nhằm dẫn dắt chúng sanh vào đạo. Như trước đây đã nói, đây cũng chỉ là phương tiện vậy.

Chư đại Bồ tát biết rõ các sức phương tiện đó, gọi là được pháp nhãn thanh tịnh.

**KINH:**

**Ngài Xá Lợi Phất thưa: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát thanh tịnh Phật nhãn?**

**Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát cầu Phật đạo, vào được Kim Cang tam muội, được nhất thiết trí, thành tựu đầy đủ 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp,**

**đại từ, đại bi. Bồ tát dùng nhất thiết trí vào hết thảy các pháp. Chẳng có pháp nào mà chẳng thấy, chẳng nghe, chẳng biết cả.**

**Như vậy là Bồ tát thanh tịnh Phật nhãn, được Vô Thượng Bồ Đề. Này Xá Lợi Phất! Bồ tát muốn được đầy đủ 5 nhãn, phải tu tập 6 pháp Ba-la-mật. Vì sao? Vì 6 pháp Ba-la-mật nhiếp hết thảy các thiện pháp, nhiếp hết thảy pháp Thanh Văn, pháp Bích Chi Phật, pháp Bồ tát và pháp Phật.**

**Nếu có thật ngữ có thể nhiếp hết thảy các thiện pháp, thì đó chính là Bát nhã Ba-la-mật vậy.**

**Này Xá Lợi Phất! 6 pháp Ba-la-mật hay sanh 5 nhãn. Bồ tát tu tập 6 pháp Ba-la-mật, thành tựu được 5 nhãn thanh tịnh mau được Vô Thượng Bồ Đề.**

**LUẬN:**

Bồ tát trú thập địa, đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, vào Kim Cang tam muội, phá sạch các phiền não. Tức thời ở nơi hết thảy các pháp, được vô ngại, giải thoát. Bồ tát tu tập được như vậy, sẽ sanh được Phật nhãn, được Vô ngại trí, dẫn đến được đại từ đại bi, đầy đủ các công đức.

**Hỏi:** *Trí huệ như thật thấy biết các sự vật là tướng của nhãn. Còn đại từ đại bi chẳng có thể thấy được các sự vật, sao cũng gọi là nhãn?*

**Đáp:** Nên biết từ bi có 3 duyên, là: Duyên chúng sanh, duyên pháp và vô duyên.

Bồ tát lúc ban đầu, duyên chúng sanh. Sau đó, lại duyên pháp. Khi đã khéo tu hành, đã được rốt ráo không, thì là vô duyên. Bởi vậy nên từ bi cũng gọi là nhãn.

**Hỏi:** *Bồ tát khi đã có được Phật nhãn rồi, thì chẳng có*

*gì mà chẳng thấy, chẳng nghe, chẳng biết cả. Như vậy giữa Phật và Bồ tát chẳng có gì cách biệt hay sao?*

**Đáp:** Có thuyết nói rằng Bồ tát thập trú cùng Phật chẳng có gì khác. Ví dụ như Bồ tát Quán Thế Âm, Văn Thù, Phổ Hiền v.v... đều đã được đầy đủ công đức như Phật. Nhưng, do đại nguyện rộng độ chúng sanh, mà các ngài không thành Phật.

Lại có người thấy chư vị đại Bồ tát ấy đã thành tựu vô lượng công đức, mà chẳng thành Phật, chẳng được như Phật, nên khởi tâm nghi. Bởi nhân duyên vậy, nên Phật dạy: "Phật nhãn khắp chiếu hết thảy chúng sanh và hết thảy các pháp ở trong khắp 10 phương; chẳng có gì mà chẳng thấy, chẳng nghe, chẳng biết". Thế nhưng Bồ tát chỉ ví như mặt trăng, Phật ví như mặt trời. Mặt trăng, tuy cũng tỏa rộng ánh sáng cùng khắp, nhưng gặp ánh sáng mặt trời, thì ánh sáng mặt trăng chẳng sao hiện rõ được.

**Hỏi:** *Nhãn dùng để thấy. Sao nay lại nói nhãn cũng nghe?*

**Đáp:** Trí tuệ của chúng sanh nương theo 6 thức mà sanh khởi, mới phân biệt có 6 trần.

Đối với chư Phật, chư đại Bồ tát, thì các thức đều đã sanh trí huệ, đều theo trí huệ hành. Trí huệ đó khắp thấy, khắp nghe, khắp biết tất cả.

Bởi vậy, để giải nghi cho những người tin theo ngoại đạo, nghĩ rằng Phật cũng còn nhiều chỗ không thấy, không nghe, không biết, nên Phật dạy: "Trí huệ của Phật như thật biết hết thảy các pháp, chẳng có pháp nào mà chẳng thấy, chẳng nghe, chẳng biết cả".

**Hỏi:** *Chỗ biết của nhãn thức, nhĩ thức và ý thức đều riêng khác. Sao nay hợp lại thành một?*

**Đáp:** Nếu chỉ xét về mặt thấy, nghe, biết các sự việc ở thế gian, thì có thể hợp lại là một.

Thế nhưng, khi 3 thức nhãn, nhĩ và ý trở thành lanh lợi, duyên cả các sự việc thế gian và xuất thế gian, duyên cả các pháp hiện, bất thiện và vô ký, làm trợ đạo pháp, dẫn sanh 3 thừa đạo, thì phải nói riêng. Ví như mắt thấy Phật cùng các đệ tử của Phật, tai nghe chánh pháp, tâm trù lượng, tư duy, khởi chánh niệm, thì phải nói riêng. Vì sao? Vì trong trường hợp này 3 thức có 3 công năng riêng khác, nên phải nói riêng vậy.

Còn 3 thức còn lại, là tỷ thức, thiệt thức và thân thức, chỉ duyên các pháp hữu lậu ở thế gian, nên chẳng cần phải nói riêng.

Bởi vậy nên chỗ biết của 6 thức thường được chia ra làm 4 phần: Một phần cho nhãn thức một phần cho nhĩ thức một phần cho ý thức một phần còn lại dành cho 3 thức kia.

-o0o-

Phải nên biết rằng chỉ có bậc Nhất thiết chủng trí mới như thật hay biết được hết thảy các sự việc. Các chúng sanh chỉ hay biết có hạn lượng mà thôi.

- Có người chỉ biết gần, mà chẳng có biết xa.
- Có người chỉ biết xa, mà chẳng có biết gần.
- Có người chỉ biết ngoài, mà chẳng có biết trong.
- Có người chỉ biết trong, mà chẳng có biết ngoài.
- Có người chỉ có biết thô, mà chẳng có biết tế.
- Có người chỉ biết tế, mà chẳng có biết thô.
- Có người có thiên nhãn, mà chẳng có huệ nhãn.

- Có người có huệ nhãn, mà chẳng có pháp nhãn.

- Có người có pháp nhãn, mà chẳng có Phật nhãn

- v.v...

Bồ tát, nếu đã có được các sức phương tiện độ sanh, tuy chưa được huệ nhãn mà đã được nhục nhãn, và thiên nhãn thanh tịnh rồi. Khi đã được vô sanh pháp nhẫn, tuy chưa thọ pháp nhãn, chưa được pháp tánh sanh thân, mà Bồ tát đã được huệ nhãn thanh tịnh, được đạo, chứng trí. Khi chưa thành Phật, chưa được Phật nhãn, mà chư vị đại Bồ tát đã được 4 nhãn kia thanh tịnh.

Khi được vô sanh pháp nhẫn rồi, thì Bồ tát thường quán các nhân duyên khiến chúng sanh vào được đạo, dùng mọi pháp môn để hóa độ chúng sanh.

Khi được 6 thần thông rồi mà chưa xả nhục thân, thì Bồ tát cũng chưa khắp thấy, nghe, hay biết.

Khi có Phật nhãn rồi thì Bồ tát mới thấy đầy đủ hết các pháp, tùy nghĩa mà phân biệt các trần.

Bởi nhân duyên vậy nên phải lấy 6 pháp Ba-la-mật làm gốc để tu tập 5 nhãn như kinh dạy: "6 pháp Ba-la-mật hay sanh 5 nhãn. Bồ tát tu tập 6 pháp Ba-la-mật, thành tựu 5 nhãn thanh tịnh, mau chứng được Vô Thượng Bồ Đề".

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát do thật hành Bát nhã Ba-la-mật, mà tu được các thần thông Ba-la-mật, nên muốn làm việc gì cũng đều được như ý. Ví như có thể làm chấn động đại địa; biến một thân thành vô số thân; biến vô số thân trở lại thành một thân; ẩn hiện tự tại; xuyên qua vách tường, vách đá đều được vô ngại; đi giữa hư không**

như chim bay; đi trên mặt nước như đi trên đất bằng; lặn sâu xuống nước; biến thân thành sóng, thành băng, thành tuyết, thành núi cao, rừng rậm v.v...

Oai đức của Bồ tát tựa như mặt trăng, mặt trời, chẳng ai có thể sánh được. Bồ tát được như ý thần thông như vậy, mà chẳng thấy có như ý thần thông, có sự hành như ý thần thông, vì biết rõ tất cả đều là bất khả đắc, là tự tánh không, tự tánh ly, tự tánh vô sanh vậy. Cho nên, Bồ tát chẳng dấy niệm rằng ta được như ý thần thông, trừ trường hợp vì tâm Tác Bà Nhã.

Như vậy gọi là Bồ tát, thật hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chứng được như ý thần thông trí.

Này Xá Lợi Phất! Lại có Bồ tát do thật hành Bát nhã Ba-la-mật, mà được thiên nhĩ thanh tịnh hơn nhĩ căn của loài người, nghe được cả tiếng nói của loài Trời và tiếng nói của loài người. Bồ tát được thiên nhĩ như vậy, mà chẳng thấy có âm thanh, có sự nghe âm thanh, vì biết rõ tất cả đều là bất khả đắc, đều là tự tánh không, tự tánh ly, tự tánh vô sanh vậy. Cho nên, Bồ tát chẳng dấy niệm rằng ta được thiên nhĩ thông, trừ trường hợp vì tâm Tác Bà Nhã.

Như vậy gọi là Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chứng được thiên nhĩ thông trí.

Này Xá Lợi Phất! Lại có Bồ tát do thật hành Bát nhã Ba-la-mật, mà được tha tâm thông, như thật biết tâm của chúng sanh, biết rõ những chúng sanh có tâm giải thoát, những chúng sanh có tâm chưa giải thoát. Bồ tát được tha tâm trí như vậy, mà chẳng thấy có các tâm ấy. Vì sao? Vì tướng tâm chẳng phải là tướng tâm (tâm tướng phi tâm tướng). Tất cả các tướng tâm đều là bất khả đắc, đều là tự tướng không, tự tướng ly, tự tướng vô sanh vậy. Cho

nên, Bồ tát chẳng dấy niệm rằng ta được tha tâm thông, trừ trường hợp vì tâm Tát bà Nhã.

Như vậy gọi là Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chứng được tha tâm thông trí.

Này Xá Lợi Phất! Lại có Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, mà được túc mạng thông, nhớ biết được các niệm của mình, từ một niệm dẫn đến 100 niệm, các niệm trong một ngày dẫn đến trong 100 ngày, trong một năm dẫn đến 100 năm, trong một kiếp dẫn đến 100 kiếp... Bồ tát cũng biết rõ đời trước mình có họ như vậy, có tên như vậy, có nếp sống như vậy... Bồ tát cũng biết rõ đời trước mình thọ mạng được bao nhiêu tuổi; ở trên khắp các nẻo đường sanh tử, mình đã hưởng vui, đã thọ khổ như thế nào; biết rõ mình sanh ở đâu, chết ở đâu. Bồ tát biết rõ tất cả các tướng nhân duyên như vậy, mà chẳng sanh tâm chấp, chẳng thấy có túc mạng thông, có sự niệm nhớ nương theo túc mạng thông. Vì sao? Vì biết rõ thân cùng tất cả pháp đều là bất khả đắc, là tự tánh không, tự tánh ly, tự tánh vô sanh vậy. Cho nên, Bồ tát chẳng dấy niệm rằng ta được túc mạng thông, trừ trường hợp vì tâm Tát Bà Nhã.

Như vậy gọi là Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chứng được túc mạng thông trí.

Này Xá Lợi Phất! Lại có Bồ tát, do thật hành Bát nhã Ba-la-mật, mà được thiên nhãn, thấy chúng sanh chết đây, sanh kia; thấy chúng sanh sống đoan chánh hay tham đắm dục vọng; thấy chúng sanh ở chỗ tốt hay chỗ xấu; thấy những chúng sanh do khởi các ác nghiệp ở thân, khẩu, ý mà phải đọa vào 3 đường ác; thấy những chúng sanh do thành tựu được các thiện nghiệp ở thân, khẩu, ý mà được sanh về các đường thiện, như sanh lên

**cõi trời. Bồ tát biết tất cả như vậy, mà chẳng sanh tâm chấp, chẳng thấy có thiên nhãn thông, có các sự vật thấy được nhờ nương theo thiên nhãn thông. Vì sao? Vì biết rõ thân cùng tất cả pháp đều là bất khả đắc, là tự tướng không, tự tướng ly, tự tướng vô sanh vậy. Cho nên, Bồ tát chẳng dấy niệm rằng ta được thiên nhãn thông, trừ trường hợp vì tâm Tát Bà Nhã.**

**Như vậy gọi là Bồ tát, thật hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chứng được thiên nhãn thông trí.**

**Cả bốn thần thông, nêu lên sau, ở trên đây đều có công năng thấu suốt như vậy đó.**

**Này Xá Lợi Phất! Lại có Bồ tát do thật hành Bát nhã Ba-la-mật mà được lậu tận thông. Bồ tát được lậu tận thông chẳng lạc về Nhị Thừa địa, mãi cho đến khi được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng y nơi pháp nào khác, mà cũng chẳng chấp lậu tận thông. Vì sao? Vì biết rõ thân cùng tất cả pháp đều là bất khả đắc, là tự tướng không, tự tướng ly, tự tướng vô sanh vậy. Cho nên, Bồ tát chẳng dấy niệm rằng ta được lậu tận thông, trừ trường hợp vì tâm Tát Bà Nhã.**

**Như vậy gọi là Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chứng được lậu tận thông trí. Này Xá Lợi Phất! Bồ tát do thật hành Bát nhã Ba-la-mật, được đầy đủ 6 thần thông. Do vậy mà tâm Vô Thượng Bồ Đề được tăng ích.**

**LUẬN:**

Ví như trong biển lớn có rất nhiều thứ châu báu: Có thứ khử được các độc chất, có thứ ngăn chận ma quỷ quấy nhiễu, có thứ trừ được các bệnh tật, có thứ trừ được nóng lạnh, có thứ trừ được đói khát v.v... Bồ tát tùy nguyện chúng sanh,

hóa tác ra đầy đủ các của cải vật chất, khiến ai mong cầu gì cũng đều được như ý nguyện.

Châu báu vô số lượng thì hạnh nguyện của Bồ tát cũng vô số lượng. Có Bồ tát hay phá các đường ác, có Bồ tát hay khai mở các đường thiện, có Bồ tát hay sanh 5 nhãn; có Bồ tát hay hành các thần thông Ba-la-mật.

Bởi vậy nên kinh nói rằng chư vị Bồ tát thường làm những việc hy hữu, tùy ý làm chấn động đại địa, biến từ một thân thành vô số thân, biến vô số thân trở lại thành một thân v.v...

Ví như hư không chứa nhóm vô lượng vi trần, người ly dục chưa nhóm vô lượng nhân duyên phước đức, nên Bồ tát có thể từ một thân biến hóa ra vô lượng thân giống như thân mình vậy.

Các vị Chuyển Luân Thánh Vương chưa ly dục mà còn hưởng được rất nhiều phước báo, còn sai sử được các quỷ thần, huống nữa là Bồ tát đã hoàn toàn ly dục, đã thành tựu đầy đủ 4 vô lượng tâm.

Lại nữa, tâm tướng chẳng có chỗ trú xứ, nên Bồ tát có thể biến hóa trong thành ngoài, ngoài thành trong, xa thành gần, gần thành xa, lớn thành nhỏ, nhỏ thành lớn v.v... một cách vô ngại.

Lại nữa, do có định lực thâm hậu, nên Bồ tát có thể chỉ trong một niệm biến hóa từ một thân thành vô lượng thân, đi khắp 10 phương thế giới.

Các vị Long Thần còn có thô thân mà đã tự biến thân có 1.000 đầu, 1.000 miệng, 2.000 tai, 2.000 mắt... huống nữa là Bồ tát đã chứng được thanh tịnh pháp thân.

Lại nữa, người vào thâm thiền định có các lực chẳng thể nghĩ bàn được, có thể từ một thân biến thành vô lượng thân, có thể đi xuyên vách đá chẳng có gì ngăn ngại cả. Vì sao?

Vì đất đá... cũng đồng như hư không, đều là tự tướng không cả. Bởi vậy đối với Bồ tát thì khai và hợp chẳng có gì ngăn ngại nhau cả.

**Hỏi:** *Phải vào đệ tứ thiền mới có được các sức thần thông. Vì sao nói Phạm Thiên Vương cũng được thân tự tại?*

**Đáp:** Trước đây đã có nói rằng thế giới Phạm Thiên là cửa ban đầu dẫn vào các cõi trời Sắc Giới. Loài người nghĩ Phạm Thiên Vương là vị hóa chủ tạo ra thế giới, nên kinh thường nói đến Phạm Thiên.

Lại nữa, có Bồ tát không muốn ở cõi Dục vì sợ tâm bị loạn động nên hiện sanh làm Phạm Thiên Vương.

-o0o-

Nên biết hàng ngoại đạo phạm 2 lầm lỗi lớn, đó là:

- Khởi tâm chấp ngã, thường tự cho mình khởi sanh ra muôn vật.

- Đắm chấp các thần thông, như người tham đắm các của báu.

Bởi vậy nên thần thông của ngoại đạo không bằng được thần thông của các bậc Thánh.

Bồ tát có thần thông, biết rõ hết thảy pháp đều bất sanh, bất diệt nên chẳng có chấp pháp, Bồ tát chỉ niệm Nhất thiết chủng trí nhằm độ thoát chúng sanh.

Bồ tát dùng các lực thần thông để rộng độ chúng sanh, trước thuyết về tướng rồi dần dần dẫn họ vào vô tướng, khiến họ được nhiều lợi ích. Do vậy mà Bồ tát làm tăng ích đạo Vô Thượng Bồ Đề.

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, an trú trong Đàn Ba-la-mật, thanh tịnh Tát Bà Nhã. Do vào được nơi rốt ráo không, nên Bồ tát chẳng sanh xan tham.**

**Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, an trú trong Thi La Ba-la-mật, thanh tịnh Tát Bà Nhã. Do vào được nơi rốt ráo không, nên Bồ tát chẳng chấp tội, cũng chẳng chấp không tội.**

**Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, an trú trong Sẵn Đề Ba-la-mật, thanh tịnh Tát bà Nhã. Do vào được nơi rốt ráo không, nên Bồ tát chẳng sanh sân nhuế.**

**Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, an trú trong Tỳ Lê Gia Ba-la-mật, thanh tịnh Tát Bà Nhã. Do vào được nơi rốt ráo không, nên Bồ tát thường tinh tấn, chẳng sanh giải đãi.**

**Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát thật hành Bát nhã Bạ-la-mật, an trú trong Thiền Na Ba-la-mật, thanh tịnh Tát Bà Nhã. Do vào được nơi rốt ráo không, nên Bồ tát chẳng loạn, chẳng muội, chẳng tham đắm thiền vị.**

**Này Xá Lợi Phất Có Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, an trú trong Bát nhã Ba-la-mật, thanh tịnh Tát bà Nhã. Do vào được nơi rốt ráo không, nên Bồ tát chẳng sanh ngu si.**

**Này Xá Lợi Phất! Bồ tát an trú trong 6 pháp Ba-la-mật, thanh tịnh Tát Bà Nhã, vào được rốt ráo không, nên chẳng thấy có đi hay đến, chẳng thấy có thí hay thọ, chẳng thấy có trì giới hay phạm giới, chẳng thấy có nhẫn**

**nhục hay sân nhuế, chẳng thấy có tinh tấn hay giãi đãi, chẳng thấy có định hay loạn, chẳng thấy có trí huệ hay ngu si.**

**Lúc bấy giờ Bồ tát chẳng còn phân biệt bố thí với không bố thí, trì giới với phạm giới, nhẫn nhục với sân nhuế, tinh tấn với giải đãi, định với loạn, trí huệ với ngu si. Bồ tát cũng chẳng phân biệt khinh khi, não hại với cung kính cúng dường.**

**Này Xá Lợi Phất! Đại Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, an trú trong 6 pháp Ba-la-mật như vậy nên được vô lượng công đức.**

**Các hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật chẳng có được những công đức như vậy, nên chẳng sao sánh kịp Bồ tát.**

**Đại Bồ tát đầy đủ các công đức thành tựu chúng sanh và thanh tịnh Phật độ như vậy, mau được Vô Thượng Bồ Đề, mau thành bậc Nhất thiết chủng trí.**

**LUẬN:**

Bồ tát từ sơ phát tâm, đã vì Tát Bà Nhã mà thật hành Bát nhã Ba-la-mật, quán hết thảy các pháp đều là tự tánh không, nên chẳng sanh tham tâm.

Hai công đức này mở đường vào Tát Bà Nhã. Vì sao? Vì ở nơi rốt ráo không thì chẳng còn có xan tham, nên xan tham được đoạn trừ tận gốc rễ. Có như vậy mới được đầy đủ Đàn Ba-la-mật... Dẫn đến biết rõ Bát nhã Ba-la-mật cũng là rốt ráo không, nên chẳng còn sân si tâm. Vì sao? Vì ở trong Phật pháp chẳng có đi hay đến, chẳng có thí hay thọ, chẳng có trì giới hay phạm giới, chẳng có nhẫn nhục hay sân nhuế, chẳng có tinh tấn hay giải đãi, chẳng có định hay loạn, dẫn đến chẳng có trí huệ hay ngu si. Tất cả đều bình đẳng không khác.

**Hỏi:** *Nếu nói như vậy, thì hành bố thí Ba-la-mật đâu có lợi ích gì?*

**Đáp:** Phật dạy: "Bồ tát hành bố thí chẳng niệm có người thí, có kẻ thọ, có vật thí". Vì sao? Vì nếu chấp có ta là người hành bố thí thì sanh kiêu mạn, nếu niệm chỗ sở thí thì rơi về tà kiến.

**Hỏi:** *Vì sao nói Bồ tát từ khi sơ phát tâm đến khi tọa đạo tràng, chẳng niệm "có - không" là hạng Bồ tát có trí huệ Bát nhã, có tâm kiên cố như núi Tu Di, dù gió thổi mạnh cả 4 bên cũng vẫn chẳng có lay động?*

**Đáp:** Ở trong bất cứ tình huống nào, dù được tán thán hay được cúng dường, dù bị khinh khi hay bị não hại, Bồ tát vẫn giữ tâm bình thản, chẳng hề lay động. Vì sao? Vì theo như lời Phật dạy, thì chẳng có ai tán thán cúng dường, chẳng có ai khinh khi não hại, cũng chẳng có ai được tán thán, cúng dường, chẳng có ai bị khinh khi não hại cả.

Bởi vậy nên khi được người tán thán cúng dường, Bồ tát chẳng sanh cao tâm, chẳng sanh tự mãn, khi bị người có ác tâm đến phỉ báng, khinh khi, não hại, Bồ tát chỉ nhẫn nhục chịu đựng, hoặc im lặng xa lánh họ, chẳng chút oán ghét thù hận. Hơn thế nữa, đối với hạng người ác tâm nói nơi đây, Bồ tát lại còn thâm tâm từ niệm họ, dùng mọi phương tiện cứu độ họ, thương họ như thương con dại. Vì sao? Vì nhẫn nhục và từ bi là những phương tiện lực thâm thâm vi diệu, nên Bồ tát thường tùy thuận thanh tịnh nghiệp mà duyên chúng sanh nhằm hóa độ họ.

Bồ tát làm các việc rất khó làm, thắng hơn các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Bồ tát có đầy đủ Phật pháp như vậy mới có thể thành tựu

chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, mau được Vô Thượng Bồ Đề, mau thành bậc Nhất thiết chủng trí.

-o0o-

**KINH:**

**Này Xá Lợi Phất! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, giữ tâm bình đẳng ở nơi hết thảy chúng sanh và ở nơi hết thảy pháp.**

**Bồ tát đưa hết thảy chúng sanh vào trong các pháp bình đẳng. Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên ở hiện đời được chư Phật ở khắp 10 phương thường hộ niệm, được chư Bồ tát, Bích Chi Phật và Thanh Văn phò trợ, được mọi loài chúng sanh thương mến, kính trọng.**

**Dù sanh ở chỗ nào thì mắt của Bồ tát cũng chẳng thấy sắc, chẳng ái sắc... dẫn đến ý của Bồ tát cũng chẳng biết sắc, chẳng ái sắc.**

**Này Xá Lợi Phất! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, chẳng làm tổn giảm tâm Vô Thượng Bồ Đề.**

**LUẬN:**

Nếu Phật nói về các tướng của Bồ tát, thì suốt cả một kiếp cũng chẳng sao nói hết được. Nay Phật chỉ lược nói về tướng của Bồ tát thường hành đại từ đại bi mà thôi.

Bồ tát đã phát thệ nguyện độ hết thảy chúng sanh, nên ở nơi hết thảy chúng sanh khởi tâm bình đẳng, vô phân biệt, đưa chúng sanh vào trong các pháp bình đẳng.

- Niệm chúng sanh bình đẳng.

- Quán 4 niệm xứ bình đẳng.

- Hành 4 chánh cần bình đẳng.

- Hành 4 như ý túc bình đẳng.

- Bồ tát hành tâm từ bi bình đẳng, nhằm làm 4 việc lợi ích cho chúng sanh:

- Thường nhớ nghĩ đến hết thảy chúng sanh, ở trong 6 đạo, đang chìm đắm trong vô thường, trong sanh, già, bệnh, chết... Như vậy là niệm chúng sanh bình đẳng.

- Hành 5 căn, 5 lực..., 5 thần thông làm các phương tiện lực để độ thoát hết thảy chúng sanh; hành từ bi, nhẫn nhục... nhằm đem lại sự an lạc cho chúng sanh.

Như vậy là niệm chúng sanh bình đẳng.

Hành thâm thiền định, được tâm nhu nhuyến, thanh tịnh, lại dạy chúng sanh hành thiền định, khiến họ cũng được tâm nhu nhuyến thanh tịnh. Do tâm nhu nhuyến thanh tịnh mà phá được các chấp về pháp tướng, biết rõ hết thảy các pháp đều bình đẳng.

Như vậy là niệm pháp bình đẳng.

Khi đã được biết rõ hết thảy các pháp đều bình đẳng thì biết rõ hết thảy pháp đều chỉ là một tướng ( nhất tướng) là chẳng có tướng (vô tướng), nên vào được nơi thật tướng pháp.

Như vậy là niệm pháp bình đẳng.

Bồ tát thành tựu trí huệ như vậy nên ở hiện đời được chư Phật ở khắp 10 phương thường hộ niệm, được chư Bồ tát, Bích Chi Phật và Thanh Văn thường phò trợ, được mọi loài chúng sanh thương mến và kính trọng.

-o0o-

Trải qua vô lượng kiếp Bồ tát đã tu ly dục, đã thành tựu vô lượng nhân duyên phước đức, nên được hai quả báo tốt. Đó là:

- Chẳng thấy các ác sắc, nên chẳng thọ các khổ não.

- Chẳng chấp sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp nên chẳng sanh ưu tâm. Ví như chư Thiên ở cõi trời Lục Dục Thiên được tùy ý sanh tâm hoan hỷ, vì 5 căn thường duyên các tịnh diệu cảnh.

- Do Bồ tát thành tựu được vô lượng vô biên công đức trí huệ, nên được chư Phật ở khắp 10 phương thường hộ niệm, được chư Bồ tát và chư Thánh Hiền thường phò trợ, được mọi loài chúng sanh thương mến, kính trọng.

-o0o-

**KINH:**

**Lúc đức Phật thuyết phẩm kinh này, trong pháp hội có 300 vị Tỷ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, dâng y cúng dường Phật. Vì sao? Vì nghe được các lời Phật dạy, các vị Tỷ-kheo này đã phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.**

**Lúc bấy giờ Phật mỉm cười, và từ kim khẩu của Phật hiện ra các hào quang nhiều sắc.**

**Ngài A Nan từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay, quỳ gối, và thưa rằng: Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà Thế Tôn mỉm cười?**

**Phật dạy: Này A Nan! 61 kiếp sau, 300 vị Tỷ-kheo này sẽ thành Phật hiệu là Đại Tướng. Sau khi xả thân, 300 vị Tỷ-kheo này sẽ sanh về cõi nước của đức Phật A Súc Bệ, tiếp tục tu hành. Lại có 6 vạn chư Thiên ở cõi trời Dục giới đồng phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, và về sau, trong**

**thời chánh pháp của đức Phật Di Lặc sẽ xuất gia hành Phật đạo.**

**Lúc bấy giờ Phật dùng thần lực phóng quang minh, khiến cả 4 bộ chúng trong pháp hội thấy được các thế giới Phật ở khắp 10 phương đều trang nghiêm thanh tịnh. Liền khi đó, có 10 ngàn vị cư sĩ phát nguyện tu tịnh hạnh, nguyện được sanh về các thế giới đó.**

**Phật biết rõ chư vị thiện nam này đã được tâm nhu nhuyến, thanh tịnh, nên lại mỉm cười và từ kim khẩu của Phật lại hiện ra các quang minh chiếu sáng.**

**Ngài A Nan thưa: Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà Thế Tôn lại mỉm cười?**

**Phật dạy: Này A Nan! Ông có thấy 10 ngàn vị thiện nam đó không?**

**Ngài A Nan thưa: Bạch Thế Tôn! Con đã có thấy.**

**Phật dạy: Này A Nan! 10 ngàn vị thiện nam đó, sau khi mạng chung sẽ sanh về các thế giới Phật kia, trọn chẳng ly các đức Phật và ở đời rốt sau sẽ thành Phật, cùng một hiệu là Trang Nghiêm Vương.**

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Phật đã kiết giới cho các Tỷ-kheo phải có đủ 3 y, không được thiếu. Nay vì sao các Tỷ-kheo lại phá giới, đem y của mình mà dâng cúng dường Phật?*

**Đáp:** Có thuyết nói việc Phật kiết giới chỉ xảy ra 12 năm sau khi Phật thành đạo. Như vậy việc đem y của mình cúng dường Phật là chẳng có lỗi lầm.

Lại có thuyết nói rằng khi Tỷ-kheo hành thanh tịnh thí, đem y của mình ra bố thí cúng dường là chẳng có lỗi lầm. Chỉ có

những người có tâm tương ưng mới có thể thọ nhận được.

Lại có thuyết nói rằng trong các hạnh Bồ tát thì hành bố thí Ba-la-mật có được vô lượng công đức, khiến tâm được tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật. Các vị Tỷ-kheo đó sanh tâm hoan hỷ, đem y của mình cúng thí mà chẳng nghĩ gì khác, nên chẳng có lỗi phá giới vậy.

Lại có thuyết nói rằng chư vị Tỷ-kheo đó đã biết rõ Phật pháp là rốt ráo không, là vô sở hữu, nên chẳng còn chấp pháp, chẳng còn ái pháp, lại biết rõ việc kiết giới nhiếp về Thế Đế, chẳng phải là Đệ Nhất Nghĩa Đế nên cho việc cúng thí y là đại bố thí.

Lại có thuyết nói rằng chư vị Tỷ-kheo này do nghe Phật thuyết về bố thí Ba-la-mật, do lòng thương xót chúng sanh bị các phiền não che tâm, mà phát Bồ Đề tâm, đem y của mình dâng cúng Phật.

**Hỏi:** *Vì nguyên nhân gì mà Phật mỉm cười?*

**Đáp:** Cười do nhiều nguyên nhân khác nhau, như:

- Có người nghe ca nhạc vui nhộn mà cười.

- Có người do ác tâm, do sân nhuế, thấy mình đã hại được người khác... mà cười.

- Có người vì kiêu mạn mà cười.

- Có người vì hoàn tất được công việc mà cười.

- Có người vì điêu ngoa, gian trá, giả vờ làm người lương thiện để đánh lừa người khác mà cười.

- v.v...

-o0o-

Phật chỉ mỉm cười khi có đại sự nhân duyên. Vì Phật thấy chư vị Tỷ-kheo phát tâm thanh tịnh, đem cà sa của mình cúng thí, mà đời sau sẽ viên thành được Phật sự v.v... mà mỉm cười vậy.

Những việc làm của 300 vị Tỷ-kheo cũng như của 10 ngàn vị cư sĩ nêu trong đoạn kinh trên đây, là những việc làm hy hữu, nên Phật mỉm cười.

**Hỏi:** *Vì sao ngài A Nan hỏi Phật mà các vị Tỷ-kheo khác chẳng có hỏi Phật?*

**Đáp:** Các vị Tỷ-kheo khác chẳng được thân cận Phật như ngài A Nan, nên chẳng dám thưa hỏi Phật.

Lại nữa, ngài A Nan biết rõ tâm niệm của các Tỳ Kheo, biết rõ các vị ấy sanh tâm nghi, khi thấy Phật mỉm cười, vì họ cho rằng chúng sanh đã là không, pháp đã là không, 3 cõi đã là như huyễn, như hóa thì chẳng có gì để mỉm cười cả. Do biết rõ như vậy nên Ngài mới thưa hỏi Phật để Phật giải nghi cho họ.

-o0o-

Như đã nói trên đây, Phật chỉ mỉm cười khi có đại sự nhân duyên, chẳng phải do tiểu nhân duyên vậy.

Phật dạy: "61 kiếp sau, 300 vị Tỷ-kheo này sẽ thành Phật, hiệu là Đại Tướng. Như vậy là người lợi căn thượng trí, vừa nghe thuyết pháp là liền được tương ưng, nên mau được thành Phật. Thế nhưng, Phật lại biết 300 vị Tỷ-kheo này chưa được thiên nhãn, tự nghĩ chẳng biết về sau mình sanh về đâu, nên Phật lại dạy tiếp: "Bỏ thân này, 300 vị Tỷ-kheo này sẽ sanh về cõi nước của đức Phật A Súc Bệ, tiếp tục tu hành".

Lại có 6 vạn chư Thiên cũng phát tâm bồ đề, sẽ được đức Phật Di Lặc độ, nên Phật dạy: "6 vạn chư thiên này về sau trong thời chánh pháp của đức Phật Di Lặc sẽ xuất gia hành đạo".

Lại nữa, khi Phật thọ ký cho 300 vị Tỳ-kheo sẽ sanh về cõi nước của Phật A Súc Bệ, thì cả 4 bộ chúng trong pháp hội đều muốn được thấy cõi Phật ấy, nên Phật phóng quang minh chiếu khắp mười phương. Nương theo quang minh của Phật, 4 bộ chúng liền thấy các thế giới Phật ở khắp 10 phương đều trang nghiêm thanh tịnh. Có người trông thấy như vậy rồi, tự thấy mình đang ở cõi nước uế trược, hèn hạ, nên phát tâm sanh về các thế giới thanh tịnh kia. Đây là nhân duyên Phật mỉm cười và phóng quang minh lần thứ 2. Phật thọ ký 10 ngàn người, do thấy các thế giới thanh tịnh mà phát tâm Bồ Đề. Phật dạy 10 ngàn người này, sau khi mạng chung sẽ sanh về các thế giới ấy để tu tập các tịnh hạnh, trọn chẳng ly các đức Phật và ở đời rốt sau sẽ thành Phật, cùng một hiệu là Trang Nghiêm Vương.

-o0o-

Sau lần thọ ký này, Phật nhiếp lại thần lực và cảnh tượng các thế giới thanh tịnh trang nghiêm ấy đều tan biến cả.

-o0o-

## Phẩm Thứ Năm

**Tán Thán 6 Ba-la-mật.**

**KINH:**

**Lúc bấy giờ, các vị huệ mạng Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề, Ma Ha Ca Diếp, cùng chúng đại Tỷ-kheo, các Ưu-bà-tắc, các Ưu-bà-di đều đứng dậy, chấp tay, bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật là Ba-la-mật tối đại, tối tôn, đệ nhất, thắng diệu, vô thượng, vô đẳng đẳng.**

**Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật là Tự Tướng Không Ba-la-mật, Tự Tánh Không Ba-la-mật, Vô Pháp Hữu Pháp Không Ba-la-mật. Bát nhã Ba-la-mật khai thị hết thảy các công đức Ba-la-mật, thành tựu hết thảy các công đức. Bát nhã Ba-la-mật là như hư không, là chẳng thể hoại.**

**Bạch Thế Tôn! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật là thật hành vô đẳng đẳng bố thí, đầy đủ vô đẳng đẳng Đàn Ba-la-mật, được vô đẳng đẳng thân, được vô đẳng đẳng pháp. Đây chính là pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.**

**Cả 5 Ba-la-mật kia cũng đều là như vậy cả.**

**Thế Tôn xưa kia, cũng thật hành Bát nhã Ba-la-mật, mà được đầy đủ 6 Ba-la-mật, được vô đẳng đẳng pháp, được vô đẳng đẳng sắc, thọ, tưởng, hành, thức; mà được thành Phật, chuyển vô đẳng đẳng pháp luân.**

**Chư Phật quá khứ, chư Phật vị lai cũng do thật hành Bát nhã Ba-la-mật mà được vô đẳng đẳng bố thí... dẫn đến chuyển vô đẳng đẳng pháp luân.**

**Bởi vậy nên Bồ tát muốn vượt qua hết thảy pháp để đến bờ bên kia, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật.**

**Bạch Thế Tôn! Đại Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, thì ở trong thế gian tất cả các hàng Trời, người, a-tu-la đều cung kính cúng dường.**

**Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy, này các thiện nam tử! Tất cả các hàng Trời, người, a-tu-la ở trong thế gian đều phải cung kính, cúng dường người thật hành Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì do nhân duyên có Bồ tát ra đời mới có các đường thiện, có hàng Trời, hàng Người, có Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo, Bồ tát đạo, dẫn đến có Phật đạo. Lại cũng do nhân duyên có Bồ tát ra đời mà có các thức ăn uống, có quần áo, có nhà cửa, có đèn đuốc, có các thứ ngọc ngà, châu báu.**

**Này Xá Lợi Phất! Hết thảy các thứ an lạc ở thế gian đều do Bồ tát vận hành mới có. Vì sao? Vì hành Bồ tát đạo là thật hành 6 pháp Ba-la-mật, là hành bố thí và cũng lấy bố thí để thành tựu chúng sanh... dẫn đến là hành Bát nhã Ba-la-mật, và cũng lấy Bát nhã Ba-la-mật để thành tựu chúng sanh.**

**Này Xá Lợi Phất! Bởi nhân duyên vậy, nên đại Bồ tát ra đời, để tự hành bố thí và dạy cho người hành bố thí... dẫn đến tự hành Bát nhã Ba-la-mật và dạy cho người hành Bát nhã Ba-la-mật, để an lạc thế gian.**

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Phật có 5.000 vị Tỳ-kheo, trong đó có 1.200 vị hòa thượng. Như vậy vì sao chỉ nêu tên có 4 vị mà thôi?*

**Đáp:** Vì 4 vị đại Tỳ-kheo này có vô lượng công đức.

- Ngài Mục Kiền Liên là cánh tay phải của Phật. Ngài là bậc Thần Thông Đệ Nhất.

- Ngài Xá Lợi Phất là cánh tay trái của Phật. Ngài là bậc Trí Huệ Đệ Nhất.

- Ngài Tu Bồ Đề là bậc Vô Tránh Hành Không Đệ Nhất.

- Ngài Ma Ha Ca Diếp là bậc tu hạnh Đầu Đà Đệ Nhất. Ngài là vị được đức Thế Tôn chọn để truyền y bát. Về sau này, y bát của Phật truyền cho ngài Ma Ha Ca Diếp, sẽ truyền lại cho đức Phật Di Lặc.

Ở hiện đời, những ai có phước báo cúng dường 4 vị Đại Tỷ-kheo này, thì đều được như ý nguyện.

**Hỏi:** *Chư vị A-la-hán đã được thân rốt sau rồi. Như vậy các ngài còn tán thán Bát nhã Ba-la-mật làm gì nữa?*

**Đáp:** Người đời chỉ biết A-la-hán được vô lậu đạo, mà chẳng có biết đến trí huệ của Bồ tát.

A-la-hán tuy có tâm từ bi, tuy có giúp Phật trong việc giáo hóa chúng sanh, nhưng chưa hành Bát nhã Ba-la-mật, là trí huệ đệ nhất.

Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo cả 5 Ba-la-mật kia, nên Ba-la-mật tối đại, tối tôn, là Ba-la-mật đệ nhất, là Ba-la-mật tối thắng. Bát nhã Ba-la-mật thành tựu cả tự lợi lẫn lợi tha, nên là Ba-la-mật tối diệu. Trong các Ba-la-mật, thì Bát nhã Ba-la-mật chẳng có lầm lỗi, nên là Ba-la-mật vô thượng. Lại nữa, chẳng có pháp nào sánh kịp với Bát nhã Ba-la-mật, nên Bát nhã Ba-la-mật là Ba-la-mật vô đẳng đẳng. Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của chư Phật. Chư Phật trong 3 đời đều theo Bát nhã Ba-la-mật sanh, nên Bát nhã Ba-la-mật là vô thượng Ba-la-mật, là vô đẳng đẳng Ba-la-mật.

Vào trong Bát nhã Ba-la-mật, thì hết thảy các pháp tướng đều là không, nên Bát nhã Ba-la-mật là Tự Tướng Không Ba-la-mật. Lại nữa, hết thảy pháp đều do duyên hòa hợp sanh, nên Bát nhã Ba-la-mật là Tự Tánh Không Ba-la-mật. Lại nữa, chẳng có pháp, chẳng có danh tự pháp nên là pháp không, chẳng có chúng sanh, chẳng có danh tự chúng sanh nên là chúng sanh không. Do pháp không và chúng sanh không mà phá được hết thảy các pháp, khiến được vô sở hữu, nên Bát nhã Ba-la-mật là Vô Pháp Hữu Pháp Không Ba-la-mật.

Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, chẳng thấy có các công đức, cũng chẳng thấy có chúng sanh nào được độ.

-o0o-

Ví như có mặt trời mọc lên thì trăm hoa đua nở. Có Bồ tát ra đời thật hành Bát nhã Ba-la-mật, thì thế gian mới được nhuần công đức, nên nói Bát nhã Ba-la-mật khai thị hết thảy công đức Ba-la-mật.

Lại nữa, Bát nhã Ba-la-mật là gốc của hết thảy thiện pháp, nên nói Bát nhã Ba-la-mật thành tựu hết thảy các công đức Ba-la-mật.

Lại nữa, ví như hư không chẳng thể hoại, ở trong thế gian chẳng có pháp nào khuynh đảo được Bát nhã Ba-la-mật, phá hoại được Bát nhã Ba-la-mật. Bởi vậy nên gọi Bát nhã Ba-la-mật là Bất Khả Hoại Ba-la-mật.

-o0o-

Chư vị A-la-hán tán thán chư Phật trong ba đời là tán thán Bát nhã Ba-la-mật. Vì hành Bát nhã Ba-la-mật là hành vô tỷ bố thí... dẫn đến hành vô tỷ trí huệ.

Ở trong thế gian chẳng có gì có thể so sánh được với 6 pháp Ba-la-mật, chẳng gì có thể bằng được 6 pháp Ba-la-mật. Vì sao? Vì 6 pháp Ba-la-mật là rốt ráo thanh tịnh, chẳng có lỗi lầm nên gọi là vô tỷ, là vô đẳng đẳng vậy.

**Hỏi:** *Có vô lượng chư Phật trong ba đời. Vì sao chỉ nói đến đức Phật Thích Ca Mưu Ni mà thôi?*

**Đáp:** Ở thế giới này, chúng sanh chỉ thấy được đức Phật Thích Ca Mưu Ni mà được độ.

Ví như ngài Xá Lợi Phất, do cảm kích ân đức của Phật, đã nói: "Nếu thầy chúng ta không ra đời, thì chúng ta chẳng sao có được ánh sáng trí huệ, chúng ta cũng chỉ như những người mù chẳng sao thấy được ánh sáng của mặt trời vậy".

Chư vị A-la-hán do đã biết rõ chư Phật trong ba đời đều xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật, nên đã có lời tán thán rằng: "Đại Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật thông rõ hết thảy các pháp".

Chư vị A-la-hán tán thán như vậy rồi, liền sanh tâm thanh tịnh, nên lại nói: "Đại Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật được các hàng Trời, người đều cung kính cúng dường".

Phật ấn chứng lời tán thán của chư vị A-la-hán và dạy rằng: "Đúng như vậy, đúng như vậy... các ông phải nên cung kính cúng dường người thật hành Bát nhã Ba-la-mật. Dù chưa được Nhất Thiết Trí, mà nói như vậy, là đã chẳng còn lầm lạc nữa".

**Hỏi:** *Nếu nói rằng do nhân duyên Bồ tát ra đời, mà có các thức ăn uống, có nhà ở..., dẫn đến có các bảo vật thì vì sao ở đời vẫn có nhiều người phải lao nhọc lắm mới kiếm được miếng ăn, manh áo?*

**Đáp:** Có người sanh vào thời không có nạn đói khát, lại đem rất nhiều công sức ra để mưu cầu sự sống hằng ngày, mà vẫn phải chịu đói rách, cực khổ. Vì sao? Vì những người đó đã phạm trọng tội ở đời trước, nên đời nay phải lãnh chịu các nghiệp quả nhân duyên như vậy.

Bởi vậy nên ở thế gian, Bồ tát thường tán thán bố thí, trì giới. Vì sao? Vì thiện tâm là nhân duyên sanh phước đức.

Bậc thượng thiện làm việc gì cũng đều được như ý nguyện, được người kính mến tôn trọng.

Ở đoạn kinh trên đây, Phật nói đến 3 thú vui. Đó là: Vui ở cõi người (nhân lạc), vui ở cõi trời (thiên lạc) và vui ở Niết-bàn (Niết-bàn lạc). Tất cả đều do nhân duyên Bồ tát ra đời mà có vậy.

**Hỏi:** *Vui Niết-bàn là giải thoát. Còn vui ở cõi người và vui ở cõi trời đều do nhân duyên tham dục mà có, đều là vui của chúng sanh (chúng sanh lạc). Như vậy, vì sao nói có Bồ tát ra đời mới có các thứ vui đó?*

**Đáp:** Bồ tát đem tâm từ bi thanh tịnh, dạy dỗ chúng sanh trong loài người phải hòa thuận, thương yêu nhau... Như vậy là vui ở cõi người (nhân lạc). Bồ tát lại dạy chúng sanh tu phước để sanh lên cõi trời. Như vậy là vui ở cõi trời (thiên lạc).

Nếu chúng sanh chẳng nghe theo lời chỉ dạy của Bồ tát, khiến phải đọa lạc, thì đó chẳng phải lỗi lầm của Bồ tát. Ví như có người có lòng tốt đào giếng cho bà con trong xóm dùng, mà có người mê muội nhảy xuống giếng chết, thì chẳng phải là lỗi lầm của người đào giếng.

Lại ví như người đem cúng dường các thức ăn ngon mà người thọ sự cúng dường ăn quá nhiều, đến phải bị trúng thực, thì chẳng phải lỗi lầm của người cúng dường vậy.

Phải nên biết rằng do nhân duyên có sự giáo hóa của Bồ tát, mà chúng sanh khởi được chánh niệm, tinh tấn tu hành, dẫn đến hưởng được nhiều phước lạc.

-o0o-

Bồ tát do chưa có được Phật nhãn, nên chỉ đem lại cho chúng sanh 3 thứ vui. Đó là:

- Vui ở cõi người (nhân lạc).

- Vui ở cõi trời (thiên lạc).

- Vui ở cõi Niết-bàn (Niết-bàn lạc).

Còn chư Phật chỉ dùng đạo giải thoát để giáo hóa chúng sanh, đem lại cho chúng sanh niềm vui giải thoát (giải thoát lạc).

-o0o-

# Phẩm Thứ Sáu

## Thiệt Tướng
(Tướng Lưỡi)

**KINH:**

**Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn hiện tướng lưỡi rộng dài trùm khắp cả đại thiên thế giới. Từ nơi tướng lưỡi phóng ra vô số hào quang nhiều màu sắc, chiếu đến tận các thế giới Phật ở khắp 10 phương.**

**Ở các thế giới Phật phương Đông có vô số Bồ tát thấy đại quang minh này, đều bạch với các đức Phật của mình rằng: Bạch Thế Tôn! Có vị nào đang dùng thần lực phóng đại quang minh chiếu khắp cả 10 phương thế giới như vậy?**

**Các đức Phật đều dạy rằng: Này các thiện nam tử! Ở phương Tây có thế giới Ta Bà. Ở nơi đây có đức Phật Thích Ca Mưu Ni đang hiện tướng lưỡi rộng dài, phóng đại quang minh để vì chư đại Bồ tát, thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật.**

**Ở các thế giới Phật về phương Tây, phương Nam, phương Bắc, hai phương Trên Dưới và bốn phương chéo cũng đều như vậy.**

**Các Bồ tát ở các thế giới Phật đó đều bạch với các đức Phật của mình rằng: Bạch Thế Tôn! Chúng con đều muốn đến cõi Ta Bà để cúng dường đức Phật Thích Ca Mưu Ni, và để được nghe thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật.**

Các đức Phật đều dạy rằng: Này các thiện nam tử! Các ngươi nên tự biết đến thời mà đi.

Lúc bấy giờ, chư vị Bồ tát ở các thế giới đó, đem vô lượng hương hoa, tràng phan, bảo cái, chuỗi anh lạc v.v... đến cõi Ta Bà để cúng dường đức Phật Thích Ca Mưu Ni. Từ các thế giới đó còn có vô lượng hương hoa, vàng bạc, châu báu... bắn về hướng cõi Ta Bà, để cúng dường đức Phật Thích Ca Mưu Ni. Hàng chư Thiên ở cõi trời cũng đem vô lượng hoa sen xanh, đỏ, vàng, trắng, và đủ thứ hương thơm đến cõi Ta Bà để cúng dường đức Phật Thích Ca Mưu Ni.

Các hoa quý do chư Bồ tát và chư Thiên rải để cúng dường đức Phật Thích Ca Mưu Ni đều trụ giữa hư không, kết thành các đài hoa quý, tợ như các tòa lâu đài muôn sắc trang nghiêm.

Trong pháp hội của đức Phật Thích Ca Mưu Ni, lúc bấy giờ, có 10 vạn ức người, từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay và bạch với Phật rằng: Bạch Thế Tôn ! Chúng con nguyện ở trong đời vị lai, sẽ có được thần lực biến hóa, sẽ có được chúng đệ tử, sẽ thuyết pháp như Phật hiện nay ở đạo tràng này.

Phật biết rõ các vị này đã vào được pháp tánh bất sanh, bất diệt, bất khứ, bất lai, bất xuất, bất nhập của hết thảy pháp, đã được Vô Sanh Pháp Nhẫn. Do vậy, Phật mỉm cười và từ kim khẩu của Phật phóng ra vô lượng diệu sắc quang minh.

Ngài A Nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà Thế Tôn lại mỉm cười?

Phật dạy: Này A Nan! Trong pháp hội này, hiện có 10

**vạn ức người đã được Vô Sanh Pháp Nhẫn. Những người này, trong đời vị lai, trải qua 68 kiếp nữa sẽ thành Phật. Các vị Phật ấy đồng một hiệu là Giác Hoa Như Lai, và kiếp ấy gọi là Hoa Tích.**

**LUẬN:**

**Hỏi:** *Ở phẩm thứ nhất đã có lần nói về tướng lưỡi rộng dài của Phật rồi. Nay vì sao còn nói nữa?*

**Đáp:** Các sự kiện chẳng phải xảy ra cùng thời, cùng nơi. Khi nào Phật muốn hòa hợp đại chúng, muốn độ hết thảy chúng sanh, thì Phật hiện tướng lưỡi rộng dài.

- Trước đây theo lời thưa hỏi của ngài Xá Lợi Phất, mà Phật hiện tướng lưỡi rộng dài, và phóng quang minh chiếu khắp 10 phương thế giới để minh chứng thật ngữ.

- Nay, ở vào một thời điểm khác, và do một đại sự nhân duyên khác mà Phật lại hiện tướng lưỡi rộng dài, và phóng quang minh chiếu khắp 10 phương thế giới. Lần này, Phật muốn ấn chứng lời nói của ngài Tu Bồ Đề thuyết về pháp Không, nhằm giáo hóa chúng Bồ tát sơ phát tâm và giáo hóa chúng hội.

**Hỏi:** *Ngài Xá Lợi Phất là bậc trí huệ đệ nhất trong hàng đệ tử của Phật. Vì sao Phật lại bảo ngài Tu Bồ Đề thuyết về pháp "không"?*

**Đáp:** Các ngài đều là đại đệ tử của Phật. Phật tùy theo công hạnh của mỗi vị mà bảo các vị ấy thứ lớp nói pháp.

**Hỏi:** *Vì sao các ngài Mục Kiền Liên và Ma Ha Ca Diếp không được Phật bảo nói pháp trong hội Bát nhã này?*

**Đáp:** Kinh *Bát nhã Ba La Mật* là kinh hiển bày trí huệ

của Phật. Bởi vậy nên những câu hỏi nêu lên nhằm làm duyên khởi cho việc thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật đều do ngài Xá Lợi Phất khởi xướng. Trong hàng Thanh Văn, thì ngài Xá Lợi Phất là bậc trí huệ đệ nhất.

Còn ngài Tu Bồ Đề đã thành tựu được hai công đức lớn. Đó là:

- Ngài khéo tu định Vô Tránh, có tâm từ bi đối với chúng sanh. Tuy ngài không có rộng độ chúng sanh, nhưng ngài thường giúp các Bồ tát trong việc giáo hóa chúng sanh.

- Ngài khéo tu hành pháp "không". Vì Bát nhã Ba-la-mật chủ yếu nói về pháp "không" nên Phật giao phó cho ngài vậy.

Ngài Tu Bồ Đề nương theo thần lực của Phật, thuyết giảng về pháp "không" cho đại chúng nghe.

-o0o-

Lúc bấy giờ, Phật hiện tướng lưỡi rộng dài và phóng quang minh chiếu sáng, khiến các vị Bồ tát ở khắp 10 phương thế giới vân tập về để nghe thuyết Bát nhã Ba-la-mật.

Chư Bồ tát và chư Thiên rải hoa cúng dường Phật. Các hoa trụ giữa hư không, kết thành các đài hoa muôn sắc trang nghiêm.

Nương theo thần lực của Phật, cả chúng hội đều thấy được các thế giới Phật ở khắp trong 10 phương, thấy được các đức Phật ở các thế giới đó cũng đang thuyết pháp.

Tức thời trong chúng hội có 10 vạn ức người được Vô Sanh Pháp Nhẫn, đồng phát nguyện rằng: Bạch Thế Tôn! Chúng con nguyện ở trong đời vị lai, sẽ có được thần lực biến hóa, sẽ có được chúng đệ tử; sẽ thuyết pháp như Phật hiện nay ở đạo tràng này.

Phật biết rõ các người này đã được Vô Sanh Pháp Nhẫn, nên lại mỉm cười và phóng quang minh muôn sắc.

Ngài A Nan hỏi Phật về lý do Phật mỉm cười và phóng quang, Phật dạy rằng: Trải qua 68 kiếp nữa, những người này sẽ thành Phật, đồng một hiệu là Giác Hoa Như Lai, và kiếp ấy gọi là Hoa Tích.

-o0o-

Tất cả 10 vạn ức người này do thấy chư Phật và chư Thiên ở các thế giới xa xăm đến cúng dường Phật, lại thấy các hoa tán Phật đều trụ giữa hư không, kết thành các đài hoa muôn sắc, trang nghiêm mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, được Vô Sanh Pháp Nhẫn. Đây là một đại sự nhân duyên, nên Phật mỉm cười, phóng quang và thọ ký như đã nêu ở đoạn kinh trên đây.

(Hết quyển 40)

Hết tập II